



Phụ lục II

NỘI DUNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. KHAI NIỆM, ĐỊNH NGHĨA VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ NGÀNH KINH TẾ

1. Hoạt động kinh tế: Là quá trình sử dụng nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, lao động, công nghệ, mạng thông tin... nhằm tạo ra các hàng hóa hoặc dịch vụ mới, như vậy mỗi hoạt động kinh tế có đặc trưng được thể hiện bằng quy trình sản xuất, nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

2. Ngành kinh tế: Về lý thuyết sẽ là tốt nhất nếu mỗi hoạt động tạo nên một ngành, do vậy danh mục ngành là danh mục các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên trong thực tế, danh mục ngành theo chuẩn mực tối ưu này không xác lập được do sự phong phú, tính phức tạp và hay thay đổi của các hoạt động kinh tế. Do đó, ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam là tập hợp các hoạt động kinh tế giống nhau dựa trên 3 tiêu chí xếp theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- Quy trình và công nghệ sản xuất của hoạt động kinh tế;
- Nguyên liệu đầu vào mà hoạt động kinh tế sử dụng để tạo ra sản phẩm;
- Đặc điểm của sản phẩm sản xuất ra của hoạt động kinh tế.

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam phân loại các hoạt động kinh tế dựa trên tính chất của hoạt động kinh tế, do đó cần lưu ý một số nội dung sau:

- Không căn cứ vào loại hình sở hữu, loại hình tổ chức, phương thức hay quy mô của hoạt động sản xuất. Chẳng hạn đối với hoạt động sản xuất giày, dép thì bất kể hoạt động này thuộc sở hữu tư nhân hay nhà nước, loại hình tổ chức là doanh nghiệp độc lập hay phụ thuộc hay cơ sở kinh doanh cá thể, được thực hiện theo phương thức thủ công hay máy móc, với quy mô sản xuất lớn hay nhỏ đều được xếp vào ngành: “Sản xuất giày, dép”, mã số 15200.

- Khái niệm “ngành kinh tế” khác với khái niệm “ngành quản lý”: Ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được hình thành từ các hoạt động kinh tế diễn ra trong lãnh thổ kinh tế của Việt Nam, bất kể các hoạt động kinh tế này do ai quản lý; ngược lại ngành quản lý bao gồm những hoạt động kinh tế thuộc quyền quản lý của một đơn vị nhất định (bộ, ngành quản lý nhà nước...), bất kể hoạt động đó thuộc ngành kinh tế nào. Như vậy ngành quản lý có thể bao gồm một hay nhiều ngành kinh tế.

- Khái niệm ngành kinh tế cũng cần phân biệt với khái niệm nghề nghiệp. Ngành kinh tế gắn với đơn vị kinh tế, tại đó người lao động làm việc với các nghề nghiệp khác nhau. Lao động theo ngành kinh tế phản ánh hoạt động kinh tế của mỗi cá nhân trong tổng thể các hoạt động của đơn vị; nghề nghiệp của người lao động phản ánh kỹ năng và việc làm cụ thể của họ tại đơn vị. Ví dụ, một người lao động làm kế toán trong đơn vị có hoạt động chính "Sản xuất thuốc lá", khi đó lao động được xếp vào ngành sản xuất thuốc lá nhưng nghề của lao động này là kế toán.

II. NỘI DUNG HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

A: NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Ngành này gồm: Khai thác (sử dụng) tài nguyên động, thực vật, bao gồm các hoạt động trồng trọt (nông nghiệp), chăn nuôi và nhân giống động, thực vật, khai thác gỗ và thu hoạch lâm sản khác, sản xuất các sản phẩm từ động vật tại trang trại (sữa, trứng, thịt...) hoặc từ môi trường tự nhiên.

Ngành này cũng gồm: Canh tác hữu cơ (không sử dụng phân bón tổng hợp hoặc thuốc trừ sâu hóa học), trồng trọt không cần đất (như thủy canh, trồng cây trong dung dịch dinh dưỡng), kết hợp nuôi trồng thủy sản và thủy canh, trồng cây biến đổi gen và chăn nuôi động vật biến đổi gen.

Loại trừ: Hoạt động sản xuất hàng hóa tự cung tự cấp của hộ gia đình cho tiêu dùng cá nhân được phân loại vào nhóm 98100 (Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình).

01: NÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Ngành này bao gồm 2 hoạt động cơ bản là sản xuất, sơ chế các sản phẩm từ thực vật và động vật, bao gồm: trồng cây trên đồng ruộng trồng, dưới mái che (như nhà kính, nhà lưới) hoặc sử dụng các phương pháp canh tác không cần đất như thủy canh, kết hợp nuôi trồng thủy sản và trồng trọt, chăn nuôi các loại vật nuôi để lấy các sản phẩm khác nhau.

Ngành 015 (Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp) không tuân theo nguyên tắc thông thường để xác định hoạt động chính mà căn cứ vào sự tương đối đồng đều giữa hoạt động gieo trồng và hoạt động chăn nuôi để xếp các đơn vị có hoạt động trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp vào ngành này hoặc ngành khác.

Ngành này cũng bao gồm các hoạt động dịch vụ liên quan trực tiếp đến nông nghiệp (ví dụ: bảo trì thiết bị, tưới tiêu...), cũng như săn bắn, đánh bắt và các hoạt động liên quan.

Ngành nông nghiệp không bao gồm những hoạt động chế biến tiếp theo đối với các sản phẩm nông nghiệp do những hoạt động này được phân vào ngành 10 (Sản xuất, chế biến thực phẩm), ngành 11 (Sản xuất đồ uống) và ngành 12 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá). Những hoạt động chuẩn bị cần thiết cho thị trường sơ cấp (ví dụ: làm sạch rau, phân loại trái cây...) được xếp vào ngành nông nghiệp.

Ngành này không bao gồm các hoạt động xây dựng trên đồng ruộng liên quan đến biến đổi đất đai cho mục đích nông nghiệp (ví dụ: xây dựng kênh tưới tiêu, làm ruộng bậc thang, thoát nước, ...) được xếp ngành F (Xây dựng) và hoạt động thị trường của các thương nhân mua và các hợp tác xã tham gia vào việc tiếp thị, mua bán nông sản được xếp vào G (Bán buôn và bán lẻ).

Loại trừ: Hoạt động dịch vụ cảnh quan được phân loại vào nhóm 81300 (Dịch vụ cảnh quan).

011: Trồng cây hàng năm

Nhóm này gồm các hoạt động gieo trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng của cây không kéo dài hơn một năm.

0111 - 01110: Trồng lúa

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng (cấy, sạ) các loại cây lúa: lúa nước, lúa cạn.

0112 - 01120: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mì, lúa mạch, cao lương, kê.

Loại trừ: Trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc được phân vào nhóm 0119 (Trồng cây hàng năm khác).

0113 - 01130: Trồng cây lấy củ có chất bột

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại cây lấy củ có hàm lượng tinh bột cao như: khoai lang, khoai tây, sắn, khoai nước, khoai sọ, củ từ, dong riềng,...

0114 - 01140: Trồng cây mía

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây mía để chế biến đường, mật và để ăn không qua chế biến.

0115 - 01150: Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây thuốc lá, thuốc Lào để cuốn thuốc lá điếu (xi gà) và để chế biến thuốc lá, thuốc Lào.

Loại trừ: Hoạt động chế biến thuốc lá được phân vào nhóm 1200 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá).

0116 - 01160: Trồng cây lấy sợi

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây bông, đay, cói, gai, lanh và cây lấy sợi khác.

0117 - 01170: Trồng cây có hạt chứa dầu

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại cây có hạt chứa dầu như cây đậu tương, cây lạc, cây vừng, cây thầu dầu, cây cải dầu, cây hoa hướng dương, cây rum, cây mù tạc và các cây có hạt chứa dầu khác.

0118: Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa

01181: Trồng rau các loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng rau các loại:

- Trồng các loại rau lấy lá như: Rau cải, bắp cải, rau muống, súp lơ, cây bông cải xanh, rau diếp, măng tây, rau cúc, rau cần ta, rau cần tây và các loại rau lấy lá khác;

- Trồng các loại rau lấy quả như: Dưa hấu, dưa chuột, bí xanh, bí ngô, cà chua, cây cà, cây ớt, các loại dưa và rau có quả khác;

- Trồng các loại rau lấy củ, củ rễ, hoặc lấy thân như: Su hào, cà rốt, cây củ cải, cây hành, cây tỏi ta, cây tỏi tây, cây mùi, cây hẹ và cây lấy rễ, củ hoặc thân khác;

- Trồng cây củ cải đường;

- Trồng các loại nấm.

Loại trừ:

- Trồng cây làm gia vị được phân vào nhóm 01281 (Trồng cây gia vị lâu năm) và nhóm 01282 (Trồng cây được liệu, hương liệu lâu năm);

- Thu nhặt hoa quả hoang dại như: Trám, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên... được phân vào nhóm 02302 (Thu nhặt lâm sản trừ gỗ).

- Sản xuất giống nấm được phân vào nhóm 01301 (Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm).

01182: Trồng đậu các loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại đậu để lấy hạt như: đậu đen, đậu xanh, đậu vàng, đậu trụng quốc, đậu hà lan...

Loại trừ: Trồng cây đậu tương được phân vào nhóm 01170 (Trồng cây có hạt chứa dầu).

01183: Trồng hoa hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng để bán các loại hoa phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa...

0119: Trồng cây hàng năm khác**01191: Trồng cây gia vị hàng năm**

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây hàng năm chủ yếu làm gia vị như cây ớt cay, cây gừng, cây nghệ,...

Loại trừ: Trồng cây gia vị lâu năm được phân vào nhóm 01281 (Trồng cây gia vị lâu năm).

01192: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng cây để làm thuốc và sản xuất hương liệu cung cấp cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: Cây atiso, ngải cứu, cây bạc hà, cà gai leo, cây xạ đen,... và sản xuất hương liệu.

Loại trừ: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm được phân vào nhóm 01282 (Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm).

01199: Trồng cây hàng năm khác còn lại

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây nông nghiệp hàng năm chưa được phân vào các nhóm từ 0111 đến 0119. Gồm: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); trồng cây sen lấy hạt,...

012: Trồng cây lâu năm

Nhóm này bao gồm các hoạt động trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng dài hơn một năm hoặc có thời gian sinh trưởng trong một năm nhưng cho thu hoạch sản phẩm trong nhiều năm.

0121: Trồng cây ăn quả**01211: Trồng nho**

Nhóm này gồm: Trồng nho làm nguyên liệu sản xuất rượu nho và trồng nho ăn quả.

Loại trừ: Sản xuất rượu nho được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang).

01212: Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới

Nhóm này gồm: Trồng cây xoài, cây chuối, cây đu đủ, cây thanh long... và trồng các loại cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới khác.

01213: Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác

Nhóm này gồm: Trồng cây cam, cây chanh, cây quýt, cây bưởi, cây quất lấy quả, cây phật thủ và các loại cây thuộc họ cam, quýt khác.

01214: Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo

Nhóm này gồm: Trồng cây táo, cây mận, cây mơ, cây đào, cây lê và các loại quả có hạt như táo khác.

01215: Trồng nhãn, vải, chôm chôm

Nhóm này gồm: Trồng cây nhãn, cây vải, cây chôm chôm.

01219: Trồng cây ăn quả khác

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây ăn quả chưa được phân vào các nhóm từ 01211 đến 01215. Gồm: Trồng cây ăn quả dạng bụi và cây có quả mọng, cây mâm xôi, cây dâu tây, cây hạt dẻ, cây óc chó,...

Loại trừ: Trồng cây điều được phân vào nhóm 01230 (Trồng cây điều).

0122 - 01220: Trồng cây lấy quả chứa dầu

Nhóm này gồm: Trồng cây dừa, cây ôliu, cây dầu cọ và cây lấy quả chứa dầu khác.

0123 - 01230: Trồng cây điều

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây điều.

0124 - 01240: Trồng cây hồ tiêu

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây hồ tiêu.

0125 - 01250: Trồng cây cao su

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây cao su, lấy mủ và sơ chế mủ cao su khô.

0126 - 01260: Trồng cây cà phê

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây cà phê.

0127 - 01270: Trồng cây chè

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây chè.

0128: Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm

01281: Trồng cây gia vị lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây lâu năm chủ yếu làm gia vị như cây đinh hương, cây vani,...

Loại trừ: Trồng cây hồ tiêu được phân vào nhóm 01240 (Trồng cây hồ tiêu).

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng cây lâu năm để làm thuốc và sản xuất hương liệu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: hoa nhài, hồi, ý dĩ, tam thất, sâm, sa nhân,...

Loại trừ:

Các hoạt động trồng quế, thảo quả,... được phân vào nhóm 02103 (Trồng rừng và chăm sóc rừng khác).

0129: Trồng cây lâu năm khác

01291: Trồng cây cảnh lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa như: cây hoa đào, cây hoa mai, cây quất cảnh, cây sanh, cây si,...

01299: Trồng cây lâu năm khác còn lại

Nhóm này gồm: Trồng các cây lâu năm khác chưa được phân vào các nhóm từ 0121 đến 0128. Gồm các cây lâu năm như: Cây dâu tằm, cây trôm, cây cau, cây trầu không,...

013 - 0130: Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

01301: Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm

Nhóm này gồm:

Hoạt động sản xuất hạt giống, gieo ươm các loại giống cây hàng năm như: sản xuất lúa giống; giống cây su hào, bắp cải, xúp lơ, cà chua, giống nải...

01302: Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm

Nhóm này gồm:

- Hoạt động sản xuất giống cây lâu năm như giâm cành, tạo chồi, cấy ghép chồi, tạo cây con để nhân giống cây trực tiếp hoặc tạo từ các gốc ghép cành thành các chồi non để cho ra sản phẩm cuối cùng là cây giống.

- Gieo ươm, cấy ghép, cắt cành và giâm cành các loại cây cảnh.

Loại trừ: Ươm giống cây lâm nghiệp được phân vào nhóm 02104 (Ươm giống cây lâm nghiệp).

014: Chăn nuôi

Nhóm này gồm: Tất cả hoạt động chăn nuôi các động vật (trừ thủy sản).

Loại trừ:

- Hỗ trợ giống, kiểm dịch, chăm sóc thú y được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Giết thịt, chế biến thịt, ngoài cơ sở chăn nuôi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất da, kéo sợi lông được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú).

0141: Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò

01411: Sản xuất giống trâu, bò

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò để sản xuất giống;

- Sản xuất tinh dịch trâu, bò.

01412: Chăn nuôi trâu, bò

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò thịt, cày kéo;

- Sản xuất sữa nguyên chất từ bò và trâu sữa.

Loại trừ:

- Chế biến sữa ngoài cơ sở chăn nuôi được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

0142: Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa

01421: Sản xuất giống ngựa, lừa

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi ngựa, lừa để sản xuất giống (bao gồm cả sản xuất giống ngựa đua);

- Sản xuất tinh dịch ngựa, lừa.

01422: Chăn nuôi ngựa, lừa, la

Nhóm này gồm: Chăn nuôi ngựa, lừa, la để lấy thịt, lấy sữa và cày kéo.

Loại trừ: Hoạt động đua ngựa được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

0144: Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

01441: Sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để sản xuất giống;
- Sản xuất tinh dịch dê, cừu, hươu, nai.

01442: Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để lấy thịt;
- Sản xuất sữa nguyên chất từ dê và cừu sữa;
- Chăn nuôi cừu để lấy lông.

Loại trừ:

- Công việc cắt xén lông cừu trên cơ sở phí và hợp đồng được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);
- Sản xuất da lông kéo thành sợi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);
- Chế biến sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

0145: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

01451: Sản xuất giống lợn

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi lợn để sản xuất giống;
- Sản xuất tinh dịch lợn.

01452: Chăn nuôi lợn

Nhóm này gồm: Chăn nuôi lợn thịt, lợn sữa.

Loại trừ:

- Hoạt động kiểm dịch lợn, chăm sóc và cho bú được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi).
- Giết thịt, chế biến thịt lợn ngoài trang trại chăn nuôi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt).

0146: Chăn nuôi gia cầm

01461: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở ấp trứng gia cầm để lấy con giống và trứng lợn.

01462: Chăn nuôi gà

Nhóm này gồm: Hoạt động chăn nuôi gà lấy thịt và lấy trứng.

01463: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng

Nhóm này gồm: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng lấy thịt và lấy trứng.

01469: Chăn nuôi gia cầm khác

Nhóm này gồm: Nuôi đà điểu, nuôi các loài chim cút, chim bồ câu.

0149 - 01490: Chăn nuôi khác

Nhóm này gồm:

- Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng;
- Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong;
- Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;
- Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.

Loại trừ:

- Nuôi và thuần dưỡng thú từ các trại được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);
- Sản xuất da, lông của các con vật do săn bắt và đánh bắt được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan);
- Trại nuôi ếch, nuôi cá sấu, nuôi ba ba được phân vào nhóm 03223 (Nuôi thủy sản khác);
- Huấn luyện các con vật cảnh được phân vào nhóm 914 (Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn thiên nhiên);
- Dịch vụ chăm sóc, trông giữ, huấn luyện thú cưng được phân vào nhóm 96909 (Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu);
- Hoạt động của các trại động vật hoang dã để chăm sóc động vật (thú cưng) bị bỏ rơi được phân vào nhóm 96909 (Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu).

015 - 0150 - 01500: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

Nhóm này gồm: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc như hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các đơn vị trồng trọt mà không có hoạt động nào chiếm 66% hoặc nhiều hơn giá trị sản xuất của đơn vị.

Loại trừ: Các đơn vị gieo trồng hỗn hợp hoặc chăn nuôi hỗn hợp được phân

loại theo hoạt động chính của chúng (Hoạt động chính là hoạt động có giá trị sản xuất từ 66% trở lên).

016: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp

Nhóm này bao gồm các hoạt động liên quan đến sản xuất nông nghiệp và các hoạt động tương tự như nông nghiệp nhưng không nhằm mục đích sản xuất (theo nghĩa là thu hoạch sản phẩm nông nghiệp), thường được thực hiện trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

Nhóm này cũng bao gồm các hoạt động trồng trọt sau thu hoạch, nhằm chuẩn bị sản phẩm nông nghiệp cho thị trường sơ cấp.

0161 - 01610: Hoạt động dịch vụ trồng trọt

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí hoặc hợp đồng các công việc sau:

- Chuẩn bị cho trồng trọt, ví dụ như: đào hố,...;
- Trồng cây;
- Xử lý cây trồng;
- Phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng;
- Cắt, xén, tỉa cây lâu năm;
- Làm đất, gieo, cấy, sạ...;
- Thu hoạch;
- Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên cây trồng;
- Kiểm tra hạt giống, cây giống;
- Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển;
- Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.
- Hoạt động duy trì và giữ cho đất luôn trong tình trạng tốt mà chưa cần sử dụng ngay cho sản xuất nông nghiệp.

Loại trừ:

- Các hoạt động cho cây trồng sau thu hoạch được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch) và 01640 (Xử lý hạt giống để nhân giống);
- Thoát nước cho đất nông nghiệp được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng);

- Hoạt động của các nhà nông học và nhà kinh tế nông nghiệp được phân vào nhóm 74990 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu);

- Làm vườn cảnh, trồng cây cảnh được phân vào nhóm 81300 (Dịch vụ cảnh quan);

- Tổ chức trình diễn hội chợ sản phẩm nông nghiệp được phân vào nhóm 82300 (Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại);

- Kiến trúc phong cảnh được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc).

0162 - 01620: Hoạt động dịch vụ chăn nuôi

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí và hợp đồng các công việc sau:

- Hoạt động để thúc đẩy việc nhân giống; tăng trưởng và sản xuất sản phẩm động vật;

- Kiểm tra vật nuôi, chăn dắt cho ăn, thiến hoạn gia súc, gia cầm, rửa chuồng trại, lấy phân...;

- Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo;

- Cắt, xén lông cừu;

- Các dịch vụ chăn thả, cho thuê đồng cỏ;

- Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú;

- Phân loại và lau sạch trứng gia cầm, lột da súc vật và các hoạt động có liên quan;

- Soi trứng, phân loại trứng gia cầm;

- Ấp trứng gia cầm tự động;

- Đóng móng ngựa, trông nom ngựa.

Loại trừ:

- Dịch vụ cung cấp không gian chỉ để nuôi nhốt động vật được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);

- Hoạt động nghiên cứu nông nghiệp được phân vào nhóm 72140 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp);

- Hoạt động chăm sóc động vật, vật nuôi, kiểm soát giết mổ động vật, khám chữa bệnh động vật, vật nuôi được phân vào nhóm 75000 (Hoạt động thú y);

- Tiêm phòng cho động vật được phân vào nhóm 75000 (Hoạt động thú y);

- Dịch vụ trông giữ thú cưng được phân vào nhóm 96909 (Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê vật nuôi được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Chăm sóc, nuôi các loại chim, vật nuôi làm cảnh được phân vào nhóm 914 (Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn thiên nhiên);

- Hoạt động của các trường nuôi ngựa đua được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

0163 - 01630: Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch

Nhóm này gồm: Nhóm này bao gồm các hoạt động dịch vụ sau thu hoạch trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

- Các khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm, như: làm sạch, cắt tỉa, phân loại, sơ chế, khử trùng, phơi sấy,...;

- Tia hạt bông;

- Sơ chế thô lá thuốc lá, thuốc láo, ví dụ: phơi nắng,...;

- Sơ chế thô hạt ca cao, ví dụ: tách vỏ,...;

- Phủ sáp cho trái cây;

- Phơi khô trái cây, rau, thảo mộc, gia vị, dược liệu và thuốc lá dưới điều kiện tự nhiên;

- Phân loại, làm sạch và cắt dược liệu;

- Làm khô hạt;

- Ngâm để tách sợi từ cây chứa sợi thực vật (đay, lanh, xơ dừa,...) không liên quan đến việc trồng cây lấy sợi;

- Làm chín nhân tạo trái cây như một dịch vụ, ví dụ: làm chuối nhanh chín,...

Loại trừ:

- Chuẩn bị sản xuất của nhà sản xuất nông nghiệp, hoạt động này được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm), nhóm 012 (Trồng cây lâu năm) hoặc 013 (Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp);

- Bảo quản rau, quả, bao gồm việc khử nước bằng phương pháp nhân tạo được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Các hoạt động sau thu hoạch nhằm cải thiện chất lượng nhân giống của hạt giống được phân vào nhóm 01640 (Xử lý hạt giống để nhân giống);

- Cuốn và sấy thuốc lá được phân vào nhóm 1200 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá);

- Hoạt động tiếp thị của các thương nhân và các hợp tác xã được phân vào nhóm 461 (Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa);

- Hoạt động bán buôn sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến được phân vào nhóm 462 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống);

- Ươm cây được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm) và nhóm 012 (Trồng cây lâu năm);

- Chế biến hạt giống để lấy dầu được phân vào nhóm 1040 (Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật);

- Nghiên cứu để phát triển hoặc cải tiến các loại hạt giống mới được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật).

0164 - 01640: Xử lý hạt giống để nhân giống

Nhóm này gồm: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho. Những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường. Việc xử lý hạt giống biến đổi gen cũng được xếp ở mã này.

Loại trừ:

- Sản xuất hạt giống các loại được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm) và nhóm 012 (Trồng cây lâu năm);

- Hoạt động nghiên cứu về di truyền học làm thay đổi hạt giống phát triển hoặc lai ghép giống mới được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật);

- Chế biến hạt giống để làm dầu thực vật được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật).

017 - 0170 - 01700: Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan

Nhóm này gồm:

- Săn bắt và bắt thú để bán;

- Bắt động vật để làm thực phẩm, lấy lông, lấy da hoặc để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay trong gia đình;

- Sản xuất da, lông thú, da bò sát và lông chim từ các hoạt động săn bắt;

- Bắt động vật có vú ở biển như hải mã và hải cẩu;

- Hoạt động khai thác yến ở hang, xây nhà gọi yến;

- Thuần hóa thú săn được ở các vườn thú;
- Săn bắn để kiểm soát quần thể động vật;
- Săn bắt cáo, chồn, sói để bảo vệ gia súc.
- Bắt cóc, ếch, nhái, ốc sên ngoài thiên nhiên (trừ bắt dưới nước).

Loại trừ:

- Sản xuất lông, da thú, da bò sát, lông chim từ hoạt động chăn nuôi được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);
- Đánh bắt cá voi, cá mập được phân vào nhóm 03110 (Khai thác thủy sản biển);
- Sản xuất da sống và các loại da của các lò mổ được phân vào 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);
- Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến săn bắt, thể thao hoặc giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);
- Các hoạt động dịch vụ nhằm kích thích sự săn bắt và đánh bắt được phân vào nhóm 94990 (Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu).

02: LÂM NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Ngành này gồm sản phẩm của hoạt động khai thác gỗ và lâm sản trừ gỗ phục vụ cho các ngành công nghiệp chế biến cũng như các hoạt động thu nhặt các sản phẩm lâm nghiệp từ rừng tự nhiên. Ngoài các hoạt động trên, kết quả sản xuất ngành lâm nghiệp bao gồm các hoạt động sơ chế như sản phẩm gỗ tròn, gỗ cảnh, củi, đốt than củi hoặc bóc vỏ gỗ. Những hoạt động này được thực hiện ở trong rừng tự nhiên hoặc rừng trồng.

021 - 0210: Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp

Nhóm này gồm các hoạt động nhằm phát triển, duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học các loại rừng; gồm hoạt động trồng rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng rừng, chăm sóc rừng mới trồng chưa đạt tiêu chuẩn rừng, cắt tỉa cây, dọn thực bì... Các hoạt động trên được thực hiện ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Nhóm này còn bao gồm các hoạt động chuyên ươm giống cây lâm nghiệp; trồng cây lâm nghiệp phân tán có mục đích thương mại tại những diện tích có quy mô chưa đạt tiêu chuẩn rừng.

Loại trừ:

- Hoạt động trồng, chăm sóc cây tại các công viên, khu giải trí được phân vào nhóm 81300 (Dịch vụ cảnh quan);
- Hoạt động của vườn ươm, trừ cây lâm nghiệp được phân vào nhóm 0130 (Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp).

02101: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ

Nhóm này gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng nhằm mục đích lấy gỗ phục vụ cho xây dựng (làm nhà, cột pha,...), đóng đồ mộc gia dụng, gỗ trụ mỏ, tà vẹt đường ray, làm nguyên liệu giấy, làm ván ép,...

- Khoanh nuôi tái sinh rừng.

02102: Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre

Nhóm này gồm: Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa, luồng, vầu nhằm mục đích phục vụ cho xây dựng, làm nguyên liệu đan lát vật dụng và hàng thủ công mỹ nghệ, làm nguyên liệu giấy, làm tấm tre, nứa, luồng, vầu ép, trồng để lấy măng.

02103: Trồng rừng và chăm sóc rừng khác

Nhóm này gồm: Trồng rừng và chăm sóc rừng khác chưa kể ở trên.

Cụ thể:

- Rừng hỗn giao (gỗ - tre nứa hoặc tre nứa - gỗ)

- Rừng cau dừa.

- Trồng cây bóng mát, cây lấy củi, cây đặc sản (hạt dẻ, thông lấy nhựa,...);

- Trồng rừng phòng hộ: Phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, chắn gió, chắn cát, chắn sóng ven biển,...

- Trồng rừng đặc dụng: Sử dụng vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm khoa học, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, vườn rừng quốc gia, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh,...

02104: Ươm giống cây lâm nghiệp

Nhóm này gồm: Ươm các loại cây giống cây lâm nghiệp để trồng rừng tập trung và trồng cây lâm nghiệp phân tán nhằm mục đích phục vụ sản xuất, phòng hộ, đặc dụng,...

022 - 0220 - 02200: Khai thác gỗ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác gỗ tròn dùng cho ngành chế biến lâm sản;

- Hoạt động khai thác gỗ tròn dùng cho làm đồ mộc như cột nhà, cọc đã được đẽo sơ, tà vẹt đường ray,...

- Đốt than hoa tại rừng bằng phương thức thủ công.

Nhóm này cũng gồm: Thu nhặt và sản xuất các phụ phẩm từ khai thác gỗ, ví dụ như cành cây, gốc cây, dăm gỗ từ hoạt động khai thác gỗ.

Loại trừ:

- Trồng cây thông Noel được phân vào nhóm 0129 (Trồng cây lâu năm khác);
- Thu hoạch cây bụi ngắn ngày làm cây năng lượng, ví dụ như cây dương và cây liễu, trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt);
- Trồng cây gỗ đứng, trồng lại, cấy ghép, tía thừa và bảo tồn rừng được phân vào nhóm 0210 (Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp);
- Thu nhặt các sản phẩm rừng mọc hoang, không phải gỗ được phân vào nhóm 023 (Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ)
- Sản xuất dăm gỗ và các hạt gỗ không liên quan đến hoạt động lâm nghiệp được phân vào nhóm 1610 (Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ);
- Sản xuất than củi thông qua chưng cất gỗ được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản).

023 - 0230: Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ

02301: Khai thác lâm sản trừ gỗ

Nhóm này gồm:

- Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,...
- Khai thác sản phẩm khác như cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản...

02302: Thu nhặt lâm sản trừ gỗ

Nhóm này gồm:

- Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên;
- Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...

Loại trừ: Trồng nấm, thu nhặt nấm hương, nấm truffle được phân vào nhóm 01181 (Trồng rau các loại).

024 - 0240 - 02400: Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa trên cơ sở thuê mướn hoặc hợp đồng các công việc phục vụ lâm nghiệp.

Cụ thể:

- Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp;
- Hoạt động thuê khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...);
- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;
- Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...);
- Vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng;
- Hoạt động sơ chế gỗ trong rừng;
- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động, thực vật rừng.

Loại trừ:

- Hoạt động ươm cây giống để trồng rừng đã phân vào nhóm 02104 (Ươm giống cây lâm nghiệp);
- Thoát nước cho đất lâm nghiệp được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng);
- Dọn dẹp mặt bằng xây dựng được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng).

03: KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Ngành này gồm các hoạt động khai thác nuôi trồng thủy sản từ các môi trường nước mặn, lợ, ngọt và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản.

Bao gồm cả các hoạt động được tích hợp trong một quy trình (ví dụ như nuôi trai trong sản xuất ngọc trai).

Loại trừ các hoạt động:

- Đóng và sửa chữa tàu thuyền được phân vào nhóm 3011 (Đóng tàu và cấu kiện nổi), 3315 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));
- Hoạt động câu cá thể thao hoặc giải trí được phân vào nhóm 9319 (Hoạt động thể thao khác);
- Chế biến cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm (nhuyễn thể) ở nhà máy chế biến trong đất liền hoặc tàu chế biến được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản).

031: Khai thác thủy sản**0311 - 03110: Khai thác thủy sản biển**

Nhóm này gồm:

- Đánh bắt cá;
- Đánh bắt động vật loại giáp xác và động vật thân mềm dưới biển;
- Đánh bắt cá voi;
- Đánh bắt các động vật khác sống dưới biển như: rùa, nhím biển...
- Thu nhặt các loại sinh vật biển dùng làm nguyên liệu như: Ngọc trai tự nhiên, hải miên, san hô và tảo;
- Khai thác giống thủy sản biển tự nhiên;
- Hoạt động bảo quản, sơ chế thủy sản ngay trên tàu đánh cá.

Loại trừ:

- Đánh bắt thú biển (trừ cá voi) như hà mã, hải cẩu được phân ở nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan);
- Hoạt động khai thác yến ở hang đá, xây nhà gọi yến được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan);
- Chế biến và bảo quản thủy sản trên các tàu hoặc nhà máy chế biến được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Cho thuê tàu chở hàng trên biển kèm theo người lái (như tàu chở cá, tôm...) được phân vào nhóm 50121 (Vận tải hàng hóa ven biển);
- Hoạt động thanh tra, kiểm tra và bảo vệ đội tàu đánh bắt trên biển được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội);
- Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến môn thể thao câu cá hoặc câu cá giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);
- Đan, sửa lưới được phân vào nhóm 13940 (Sản xuất các loại dây bện và lưới);
- Sửa chữa tàu, thuyền đánh cá được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)).

0312 - 03120: Khai thác thủy sản nội địa

Nhóm này bao gồm:

- Đánh bắt cá, tôm, thủy sản khác ở đầm, phá, ao, hồ, đập, sông, suối, ruộng trong đất liền;

- Thu nhặt các loại sinh vật sống trong môi trường nước ngọt, lợ trong đất liền dùng làm nguyên liệu.

Loại trừ:

- Các hoạt động có liên quan đến môn thể thao câu cá để giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);

- Các hoạt động bảo vệ và tuần tra việc đánh bắt thủy sản được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội).

032: Nuôi trồng thủy sản

Bao gồm các hoạt động của quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ (bao gồm cả thu hoạch) các loài thủy sản (cá, nhuyễn thể, động vật giáp xác, thực vật, cá sấu và lưỡng cư). Nhóm này gồm các hoạt động nuôi trồng thủy sản ở môi trường nước mặn, nước lợ, nước ngọt; hoạt động ương nuôi giống thủy sản.

0321: Nuôi trồng thủy sản biển

Nhóm này gồm:

Nuôi trồng các loại thủy sản ở môi trường nước mặn (bãi triều, ven biển, biển khơi).

Nhóm này bao gồm:

03211: Nuôi cá

Nhóm này bao gồm nuôi các loại cá (cá mú, cá hồi...), bao gồm cả cá cảnh.

03212: Nuôi tôm

Nhóm này bao gồm nuôi các loại tôm (tôm hùm, tôm sú, tôm thẻ chân trắng...).

03213: Nuôi thủy sản khác

Nhóm này gồm nuôi động vật giáp xác (cua, ghẹ...), nhuyễn thể hai mảnh và các động vật thân mềm khác (hàu, vẹm, ốc hương...) và các loại thủy sản khác (rong biển, rau câu,...).

03214: Sản xuất giống thủy sản biển

Nhóm này gồm các hoạt động tạo giống, ương giống và thuần dưỡng giống các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) nhằm mục đích bán để nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí trong các môi trường nước mặn.

Nhóm này cũng bao gồm:

- Nuôi trồng thủy sản trong bể, bồn nước mặn;

- Nuôi giun biển.

Loại trừ: Nuôi ba ba, ếch, cá sấu phân vào nhóm 03224 (Sản xuất giống thủy sản nội địa).

0322: Nuôi trồng thủy sản nội địa

Nhóm này gồm nuôi trồng các loại thủy sản ở khu nước ngọt như ao, hồ, đập, sông, suối, ruộng... trong đất liền); nuôi trồng các loại thủy sản khác ở môi trường nước lợ (đầm, phá, cửa sông) là nơi môi trường nước dao động giữa nước mặn và nước ngọt do những biến đổi của thủy triều.

Nhóm này gồm:

03221: Nuôi cá

03222: Nuôi tôm

03223: Nuôi thủy sản khác gồm nuôi các loại thủy sản giáp xác (cua...); nhuyễn thể hai mảnh và các động vật thân mềm khác (ốc...) và các loại thủy sản khác.

03224: Sản xuất giống thủy sản nội địa

Nhóm này gồm các hoạt động tạo giống, ương giống và thuần dưỡng giống các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) nhằm mục đích bán để nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí trong các môi trường nước ngọt, lợ.

Nhóm này cũng gồm:

- Nuôi cá cảnh;
- Nuôi ba ba, ếch, cá sấu.

033: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản

Nhóm này gồm: Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí và hợp đồng các công việc sau:

- Các hoạt động dịch vụ liên quan đến hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản biển hoặc nội địa;
- Các hoạt động bảo quản thủy sản sau khi thu hoạch/khai thác thủy sản;
- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản, ví dụ như đào ao, chăm sóc, thu hoạch...;
- Các hoạt động bảo vệ ao nuôi khỏi sự săn mồi.

Loại trừ:

- Chế biến các sản phẩm từ việc khai thác và nuôi trồng thủy sản trên tàu nhà máy hoặc trong các nhà máy trên bờ được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Chế biến cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);

- Phân phối các sản phẩm từ việc khai thác và nuôi trồng thủy sản được phân vào nhóm 46 (Bán buôn), 47 (Bán lẻ) hoặc 52 (Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải);

- Các hoạt động có liên quan đến môn thể thao câu cá để giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);

- Hoạt động của câu lạc bộ câu cá thể thao được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

0331 - 03310: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác thủy sản

Nhóm này gồm:

- Hoạt động dịch vụ liên quan tới cung cấp đá, vật tư cho tàu khai thác thủy sản;
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm thủy sản đánh bắt;
- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác thủy sản khác.

Loại trừ:

- Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao, được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);

- Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí, được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

- Chế biến và bảo quản thủy sản trên các tàu hoặc nhà máy chế biến được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);

- Cho thuê tàu chở hàng trên biển kèm theo người lái (như tàu chở cá, tôm...) được phân vào nhóm 50121 (Vận tải hàng hóa ven biển);

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra và bảo vệ đội tàu đánh bắt trên biển được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội);

- Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến môn thể thao câu cá hoặc câu cá giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);

- Đan, sửa lưới được phân vào nhóm 13940 (Sản xuất các loại dây bện và lưới);

- Sửa chữa tàu, thuyền đánh cá được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)).

0332 - 03320: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ nuôi trồng thủy sản

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ làm đất, cải tạo ao nuôi;
- Dịch vụ xử lý môi trường trước khi nuôi;

- Dịch vụ phòng, chữa bệnh, điều tiết sinh trưởng cho thủy sản;
- Dịch vụ chăm sóc, chế biến thức ăn, bảo vệ;
- Dịch vụ thu hoạch, phân loại sản phẩm;
- Dịch vụ khác hỗ trợ trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản (bao gồm cả nuôi giống thủy sản).

Loại trừ:

- Chế biến cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm, được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Phân phối sản phẩm thủy sản và nuôi trồng thủy sản, được phân vào nhóm 46 (Bán buôn), 47 (Bán lẻ) hoặc 52 (Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải).

B: KHAI KHOÁNG

Ngành này gồm: Khai thác khoáng tự nhiên ở dạng rắn (than và quặng), lỏng (dầu thô) hoặc khí (khí tự nhiên) từ các mỏ, đáy biển và khai thác muối từ nước biển, nước mặn hoặc nước mặn tự nhiên khác. Khai thác có thể được thực hiện theo nhiều phương pháp khác nhau như dưới lòng đất hoặc trên bề mặt, khai thác dưới đáy biển...

Ngành này cũng gồm:

- Các hoạt động phụ trợ như chuẩn bị các nguyên liệu thô cho kinh doanh ví dụ nghiền, cắt, rửa sạch, phân loại, nung quặng, làm giàu và thu gom quặng, hóa lỏng khí. Các hoạt động này thường được thực hiện bởi các đơn vị khai thác mỏ và/hoặc các đơn vị khác gần đó;

- Các hoạt động khai thác mỏ được phân vào các nhóm cấp 2, cấp 3, cấp 4 trên cơ sở các khoáng chất chủ yếu được sản xuất. Ngành 05, 06 liên quan đến khai thác các nhiên liệu hóa thạch (than đá, than bùn, dầu mỏ, khí); ngành 07, 08 đề cập đến quặng kim loại, các khoáng sản khác và các sản phẩm từ mỏ đá;

Một số hoạt động kỹ thuật của ngành này, cụ thể là liên quan đến khai thác hydrocacbon, cũng có thể được thực hiện bởi các đơn vị chuyên môn cung cấp dịch vụ công nghiệp cho bên thứ 3 được phân vào ngành 09 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng).

Loại trừ:

- Chế biến các loại nguyên liệu đã khai thác được phân vào ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo);
- Sử dụng các quặng được khai thác mà không có sự chuyển đổi nào thêm cho mục đích xây dựng được phân vào ngành F (Xây dựng);

- Đóng chai các loại nước khoáng thiên nhiên tại các suối và giếng được phân vào nhóm 1105 (Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng);

- Phục hồi môi trường các khu mỏ được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác);

- Hoàn thổ và khoanh vùng bảo vệ đất tại các khu mỏ được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng).

05: KHAI THÁC THAN CỨNG VÀ THAN NON

Ngành này gồm: Các hoạt động khai thác dưới hầm lò hoặc khai thác lộ thiên các khoáng sản tự nhiên ở dạng rắn và các hoạt động bao gồm (làm sạch, tuyển chọn, nén và các bước khác cần thiết cho quá trình vận chuyển,...) tạo ra các sản phẩm có thể đem bán.

Loại trừ: Việc luyện than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc), các hoạt động dịch vụ kèm theo để phục vụ khai thác than đá hoặc khai thác than non được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác) hoặc sản xuất than bánh được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch).

051 - 0510 - 05100: Khai thác và thu gom than cứng

Nhóm này gồm:

- Khai thác than cứng: Các hoạt động khai thác dưới hầm lò hoặc khai thác trên bề mặt, bao gồm cả việc khai thác bằng phương pháp hóa lỏng;

- Các hoạt động làm sạch, sắp xếp, tuyển chọn, phân loại, nghiền, sàng... và các hoạt động khác làm tăng thêm phẩm chất của than non và cải tiến chất lượng hoặc thiết bị vận tải than;

- Khôi phục than đá từ bãi ngầm.

Loại trừ:

- Khai thác than non được phân vào nhóm 05200 (Khai thác và thu gom than non);

- Khai thác than bùn và thu gom than bùn được phân vào nhóm 08920 (Khai thác và thu gom than bùn);

- Khoan thử thăm dò phục vụ khai thác than đá được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Hoạt động dịch vụ phục vụ khai thác than đá được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Sản xuất than bánh hoặc nhiên liệu rắn có chứa than cứng được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);

- Sản xuất than bánh hoặc nhiên liệu rắn có chứa than non, than bùn được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm

nhiên liệu hóa thạch);

- Các hoạt động tiến hành xây dựng hoặc chuẩn bị cơ sở vật chất cho việc khai thác than đá được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng).

052 - 0520 - 05200: Khai thác và thu gom than non

Nhóm này gồm:

- Khai thác than non (than nâu): Các hoạt động khai thác dưới hầm lò hoặc khai thác trên bề mặt, bao gồm cả việc khai thác nhờ phương pháp hóa lỏng;

- Hoạt động rửa, khử nước, nghiền và các hoạt động thu gom than non tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo quản, vận tải than.

Loại trừ:

- Khai thác than cứng được phân vào nhóm 05100 (Khai thác và thu gom than cứng);

- Khai thác than bùn và thu gom than bùn được phân vào nhóm 08920 (Khai thác và thu gom than bùn);

- Khoan thử thăm dò phục vụ khai thác than đá được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Hoạt động phục vụ khai thác than non được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Sản xuất than đá có chứa than non, than bùn được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);

- Các hoạt động tiến hành xây dựng hoặc chuẩn bị cơ sở vật chất cho việc khai thác than đá được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng).

06: KHAI THÁC DẦU THÔ VÀ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN

Ngành này gồm:

- Các hoạt động sản xuất dầu thô, khai thác mỏ và chiết xuất dầu từ đá phiến dầu và cát dầu, các hoạt động sản xuất khí đốt tự nhiên và khai thác chất lỏng hydro các-bon;

- Các hoạt động vận hành và phát triển các bãi khai thác dầu và khí đốt.

Ngành này cũng gồm: Các dịch vụ đào lớp ngoài, hoàn thiện, bơm giếng, điều khiển máy khoan, bịt giếng, hủy giếng, tháo dỡ trang thiết bị, chuẩn bị đường dây dẫn phục vụ khai thác dầu thô và tất cả các hoạt động khác chuẩn bị cho chất khí và dầu từ nơi sản xuất đến nơi vận chuyển.

Loại trừ:

- Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu và khí trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ thăm dò giếng dầu và khí được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ khoan thử được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Tinh chế các sản phẩm dầu mỏ được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);

- Khảo sát địa vật lý, địa chất... ở khu vực khai thác dầu được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

061 - 0610 - 06100: Khai thác dầu thô

Nhóm này gồm: Hoạt động khai thác dầu mỏ thô.

Nhóm này cũng gồm:

- Khai thác đá phiến bitum hoặc đá phiến dầu hoặc cát hắc ín;

- Sản xuất dầu thô từ mỏ dầu đá phiến hoặc cát hắc ín;

- Các hoạt động xử lý để có được dầu thô như: gạn, chiết, khử muối, khử nước, làm ổn định, khử tạp chất...

Loại trừ:

- Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu và khí trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ thăm dò giếng dầu và khí được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Chế biến sản phẩm dầu thô được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);

- Khôi phục khí hóa lỏng đã có trong khai thác dầu khí được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);

- Hoạt động vận chuyển dầu, khí tự nhiên bằng đường ống được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống);

- Khai thác khí ngưng tụ hoặc khí lỏng được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên).

062 - 0620 - 06200: Khai thác khí đốt tự nhiên

Nhóm này gồm:

- Hoạt động sản xuất khí đốt tự nhiên;

- Khai thác khí đốt tự nhiên hóa lỏng;

- Tách riêng chất lỏng hydro các-bon khỏi khí;

- Khử lưu huỳnh ở khí;
- Khai thác khí mê-tan từ mỏ than.

Nhóm này cũng gồm:

- Khai thác khí lỏng thông qua hóa lỏng và nhiệt phân;
- Khai thác khí than.

Loại trừ:

- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô, khai thác khí tự nhiên được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);
- Các hoạt động dịch vụ thăm dò dầu khí được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);
- Sản xuất khí hóa lỏng từ dầu thô và khôi phục khí hóa lỏng đã có trong khai thác dầu khí được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);
- Sản xuất các loại khí công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);
- Hoạt động vận chuyển dầu, khí tự nhiên bằng đường ống được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

07: KHAI THÁC QUẶNG KIM LOẠI

Ngành này gồm: Hoạt động khai thác khoáng kim loại (như quặng sắt), được thực hiện dưới hầm lò, lộ thiên hay dưới đáy biển...

Ngành này cũng gồm: Các hoạt động làm giàu và tán nhỏ quặng như: Việc nghiền, đập, rửa, sàng lọc, tách quặng bằng từ trường, bằng trọng lực, bằng phương pháp ly tâm hoặc phương pháp khác.

Loại trừ:

- Hoạt động nung pyrit sắt được phân vào nhóm 20119 (Sản xuất hóa chất cơ bản khác);
- Sản xuất ô xít aluni được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu);
- Hoạt động của lò cao được phân vào ngành 24 (Sản xuất kim loại).

071 - 0710 - 07100: Khai thác quặng sắt

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn về hàm lượng sắt.
- Các hoạt động làm giàu và thu gom quặng có chứa sắt.

Loại trừ:

- Khai thác mỏ và chế pyrit và pyrrhotite (trừ nung) được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón);

- Dịch vụ thu gom và cô đặc quặng thực hiện cho bên thứ ba được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác).

072: Khai thác quặng không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm)

Nhóm này gồm: Các hoạt động khai thác các quặng kim loại màu.

0721 - 07210: Khai thác quặng uranium và quặng thorium

Nhóm này gồm:

- Khai thác quặng có giá trị lớn hàm lượng uranium và thorium: khoáng chất uranit,...;

- Cô các loại quặng loại đó;

- Cô đặc uranium được bánh vàng (còn gọi là urania).

Loại trừ:

- Lâm giàu quặng uranium và thorium được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hóa chất vô cơ bản khác);

- Sản xuất kim loại uranium từ khoáng chất hoặc các loại quặng khác được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu);

- Nấu chảy và tinh chế kim loại từ uranium được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu).

0729: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt**07291: Khai thác quặng bôxít**

Nhóm này gồm: Khai thác và chuẩn bị khai thác quặng bôxít.

07299: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crom, ni ken, coban, molybden, tantali, vanadi.

Loại trừ:

- Công việc chuẩn bị cho khai thác quặng uranium và quặng thorium được phân vào nhóm 07210 (Khai thác quặng uranium và thorium);

- Sản xuất oxit nhôm, mạ ni ken và đồng được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu).

073 - 0730 - 07300: Khai thác quặng kim loại quý hiếm

Nhóm này gồm: Các hoạt động khai thác và chuẩn bị khai thác quặng kim loại quý như: Vàng, bạc, bạch kim.

08: KHAI KHOÁNG KHÁC

Ngành này gồm: Các hoạt động khai thác từ quặng, nạo vét lớp bùn dưới lòng sông, khe đá và cả bãi cát ngầm. Các sản phẩm này được sử dụng hầu hết trong ngành xây dựng (như cát, đá), trong ngành chế biến vật liệu (như thạch cao, đất sét, can xi...) và chế biến hóa chất...

Ngành này cũng gồm: Khai thác muối từ nước biển, nước mặn hoặc nước mặn tự nhiên khác.

Loại trừ: Chế biến hóa chất và các sản phẩm hóa chất, kim loại cơ bản, khoáng sản phi kim loại và các hoạt động chế biến khoáng sản sau khi khai thác (thường gọi là chế biến sâu khoáng sản) được phân vào ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo).

081 - 0810: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

08101: Khai thác đá

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng, điêu khắc ở dạng thô đã được đẽo gọt sơ bộ hoặc cưa cắt tại nơi khai thác đá như: Đá phiến cẩm thạch, đá granit, sa thạch...

- Hoạt động chẻ, đập vỡ đá để làm nguyên liệu thô cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đường;

- Hoạt động khai thác đá phần làm vật liệu chịu lửa;

- Hoạt động đập vỡ, nghiền đá.

08102: Khai thác cát

Nhóm này gồm: Hoạt động khai thác cát để phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu.

08103: Khai thác sỏi

Nhóm này gồm: Hoạt động khai thác sỏi để phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu.

08104: Khai thác đất sét

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác đất sét, cao lanh;

- Hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu chịu lửa, làm đồ gốm.

Loại trừ:

- Các hoạt động khai thác cát bitum được phân vào nhóm 06100 (Khai thác dầu thô);

- Khai thác khoáng phân bón và khoáng hóa chất được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón);

- Sản xuất các khoáng chất nung chảy được phân vào nhóm 2394 (Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao);

- Các hoạt động cắt, xén đá và hoàn thiện đá được phân vào nhóm 23960 (Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá).

089: Khai khoáng chưa được phân vào đâu

0891 - 08910: Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác muối natri, kali hoặc photpho tự nhiên;
- Hoạt động khai thác lưu huỳnh tự nhiên;
- Hoạt động khai thác pirit và chất chủ yếu chứa lưu huỳnh không kể hoạt động nung chảy;
- Hoạt động khai thác quặng bari cacbonat, bari sunphat (barit), borat tự nhiên, sunfatmanhe tự nhiên;
- Hoạt động khai thác khoáng chất khác chủ yếu chứa hóa chất ví dụ như đất màu và fluorit.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động khai thác phân động vật;
- Khai thác bùn khoáng thiên nhiên.

Loại trừ:

- Khai thác muối được phân vào nhóm 08930 (Khai thác muối);
- Nung quặng pirit sắt được phân vào nhóm 20119 (Sản xuất hóa chất cơ bản khác);
- Sản xuất phân bón tổng hợp và hợp chất natri được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất natri).

0892 - 08920: Khai thác và thu gom than bùn

Nhóm này gồm:

- Khai thác than bùn.
- Thu gom than bùn.
- Sơ chế thô than bùn để nâng cao chất lượng hoặc tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hoặc lưu trữ.

Loại trừ:

- Hoạt động dịch vụ phụ khai thác than bùn được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);
- Sản xuất than bánh (than bùn đã đóng thành bánh) được xếp vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);
- Sản xuất hỗn hợp đất bầu (ví dụ gồm: than bùn, đất tự nhiên, cát, đất sét, phân bón khoáng) được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);
- Sản xuất các sản phẩm từ than bùn được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

0893 - 08930: Khai thác muối

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động khai thác muối mỏ, đập vụn muối và sàng muối;
- Sản xuất muối từ nước biển, nước mặn ở hồ hoặc nước mặn tự nhiên khác;
- Nghiền, tẩy rửa và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất.

Loại trừ:

- Chế biến các sản phẩm muối, ví dụ muối iốt được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất nước dùng trong sinh hoạt từ nước biển hoặc từ nước suối mặn được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước).

0899 - 08990: Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như:
 - + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên và các chất phụ gia khác...;
 - + Nhựa đường tự nhiên, asphaltite và đá asphaltic; bitum rắn tự nhiên;
 - + Đá quý, bột thạch anh, mica...
- Khai thác các khoáng chất và vật liệu khác (như lithium) từ nước muối.

09: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHAI KHOÁNG

Ngành này gồm: Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ chuyên về khai khoáng trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Nó bao gồm hoạt động dịch vụ thăm dò thông qua phương pháp truyền thống như: lấy mẫu, thực hiện các quan sát địa chất về địa điểm khai thác, hoạt động khoan, khoan thử, khoan lại các giếng dầu, các mỏ khoáng kim loại và phi kim loại. Các loại hình dịch vụ khác như xây dựng cơ sở hạ tầng tại nơi đào giếng, gắn xi măng các giếng dầu, làm sạch và xử lý hóa học axit giếng, dịch vụ chuyển rời rác tại các mỏ.

091 - 0910 - 09100: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên

Nhóm này gồm:

Hoạt động cung cấp dịch vụ khai thác dầu và khí trên cơ sở phí và hợp đồng như:

- Các hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò trong khai thác dầu và khí như: các phương pháp lấy mẫu quặng tìm kiếm truyền thống, thực hiện quan sát địa chất ở những khu vực có tiềm năng;

- Khoan định hướng, đào lớp ngoài, xây dựng giàn khoan, sửa chữa và tháo dỡ trang thiết bị, trát bờ giếng, bơm giếng, bịt giếng, hủy giếng...

- Sự hóa lỏng và tái khí hóa khí tự nhiên phục vụ cho mục đích vận chuyển, được thực hiện tại nơi khai thác mỏ;

- Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;

- Khoan thử trong khai thác dầu và khí.

Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ chữa cháy do khí và dầu.

Loại trừ:

- Những công việc phục vụ cho khai thác dầu, khí do chính đơn vị tự đảm nhận được phân vào nhóm 06100 (Khai thác dầu thô) và nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Hoạt động dịch vụ sửa chữa chuyên dụng thiết bị, máy móc phục vụ khai thác mỏ được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị);

- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì chuyên dụng ngoài khơi các thiết bị là bộ phận không thể thiếu của giàn nổi được phân vào ngành 43 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng);

- Sự hóa lỏng và tái khí hóa khí tự nhiên phục vụ cho mục đích vận chuyển, không được thực hiện tại nơi khai thác mỏ được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Các hoạt động khảo sát địa vật lý, địa chất ở khu vực khai thác dầu và khí, được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

099 - 0990 - 09900: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng cho hoạt động khai thác thuộc ngành 05 (Khai thác than cứng và than non), 07 (Khai thác quặng kim loại) và 08 (Khai khoáng khác);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử;
- Dịch vụ thu gom và cô đặc quặng thực hiện cho bên thứ ba;
- Hoạt động bảo đảm an toàn cho mỏ hầm lò và đường hầm;
- Phá bỏ và tháo dỡ các cơ sở khai thác mỏ dưới lòng đất.

Loại trừ:

- Hoạt động dịch vụ vận hành tại mỏ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào ngành 05 (Khai thác than cứng và than non), ngành 07 (Khai thác quặng kim loại), ngành 08 (Khai khoáng khác);
- Hoạt động sửa chữa thiết bị, máy móc phục vụ khai thác mỏ được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

C: CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Chế biến, chế tạo gồm các hoạt động làm biến đổi về mặt vật lý, hóa học hoặc sinh học của vật liệu, chất liệu hoặc làm biến đổi các thành phần cấu thành của nó, để tạo ra sản phẩm mới, mặc dù không phải là tiêu chí duy nhất để định nghĩa chế biến (xem chế biến rác thải dưới đây). Vật liệu, chất liệu, hoặc các thành phần biến đổi là nguyên liệu thô từ các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, khai thác mỏ hoặc quặng cũng như các sản phẩm khác của hoạt động chế biến. Những thay đổi, đổi mới hoặc khôi phục lại hàng hóa cũng được xem là hoạt động chế biến.

Đầu ra của quá trình sản xuất có thể được coi là hoàn thiện dưới dạng là sản phẩm cho tiêu dùng cuối cùng hoặc là bán thành phẩm và trở thành đầu vào của hoạt động chế biến tiếp theo, ví dụ: Đầu ra của quá trình tinh luyện alumina là đầu vào của sơ chế ra aluminum, sản phẩm aluminum sơ chế là đầu vào của các nhà máy kéo sợi aluminum, sản phẩm sợi aluminum là đầu vào của quy trình sản xuất sợi tổng hợp...

Phần này bao gồm các nhà sản xuất hàng hóa không có nhà máy (FGPs) hoàn toàn thuê ngoài quy trình chế biến nhưng vẫn kiểm soát quy trình sản xuất và cung cấp các đầu vào sở hữu trí tuệ quan trọng, bất kể bên chủ sở hữu có sở hữu nguyên vật liệu đầu vào hay không. Trường hợp các nhà sản xuất hàng hóa không có nhà máy tự thực hiện quy trình sản xuất thì được xếp vào các ngành cấp 4 tương ứng. Tuy nhiên, ngành này không bao gồm các nhà sản xuất hàng hóa hoàn toàn thuê ngoài quá trình chế biến nhưng không kiểm soát quy trình sản xuất, không cung cấp các đầu vào sở hữu trí tuệ quan trọng và cũng không sở hữu nguyên liệu đầu vào. Các đơn vị này thực tế đang mua toàn bộ sản phẩm đầu ra từ nhà sản xuất với mục đích bán lại. Các hoạt động này được xếp vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ), cụ thể theo loại hình bán hàng và loại hàng hóa cụ thể được bán.

Hoạt động lắp ráp được coi là chế biến chỉ là những hoạt động lắp ráp gắn liền với quá trình tạo ra sản phẩm của ngành chế biến. Ngành này bao gồm lắp ráp các sản phẩm, bán thành phẩm của nhà máy hoặc các bộ phận cấu thành.

Sản xuất các bộ phận cấu thành và các chi tiết, phụ tùng chuyên dụng kèm theo máy móc thiết bị, theo quy tắc được phân loại vào cùng một nhóm máy móc thiết bị có chi tiết phụ tùng kèm theo nó. Sản xuất các bộ phận cấu thành và các chi tiết, phụ tùng không chuyên dụng của máy móc, thiết bị, ví dụ: Động cơ, pitông, mô tô điện, lắp ráp điện, van xe đạp, các bộ phận lắp ráp kèm theo được phân vào các nhóm sản xuất thích hợp mà không cần xem máy móc, thiết bị mà các linh kiện này lắp ráp thành. Tuy nhiên, việc sản xuất bộ phận cấu thành riêng và bộ phận kèm theo bằng cách đúc hoặc đổ vật liệu nhựa được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic). Hoạt động lắp ráp các bộ phận cấu thành nên sản phẩm sản xuất được xem là một hoạt động sản xuất. Nó bao gồm lắp ráp các sản phẩm sản xuất từ các bộ phận đi mua hoặc tự sản xuất.

Tái chế rác, tức là chế biến rác thành nguyên liệu thô thứ sinh phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu). Mặc dù, hoạt động này có thể liên quan đến thay đổi về mặt vật lý, hóa học và sinh học nhưng nó không được coi là một phần của hoạt động sản xuất. Mục đích đầu tiên của các hoạt động này là xử lý hoặc chế biến rác thải và chúng được phân vào ngành E (Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải). Tuy nhiên, sản xuất các sản phẩm mới từ nguyên liệu thô thứ sinh được phân vào sản xuất ngay cả khi các quá trình này sử dụng rác thải làm nguyên liệu đầu vào, ví dụ: Sản xuất bạc từ phim ảnh đã qua sử dụng được coi là quá trình sản xuất.

Sửa chữa, bảo dưỡng chuyên môn máy móc, thiết bị của ngành công nghiệp, thương mại và các ngành tương tự phân vào ngành 33 (Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị). Tuy nhiên, sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình, ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác tại garage được phân vào ngành 95 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

Lắp đặt máy móc, thiết bị khi được thực hiện như một hoạt động chuyên môn được phân vào nhóm 33200 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt các thiết bị là một phần không thể thiếu của các tòa nhà hoặc công trình tương tự, chẳng hạn như sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt thang cuốn hoặc hệ thống điều hòa không khí... nếu được thực hiện tại công trường xây dựng được phân vào ngành F (Xây dựng).

Lưu ý: Ranh giới giữa chế biến và các khu vực khác trong hệ thống phân ngành kinh tế là không rõ ràng như nguyên tắc chung, những hoạt động trong phần chế biến này bao gồm cả chuyển nguyên, vật liệu để tạo ra sản phẩm mới. Đầu ra là một sản phẩm mới. Tuy nhiên, định nghĩa cái gì tạo nên một sản phẩm mới có thể là hơi chủ quan, ví dụ như sản phẩm mới là sản phẩm đã qua quá trình tái sản xuất.

Khi sàng lọc, những hoạt động sau được coi là công nghiệp chế biến, chế tạo của bảng phân ngành:

- Đóng chai, làm tiệt trùng sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);
- Chế biến cá tươi (róc xương, lựa thịt các loài cá) hoạt động này không thực hiện trên tàu đánh cá được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- In ấn và hoạt động liên quan được phân vào nhóm 181 (In ấn và dịch vụ liên quan đến in);
- Sản xuất bê tông và trộn bê tông được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);
- Thuộc da được phân vào nhóm 15110 (Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú);
- Bảo quản gỗ được phân vào nhóm 1610 (Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ);
- Bộ mã điện, hộp số, bộ phận làm nóng kim loại và đánh bóng được phân vào nhóm 25920 (Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại);
- Xây dựng lại hoặc tái tạo máy móc, thiết bị (như động cơ ô tô) được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Đắp lại lốp xe được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);
- Nạp sạc bình chữa cháy được phân vào nhóm 95220 (Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình);
- Hoạt động xây các công trình và tòa nhà lắp ghép với khối lượng công việc xây dựng tại chỗ tối thiểu được phân vào nhóm 41020 (Xây dựng nhà không để ở).

Ngược lại, có một vài hoạt động mặc dù đôi khi tham gia vào các quá trình chuyển đổi lại được phân vào các ngành khác trong hệ thống ngành kinh tế, mà không phải ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo), gồm:

- Hoạt động đồn gỗ được phân loại vào ngành A (Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản);
- Làm sạch các sản phẩm nông nghiệp được phân loại vào ngành A (Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản);
- Chế biến thực phẩm để tiêu thụ ngay tại chỗ được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống);
- Sản xuất nhiên liệu khí để cung cấp năng lượng thông qua mạng lưới cố định được phân vào ngành D (Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí);
- Sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại);
- Lâm giàu quặng và các khoáng khác được phân vào ngành B (Khai khoáng);
- Hoạt động xây dựng công trình và hoạt động sản xuất tại mặt bằng xây dựng được phân vào ngành F (Xây dựng);
- Lắp ráp được cung cấp như một phần của giao hàng hoặc bởi người bán. Tuy nhiên, nếu lắp ráp là hoạt động chính do nhà thầu cung cấp thì nó được phân loại là sản xuất;
- Hoạt động dỡ hàng và phân chia thành nhiều lô hàng nhỏ bao gồm có đóng gói hàng hóa, hàng gói hoặc hàng đóng chai như là chất lỏng hoặc hóa học, giới thiệu với khách hàng trên máy tính, phân loại thành từng chi tiết một... đã được phân loại vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ);
- Xuất bản và hoạt động kết hợp xuất bản và in ấn được phân vào ngành J (Hoạt động xuất bản, phát sóng, sản xuất và phân phối nội dung).

10: SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Ngành này gồm: Các hoạt động xử lý các sản phẩm của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản thành thực phẩm và đồ uống phục vụ cho con người hoặc động vật. Nó còn bao gồm sản xuất ra các sản phẩm thực phẩm trung gian khác nhau mà không phải là thực phẩm trực tiếp, các hoạt động tạo ra các phụ phẩm có giá trị nhỏ hơn hoặc lớn hơn (ví dụ như da sống có từ giết mổ gia súc, bánh dầu từ sản xuất dầu).

Ngành này cũng gồm: Các hoạt động liên quan đến các loại sản phẩm khác nhau như: thịt, cá, hoa quả và rau, mỡ và dầu, sản phẩm sữa, sản phẩm bột gạo xay, cho động vật ăn, sản phẩm thực phẩm khác và đồ uống. Sản xuất có thể được thực hiện cho chính mình cũng như là cho bên thứ ba như trong giết mổ truyền thống.

Một vài hoạt động được xem như là sản xuất (ví dụ như chúng được thực hiện trong các hiệu bánh mì, cửa hàng bánh ngọt và các cửa hàng chế biến thịt,... nơi mà bán sản phẩm của họ), mặc dù có sự bán lẻ sản phẩm tại các cửa hàng của

người sản xuất. Tuy nhiên, khi quá trình chế biến là rất nhỏ và không dẫn tới sự biến đổi thực sự, đơn vị này được phân loại vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ).

Ngành này cũng gồm: Việc sản xuất chất lỏng được coi là thực phẩm hoặc sử dụng các quy trình sản xuất tương tự, ví dụ như sữa và nước ép trái cây hoặc cô đặc.

Loại trừ: Chế biến bữa ăn để tiêu thụ ngay được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống).

101 - 1010: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

Nhóm này gồm: Các hoạt động chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

Loại trừ:

- Chế biến món ăn sẵn đông lạnh từ thịt động vật và thịt gia cầm được phân vào nhóm 10751 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt);

- Chế biến súp có chứa thịt được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn thịt được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo);

- Đóng gói thịt được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói).

10101: Giết mổ gia súc, gia cầm

Nhóm này gồm: Hoạt động giết mổ bao gồm giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt: trâu, bò, lợn, cừu, dê, ngựa, thỏ, các loại gia cầm, lạc đà...

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động giết mổ cá voi trên đất liền hoặc trên tàu thuyền chuyên dùng.

10102: Chế biến và bảo quản thịt

- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng nguyên con;

- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng pha miếng;

- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng từng phần riêng;

- Hoạt động chế biến cá voi trên đất liền hoặc trên tàu thuyền chuyên dùng;

- Sản xuất da sống và lông thú bắt nguồn từ hoạt động giết mổ kể cả từ những người buôn bán da lông thú;

- Chế biến mỡ động vật;

- Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật;

- Sản xuất lông vũ.

10109: Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thịt sấy khô, hun khói, ướp muối;
- Sản xuất sản phẩm thịt gồm: Xúc xích, pate, thịt dăm bông.

102 - 1020: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

Nhóm này gồm:

- Chế biến và bảo quản cá, tôm, cua và loài thân mềm; làm lạnh, sấy khô, hun khói, ướp muối, ngâm trong nước muối, đóng gói...;
- Sản xuất các sản phẩm cá, tôm cua và các loài động vật thân mềm; cá nấu chín, cá khúc, cá rán, trứng cá muối, phụ phẩm trứng cá muối...;
- Sản xuất các thức ăn cho người hoặc súc vật từ cá;
- Sản xuất các thức ăn từ cá và các động vật sống dưới nước khác không dùng cho người.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của các tàu không tham gia vào việc đánh bắt mà chỉ tham gia việc chế biến, bảo quản thủy sản;
- Chế biến rong biển;
- Bỏ đầu cá, lấy ruột, cắt cá thành từng miếng rồi cho đông lạnh.

Loại trừ:

- Chế biến và bảo quản cá trên tàu đánh cá được phân vào nhóm 03110 (Khai thác thủy sản biển);
- Chế biến cá voi trên đất liền hoặc trên tàu chuyên dùng được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);
- Sản xuất dầu mỡ từ nguyên liệu thủy sản được phân vào nhóm 10401 (Sản xuất dầu, mỡ động vật);
- Sản xuất các món ăn chế biến sẵn từ thủy sản được phân vào nhóm 10752 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản);
- Sản xuất súp cá được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

10201: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh

Nhóm này gồm:

- Chế biến thực phẩm chủ yếu là thủy sản đông lạnh;
- Bảo quản thủy sản chủ yếu bằng phương pháp đông lạnh.

10202: Chế biến và bảo quản thủy sản khô

Nhóm này gồm:

- Chế biến thực phẩm chủ yếu là thủy sản khô;
- Bảo quản thủy sản chủ yếu bằng phương pháp sấy, hun khói, ướp muối và đóng hộp.

10203: Chế biến và bảo quản nước mắm

Nhóm này gồm: Chế biến và bảo quản mắm từ cá và các động vật sống dưới nước khác.

10209: Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản

Nhóm này gồm: Các hoạt động chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản chưa được phân vào đâu.

103 - 1030: Chế biến và bảo quản rau quả

10301: Sản xuất nước ép từ rau quả

Nhóm này gồm:

- Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn;
- Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả.

10309: Chế biến và bảo quản rau quả khác

Nhóm này gồm:

- Chế biến thực phẩm chủ yếu là rau quả, trừ các thức ăn đã chế biến sẵn để lạnh;
- Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,...
- Chế biến thức ăn từ rau quả;
- Chế biến mứt rau quả;
- Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả);
- Chế biến và bảo quản khoai tây như: chế biến khoai tây làm lạnh; chế biến khoai tây nghiền làm khô; chế biến khoai tây rán; chế biến khoai tây giòn và chế biến bột khoai tây;
- Rang các loại hạt;
- Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt.

Nhóm này cũng gồm:

- Bóc vỏ khoai tây;
- Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng;
- Sản xuất giá sống;
- Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi;
- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông.

Loại trừ:

- Chế biến bột hoặc thức ăn từ hạt khô được phân vào nhóm 1061 (Xay xát và sản xuất bột thô);
- Bảo quản quả và hạt trong đường được phân vào nhóm 10730 (Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo);
- Sản xuất các phần ăn sẵn từ rau được phân vào nhóm 10759 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác);
- Sản xuất các thực phẩm cô đặc nhân tạo được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất đồ uống từ trái cây được phân vào nhóm 1105 (Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng).

104 - 1040: Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật

Nhóm này gồm: Các hoạt động chế biến, bảo quản dầu mỡ động, thực vật thô và tinh luyện.

Loại trừ:

- Nấu và lọc mỡ lợn và các mỡ động vật ăn được khác được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);
- Xay bột ngô ẩm được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột);
- Sản xuất dầu thiết yếu được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Xử lý dầu và mỡ bằng phương pháp hóa học được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu).

10401: Sản xuất dầu, mỡ động vật

Nhóm này gồm: Sản xuất mỡ động vật, trừ nấu và lọc mỡ lợn và các loại động vật ăn được khác (gia cầm).

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất dầu và dầu động vật không ăn được;
- Chiết xuất dầu cá;
- Sản xuất mỡ ăn tổng hợp.

10402: Sản xuất dầu, bơ thực vật

Nhóm này gồm:

- Dầu thực vật thô, dầu ô liu, dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hướng dương, dầu hạt bông, dầu nho, dầu cải hoặc dầu mù tạc, dầu hạt lanh...
- Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các hạt có dầu chưa lấy dầu;
- Sản xuất dầu thực vật tinh luyện: Dầu ôliu, dầu đậu nành...
- Chế biến dầu thực vật: Luộc, khử nước, hiđrô hóa...
- Sản xuất bơ thực vật;
- Sản xuất chất phết bánh từ dầu thực vật.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất khô dầu, xơ bông và các sản phẩm phụ khác từ sản xuất dầu.

105 - 1050 - 10500: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

Nhóm này gồm:

- Chế biến sữa tươi dạng lỏng, sữa đã tiệt trùng, sữa diệt khuẩn, đông hóa và/hoặc đã xử lý đun nóng;
- Chế biến các đồ uống giải khát từ sữa;
- Sản xuất kem từ sữa tươi, sữa đã tiệt trùng, diệt khuẩn, đông hóa;
- Sản xuất sữa làm khô hoặc sữa đặc có đường hoặc không đường;
- Sản xuất sữa hoặc kem dạng rắn;
- Sản xuất bơ;
- Sản xuất sữa chua;
- Sản xuất pho mát hoặc sữa đông;
- Tinh chế và ủ pho mát;
- Sản xuất sữa chua lỏng (chất lỏng giống nước còn lại sau khi sữa chua đã đông lại);

- Sản xuất casein hoặc lactose;
- Sản xuất kem và các sản phẩm đá ăn được khác như kem trái cây.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất sữa kefir;
- Sản xuất đá ăn như đá trắng miệng đông lạnh...

Loại trừ:

- Sản xuất sữa thô (động vật lấy sữa) được phân vào nhóm 01412 (Chăn nuôi trâu, bò);
- Sản xuất sữa thô (cừu, ngựa, dê, lừa...) được phân vào nhóm 01442 (Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai);
- Sản xuất sữa tách bơ và các sản phẩm bơ được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất đồ uống dinh dưỡng từ sữa được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất sữa công thức cho trẻ sơ sinh được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất kefir trái cây và kefir nước được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang);
- Hoạt động cửa hiệu sản xuất kem được phân vào nhóm 5610 (Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động).

106: Xay xát và sản xuất bột

Nhóm này gồm: Xay xát bột thô hoặc thức ăn từ rau củ, xay bột, làm sạch, đánh bóng gạo cũng như nghiền và xử lý nhiệt bột, sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột nhào từ các sản phẩm này.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất bột ngô ướt và rau quả, sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các sản phẩm bột không chứa gluten.

Loại trừ: Sấy hạt ngũ cốc trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt).

1061: Xay xát và sản xuất bột thô

10611: Xay xát

Nhóm này gồm:

Hoạt động xay xát gạo: sản xuất gạo bằng cách tách vỏ trấu, xay xát, đánh bóng, lược qua.

10612: Sản xuất bột thô

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột thô: Sản xuất bột mỳ, yến mạch, thức ăn hoặc viên thức ăn từ lúa mỳ, lúa mạch đen, yến mạch, ngô và các hạt ngũ cốc khác;
- Sản xuất bột gạo;
- Xay rau: Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các loại đậu, các rễ thân cây hoặc các hạt ăn được khác;
- Chế biến đồ ăn sáng từ ngũ cốc;
- Sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột đã trộn sẵn làm bánh mỳ, bánh quy và bánh ngọt.

Loại trừ:

- Sản xuất bột và thức ăn từ khoai tây được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);
- Sản xuất bột ngô ẩm được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột).

1062 - 10620: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô...
- Sản xuất bột ngô ướt;
- Sản xuất đường glucô, đường mạch nha, inulin...
- Sản xuất gluten;
- Sản xuất bột sắn và các sản phẩm phụ của sắn;
- Sản xuất dầu ngô.

Loại trừ:

- Sản xuất đường lactose (đường sữa) được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);
- Sản xuất đường mía hoặc đường củ cải được phân vào nhóm 10720 (Sản xuất đường).

107: Sản xuất thực phẩm khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các loại thực phẩm khác nhau không thuộc các nhóm trên của ngành này.

Cụ thể:

Sản xuất các loại bánh, sản xuất đường và kẹo, sản xuất mỳ và các sản phẩm tương tự, các phần ăn sẵn, cà phê, chè và rau gia vị cũng như các thực phẩm đặc biệt và dễ hỏng.

1071 - 10710: Sản xuất các loại bánh từ bột

Nhóm này gồm:

Sản xuất các loại bánh từ bột như:

- Sản xuất bánh ngọt khô hoặc làm lạnh, bánh tươi;
- Sản xuất bánh mỳ;
- Sản xuất bánh nướng, bánh ngọt, bánh pate, bánh nhân hoa quả...
- Sản xuất bánh quy và các loại bánh ngọt khô khác;
- Sản xuất sản phẩm ăn nhẹ (bánh bao, bánh ròn, bánh quy cây...) mặn hoặc ngọt;
- Sản xuất bánh bắp;
- Sản xuất bánh phồng tôm;
- Sản xuất bánh ngọt làm lạnh: bánh mềm, bánh cuộn, bánh quế...

Loại trừ:

- Sản xuất hỗn hợp bột mỳ, bột trộn sẵn, bột nhào làm bánh mỳ, bánh ngọt, bánh quy, bánh mềm được phân vào nhóm 10612 (Sản xuất bột thô);
- Sản xuất các sản phẩm từ bột (mì ống) được phân vào nhóm 10740 (Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự);
- Sản xuất khoai tây chiên được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);
- Nướng bánh dùng ngay được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống).

1072 - 10720: Sản xuất đường

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đường (sucrose), mật mía, đường củ cải và đường khác từ các cây khác có đường. Tinh lọc đường thô thành đường tinh luyện (RE). Sản xuất si rô, mật nước tinh lọc được làm từ đường mía hoặc đường từ các cây khác có đường

như đường củ cải, đường từ cây thích, đường từ cây thốt nốt;

- Sản xuất đường dạng lỏng;
- Sản xuất mật đường.

Loại trừ:

- Sản xuất lactose, siro lactose được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);
- Sản xuất gluco, mật gluco, manto được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột).

1073 - 10730: Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ca cao, dầu ca cao, bơ ca cao, mỡ ca cao;
- Sản xuất sôcôla và kẹo sôcôla;
- Sản xuất kẹo: kẹo cứng, sôcôla trắng, kẹo cao su, kẹo nu ga, kẹo mềm;
- Sản xuất kẹo gồm;
- Ngâm tẩm đường cho quả, hạt cây và các bộ phận của cây;
- Sản xuất kẹo có mùi thơm, kẹo dạng viên;
- Sản xuất kẹo không đường.

Loại trừ: Sản xuất đường sacaro được phân vào nhóm 10720 (Sản xuất đường).

1074 - 10740: Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mì như mì ống, mì sợi kể cả đã được nấu, nhồi hoặc chưa;
- Sản xuất bột mì (nấu với thịt).

Loại trừ: Sản xuất súp mì được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

1075: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn

Nhóm này gồm: Sản xuất các thức ăn và món ăn chế biến sẵn (đã chế biến và nấu chín) và được bảo quản (chẳng hạn bảo quản ở dạng đông lạnh hoặc đóng hộp). Các món ăn này thường được đóng gói và dán nhãn để bán lại, nhóm này không bao gồm món ăn tiêu dùng ngay như trong nhà hàng. Các món ăn phải chứa ít nhất hai thành phần chính riêng biệt (trừ gia vị,...).

Loại trừ:

- Sản xuất thực phẩm tươi sống hoặc thực phẩm có ít hơn hai thành phần được phân vào nhóm tương ứng trong ngành 10 (Sản xuất, chế biến thực phẩm);
- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hư hỏng được phân vào nhóm 10309 (Chế biến và bảo quản rau quả khác);
- Sản xuất súp, nước xuyết và các thực phẩm khác được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Bán buôn thức ăn và món ăn đã chế biến được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo);
- Bán lẻ đồ ăn đã chế biến trong các cửa hàng được phân vào nhóm 47110 (Bán lẻ tổng hợp lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn), nhóm 47210 (Bán lẻ lương thực);
- Hoạt động của nhà thầu dịch vụ ăn uống được phân vào nhóm 56400 (Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống).

10751: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt

Nhóm này gồm: Sản xuất món ăn sẵn từ thịt (bao gồm thịt đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không).

10752: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản

Nhóm này gồm: Sản xuất các món ăn sẵn từ thủy sản (bao gồm thủy sản đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không).

10759: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác

- Sản xuất các thức ăn sẵn khác;
- Sản xuất món ăn từ mì và gạo;
- Sản xuất món ăn từ rau;
- Sản xuất bánh pizza dạng đông lạnh.

1076 - 10760: Sản xuất chè

Nhóm này gồm:

- Trộn chè và chất phụ gia;
- Sản xuất chiết xuất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất chè được đóng gói trong túi lọc hoặc viên.

1077 - 10770: Sản xuất cà phê

Nhóm này gồm:

- Rang và lọc chất caphêin cà phê;
- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;
- Sản xuất các chất thay thế cà phê.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất cà phê được đóng gói trong túi lọc hoặc viên.

1079 - 10790: Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất súp và nước xuyt;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, sữa công thức cho trẻ sơ sinh, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm chứa thành phần đồng nhất...;
- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;
- Sản xuất dấm;
- Sản xuất mật ong nhân tạo và chất tạo màu caramel (nước hàng, đường trắng, kẹo đắng);
- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hòng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất men vi sinh (probiotic);
- Sản xuất các loại dịch truyền, trà, thuốc sắc thảo dược (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã...);
- Sản xuất men bia;
- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;
- Sản xuất sữa không từ sữa động vật và các sản phẩm thay thế phô mai;
- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;
- Sản xuất muối thành muối thực phẩm, bao gồm muối trộn i ốt;
- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;
- Sản xuất thực phẩm chức năng như: Thực phẩm ít calo hỗ trợ giảm cân; thực phẩm dinh dưỡng y học...

Loại trừ:

- Trồng cây gia vị được phân vào nhóm 0128 (Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm);
- Sản xuất inulin được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột);
- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông được phân vào nhóm 10309 (Chế biến và bảo quản rau quả khác);
- Sản xuất pizza đông lạnh được phân vào nhóm 10759 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác);
- Sản xuất các sản phẩm của chè, cà phê, trà mate được phân vào nhóm 1076 (Sản xuất chè), 1077 (Sản xuất cà phê);
- Sản xuất rượu mạnh, bia, rượu vang và đồ uống nhẹ được phân vào ngành 11 (Sản xuất đồ uống);
- Sản xuất sản phẩm thực vật dùng làm dược phẩm được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu).

108 - 1080 - 10800: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ ăn sẵn cho vật nuôi kiếng, bao gồm chó, mèo, chim, cá...
- Sản xuất đồ ăn sẵn cho động vật trang trại, bao gồm thức ăn cô đặc và thức ăn bổ sung;
- Sản xuất thức ăn nguyên bản, chưa trộn cho gia súc nông trại.

Nhóm này cũng gồm: Xử lý phế phẩm của giết mổ gia súc để chế biến thức ăn gia súc.

Loại trừ:

- Sản phẩm thịt cá cho thức ăn gia súc được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Sản xuất bánh có dầu được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật);
- Các hoạt động dẫn đến các sản phẩm phụ có thể dùng làm thức ăn gia súc mà không cần xử lý đặc biệt, ví dụ hạt có dầu được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật), bã của hạt xay nghiền được phân vào nhóm 1061 (Xay xát và sản xuất bột thô).

11: SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG

Ngành này gồm: Sản xuất đồ uống như đồ uống không cồn và nước khoáng, sản xuất đồ uống có cồn chủ yếu thông qua lên men, bia và rượu, sản xuất đồ uống có cồn qua chưng cất.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất mạch nha ủ men bia.

Loại trừ:

- Sản xuất nước rau, quả được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);
- Sản xuất đồ uống có sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);
- Sản xuất chè được phân vào nhóm 10760 (Sản xuất chè);
- Sản xuất cà phê được phân vào nhóm 10770 (Sản xuất cà phê).

110: Sản xuất đồ uống

1101 - 11010: Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ uống có cồn được chưng cất hoặc pha chế các loại rượu mạnh: rượu whisky, rượu gin, rượu mùi, đồ uống hỗn hợp...
- Sản xuất đồ uống pha với đồ uống có cồn được chưng cất;
- Pha chế các loại rượu mạnh đã chưng cất;
- Sản xuất rượu mạnh trung tính.

Loại trừ:

- Sản xuất rượu êtilíc làm biến tính được phân vào nhóm 20114 (Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác);
- Sản xuất đồ uống có cồn chưa qua chưng cất được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang) và nhóm 11030 (Sản xuất bia);
- Đóng chai, dán nhãn rượu được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo), nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói) nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

1102 - 11020: Sản xuất rượu vang

Nhóm này gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất rượu vang sủi tăm;
- Sản xuất rượu vang từ nước nho cô đặc;
- Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn;
- Sản xuất rượu vec mut và các loại tương tự.

Nhóm này cũng gồm:

- Pha chế các loại rượu vang;
- Sản xuất rượu không cồn và có độ cồn thấp.

Loại trừ:

- Sản xuất giấm được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Đóng chai và dán nhãn được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo) nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói) nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

1103 - 11030: Sản xuất bia

Nhóm này gồm:

- Sản xuất rượu từ mạch nha như bia, bia đen;
- Sản xuất bia không cồn hoặc có độ cồn thấp.

1104 - 11040: Sản xuất mạch nha ủ men bia

Nhóm này gồm: Sản xuất mạch nha ủ men bia.

Loại trừ:

- Sản xuất rượu từ mạch nha được phân vào nhóm 11030 (Sản xuất bia);
- Chiết xuất mạch nha và si rô được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

1105: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

11051: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai

Nhóm này gồm: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai khác.

11052: Sản xuất đồ uống không cồn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn;
 - Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...
 - Sản xuất các loại đồ uống không cồn khác, ví dụ như đồ uống làm từ đậu nành,...
- Nhóm này cũng gồm: Sản xuất nước ép mật hoa (hay còn gọi là nước ép cùi).

Loại trừ:

- Sản xuất nước chiết từ rau quả được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);
- Sản xuất đồ uống từ sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);
- Sản xuất chè được phân vào nhóm 10760 (Sản xuất chè);
- Sản xuất cà phê được phân vào nhóm 10770 (Sản xuất cà phê).
- Sản xuất rượu không cồn được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang);
- Sản xuất bia không cồn được phân vào nhóm 11030 (Sản xuất bia);
- Đóng chai và dán nhãn được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo), nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói), nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

12: SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Ngành này gồm: Chế biến nông sản lá thuốc lá thành các loại sản phẩm thuốc lá, thuốc hút khác.

120 - 1200: Sản xuất sản phẩm thuốc lá

12001: Sản xuất thuốc lá

Nhóm này gồm:

- Chế biến lá thuốc lá thành sợi thuốc lá;
- Sản xuất thuốc lá và các sản phẩm từ thuốc lá như: thuốc lá điếu;
- Sản xuất thuốc lá “đồng nhất” hoặc thuốc lá “tắm”.

Loại trừ:

- Trồng thuốc lá được phân vào nhóm 01150 (Trồng cây thuốc lá, thuốc láo);
- Sơ chế thô lá thuốc lá được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);

- Sản xuất chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử (bao gồm cả chất lỏng dùng để nạp lại) được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thuốc lá điện tử được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

12009: Sản xuất thuốc hút khác

Nhóm này gồm: Sản xuất xì gà, thuốc lá hút tẩu, thuốc lá nhai, thuốc lá rê.

13: DỆT

Ngành này gồm: Sản xuất sợi, dệt vải, hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất các sản phẩm từ vải dệt, trừ quần áo (ví dụ đồ bằng vải dùng trong gia đình, khăn trải, thảm trải sàn, dây thừng...).

Loại trừ:

- Trồng sợi thiên nhiên được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Sản xuất sợi tổng hợp hoặc nhân tạo được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);

- Sản xuất sản phẩm may mặc được phân vào ngành 14 (Sản xuất trang phục).

131: Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm dệt, bao gồm các hoạt động như chuẩn bị, kéo sợi và dệt vải. Nó có thể được làm từ các nguyên liệu thô khác nhau như lụa, len, sợi nhân tạo hay từ động thực vật khác, từ giấy hay từ thủy tinh...

Nhóm này cũng gồm: Hoàn thiện sản phẩm dệt và may trang phục như tẩy trắng, nhuộm, may và các hoạt động tương tự.

1311 - 13110: Sản xuất sợi

Nhóm này gồm:

- Chuẩn bị sợi dệt: quay và dệt sợi; tẩy nhòn và các-bon hóa len, nhuộm len lông cừu; chải len lông các loài động vật, thực vật và sợi tái tạo hoặc tổng hợp;

- Xe sợi và sản xuất sợi cho dệt hoặc may để buôn bán hoặc chế biến thêm;

- Tách sợi lanh khỏi phần gỗ bên trong của thân cây lanh;

- Sản xuất sợi, kết, cuộn, ngâm sợi tổng hợp hoặc sợi tái tạo;

- Sản xuất vải cotton rộng bản, vải len, vải lụa, vải lanh bao gồm cả sợi tái tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất sợi tái chế từ nguyên liệu thô thứ cấp;

- Sản xuất sợi giấy.

Loại trừ:

- Công việc chuẩn bị được thực hiện gắn với nông nghiệp hoặc trang trại được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);
- Ươm các cây lấy sợi (đay, gai, lanh...) được phân vào nhóm 01160 (Trồng cây lấy sợi);
- Tia hạt bông được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);
- Sản xuất sợi tổng hợp hoặc nhân tạo, sản xuất sợi đơn (bao gồm sợi dai và sợi dùng dệt thảm) từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);
- Sản xuất sợi thủy tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh).

1312 - 13120: Sản xuất vải dệt thoi

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vải cotton khổ rộng bằng cách đan, tấm vải đan, thêu, bao gồm từ sợi nhân tạo hoặc tổng hợp;
- Sản xuất các tấm vải khổ rộng khác sử dụng sợi lanh, gai, đay và các sợi đặc biệt;
- Sản xuất vải dệt khổ rộng từ nguyên liệu thô thứ cấp;
- Sản xuất vải len tuyệt, vải nhung, vải bông, gạc;
- Sản xuất các tấm vải từ aramid;
- Sản xuất các tấm lông nhân tạo bằng cách dệt.

Loại trừ:

- Sản xuất vải phủ sản bằng nguyên liệu dệt được phân vào nhóm 13930 (Sản xuất thảm, chăn, đệm);
- Sản xuất nỉ và vải không dệt được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất các sản phẩm dệt khổ hẹp được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất bạt, lều, đồ cắm trại bằng vật liệu dệt; cánh buồm thuyền lướt ván và buồm thuyền; rèm che nắng; bạt phủ xe hơi, máy móc hoặc đồ nội thất; dù nhảy được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất tấm vải từ sợi thủy tinh được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất sợi các-bon và các sản phẩm từ sợi các-bon không dùng cho mục đích điện được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất sản phẩm dệt bằng cách đan, móc được phân vào nhóm 13910 (Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác).

1313 - 13130: Hoàn thiện sản phẩm dệt

Nhóm này gồm:

- Tẩy hoặc nhuộm vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo;
- Hồ vải, nhuộm, hấp, làm co, chống co, ngâm kiềm vải, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo;
- Tẩy quần áo bò;
- Xếp ly và các công việc tương tự trên sản phẩm dệt;
- Lamin chống thấm nước, tạo lớp phủ, cao su hóa hoặc ngâm vải;
- In trên vải dệt như một bước trung gian trong sản xuất vải dệt;
- Thêu theo yêu cầu trên sản phẩm dệt.

Loại trừ:

- In (bao gồm in lụa) trên trang phục và sản phẩm dệt mà không phải là bước trung gian trong sản xuất vải dệt được phân vào nhóm 18120 (Dịch vụ liên quan đến in);
- Khắc laser trên vải được phân vào nhóm 18120 (Dịch vụ liên quan đến in);
- Sản xuất vải dệt được ngâm tẩm, phủ lớp cao su, cao su là thành phần chính được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su).

139: Sản xuất hàng dệt khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm được tạo ra từ vải dệt, ngoại trừ quần áo mặc, chẳng hạn như hàng dệt may sẵn, thảm và chăn mền, dây thừng, dây chèo, vải dệt gói và một số đồ trang sức...

1391 - 13910: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và gia công các sản phẩm vải đan móc như:
- + Vải nhung và vải bông;

- + Vải lưới và vải trang trí cửa sổ;
- + Các loại vải bằng đan móc khác.
- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc đan móc.

Loại trừ: Sản xuất lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải màn dạng ren được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

1392 - 13920: Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất sản phẩm dệt sẵn từ bất kỳ nguyên liệu dệt nào, kể cả vải len như:
- + Chăn, túi ngủ;
- + Khăn trải giường, bàn hoặc bếp;
- + Chăn, chăn lông vũ, đệm ghế, gối và túi ngủ.
- Sản xuất các sản phẩm dệt may sẵn như:
- + Màn, rèm, mảnh, ga trải giường, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế;
- + Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu...
- + Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đuối, dù.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất phần dệt của chăn điện;
- Sản xuất thảm thêu tay.

Loại trừ:

- Sản xuất hàng dệt dùng trong kỹ thuật được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất sản phẩm dệt làm đồ chèn lót, hoặc sản phẩm chèn lót: như khăn tắm, băng vệ sinh được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

1393 - 13930: Sản xuất thảm, chăn, đệm

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tấm lát phủ sàn như: thảm tấm, chăn đệm, thảm lau chân;
- Sản xuất tấm phủ sàn dệt dạng ni có lỗ;
- Sản xuất cỏ nhân tạo.

Loại trừ:

- Sản xuất thảm chùi chân từ nguyên liệu tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất tấm phủ sàn từ nguyên liệu nhựa, cao su, tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất vải sơn lót sàn nhà, tấm phủ sàn có mặt cứng được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic).

1394 - 13940: Sản xuất các loại dây bện và lưới

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dây thừng, dây chèo, dây bện và dây cáp từ sợi dệt hoặc sợi tương tự, bất kể chúng được tấm phủ tráng, bọc bằng cao su, plastic hay không;

- Sản xuất lưới đan từ dây chèo, dây thừng, bện;

- Sản xuất các sản phẩm lưới hoặc dây chèo; lưới đánh cá, lưới chắn thuyền, dây cáp, dây chèo có lõi bằng kim loại, dây đeo, lót đệm...

Loại trừ:

- Sản xuất lưới tóc được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất dây kim loại được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất lưới đánh cá thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao).

1399 - 13990: Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

Hoạt động liên quan đến dệt hoặc sản phẩm dệt chưa được phân vào đâu trong ngành 13 (Dệt), 14 (Sản xuất trang phục).

Cụ thể:

- Sản xuất vải không dệt, có hoặc không tấm, tráng, phủ hoặc ép bằng nhựa hoặc cao su;

- Sản xuất vải không dệt, trong đó nhựa hoặc cao su tạo thành chất kết dính;

- Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi dọc không có sợi ngang được ghép với nhau thông qua chất kết dính;

- Sản xuất nhãn mác, băng rôn...

- Sản xuất đồ trang trí: vải viền, quả tua...;
- Sản xuất nỉ;
- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí;
- Sản xuất tấm dệt được tẩy, được phủ hoặc tráng nhựa;
- Sản xuất sợi kim loại hóa hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa;
- Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục);
- Sản xuất vải bố làm lốp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao;
- Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng...;
- Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông;
- Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không);
- Sản xuất vải lót máy móc;
- Sản xuất vải quần áo dễ co giãn;
- Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật;
- Sản xuất dây giày;
- Sản xuất bạt, lều, buồm, dù; vải dệt cho rèm và mảnh che nắng, vỏ bọc rời cho ô tô (ví dụ: vải phủ lớp ô tô), máy móc hoặc đồ nội thất;
- Sản xuất lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải màn dạng ren

Loại trừ:

- Sản xuất tấm phủ sản được phân vào nhóm 13930 (Sản xuất thảm, chăn, đệm);
- Sản xuất bông và các sản phẩm từ bông như: bông đánh phấn, khăn lau bằng vải bông, băng vệ sinh, ... được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất băng chuyền, băng tải bằng sợi dệt, dây thừng, dây chèo được phủ, tráng cao su, trong đó cao su là thành phần chính được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);
- Sản xuất tấm, tờ hoặc mảnh cao su có liên kết với sợi vải dệt với mục đích tăng cường được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Sản xuất quần áo từ sợi kim loại được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo, đồ trang sức trang điểm đàn, thêu được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục đàn móc).

14: SẢN XUẤT TRANG PHỤC

Ngành này gồm: Hoạt động may (may gia công hoặc may sẵn) bằng tất cả các nguyên liệu (ví dụ: da, dệt, vải đàn hoặc móc), tất cả các loại quần, áo (quần áo mặc ngoài hoặc quần áo lót của nam, nữ, trẻ em; quần áo đi làm, quần áo ở nhà hoặc quần áo của người thành thị...) và các đồ phụ kiện. Sản xuất trang phục ở ngành này không có sự phân biệt giữa quần áo cho người lớn và quần áo cho trẻ em hay quần áo truyền thống hoặc hiện đại.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất trang phục, đồ phụ kiện và các mặt hàng khác từ da lông thú.

141 - 1410 - 14100: Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang phục, nguyên liệu sử dụng có thể là bất kỳ loại nào có thể được tráng, phủ hoặc cao su hóa;

- Sản xuất trang phục bằng da hoặc da tổng hợp bao gồm các phụ kiện bằng da dùng trong các ngành công nghiệp như tạp dề da;

- Sản xuất quần áo bảo hộ lao động;

- Sản xuất quần áo khoác ngoài từ vải len, vải dệt thoi, vải đàn móc hoặc vải không dệt... cho phụ nữ, nam giới, trẻ em như: áo khoác ngoài, áo jacket, bộ trang phục, quần, váy...;

- Sản xuất quần áo lót hoặc quần áo đi ngủ làm từ vải len, vải đàn móc, cho nam giới, phụ nữ hoặc trẻ em như: áo sơ mi, áo chui đầu, quần đùi, quần ngắn bó, bộ pyjama, váy ngủ, áo blu, áo lót, coóc xê...;

- Sản xuất quần áo cho trẻ em, quần áo bơi, quần áo trượt tuyết;

- Sản xuất mũ mềm hoặc cứng;

- Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: tất tay, thắt lưng, caravat, lưới tóc, khăn choàng;

- Sản xuất đồ lễ hội;

- Sản xuất mũ lưới trai bằng da lông thú;

- Sản xuất giày, dép từ nguyên liệu dệt không có đế;

- Sản xuất chi tiết của các sản phẩm trên.

Loại trừ:

- Sản xuất trang phục bằng da lông thú (trừ mũ lưỡi trai) được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);

- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc và các sản phẩm may sẵn khác, đan móc trực tiếp thành sản phẩm được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục đan móc);

- Sản xuất giày, dép được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất trang phục bằng cao su hoặc nhựa không bằng cách khâu mà chỉ gắn với nhau được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su) và nhóm 22209 (Sản xuất sản phẩm khác từ plastic);

- Sản xuất găng tay da thể thao và mũ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất mũ bảo hiểm (trừ mũ dùng cho thể thao) được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo bảo vệ và quần áo chống lửa được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sửa chữa trang phục được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

142 - 1420 - 14200: Sản xuất sản phẩm từ da lông thú

Nhóm này gồm:

Sản xuất sản phẩm làm từ da lông thú như:

+ Trang phục lông thú và phụ trang;

+ Các phụ kiện làm từ lông da như tấm, miếng lót, mảnh dài...;

+ Các sản phẩm phụ khác từ da lông thú như thảm, đệm, mảnh đánh bóng công nghiệp.

Loại trừ:

- Sản xuất da lông sống được phân vào nhóm 014 (Chăn nuôi) và nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Chế biến da thô và da sống được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất lông thú giả (quần áo có lông dài thông qua đan, dệt) được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi) và nhóm 13120 (Sản xuất vải dệt thoi);

- Sản xuất mũ lông thú được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất trang phục có trang trí lông thú được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Thuộc, nhuộm da được phân vào nhóm 15110 (Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú);

- Sản xuất bột, giày có phần lông thú được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép).

143 - 1430 - 14300: Sản xuất trang phục đan móc

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang phục đan móc và các sản phẩm may sẵn khác, đan móc trực tiếp thành sản phẩm như: áo chui đầu, áo len, áo gile, quần áo ngủ, đồ lót, quần áo chơi thể thao, đồ thể thao, đồ bơi và các đồ tương tự;

- Sản xuất hàng dệt kim như áo nịt, tất, soóc.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất tất y khoa và hàng dệt y tế;

- Sản xuất giày, dép từ nguyên liệu dệt không có đế.

Loại trừ: Sản xuất vải đan móc, được phân vào nhóm 13910 (Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác).

15: SẢN XUẤT DA VÀ CÁC SẢN PHẨM CÓ LIÊN QUAN

Ngành này gồm: Thuộc, nhuộm da và chế biến da sống thành da bằng cách thuộc, chế biến da thành các sản phẩm cho sử dụng cuối cùng. Nó cũng bao gồm sản xuất các sản phẩm tương tự từ các nguyên liệu khác (giấy da hoặc thay thế da), như giày, dép cao su, túi xách từ sản phẩm dệt. Sản phẩm được làm từ nguyên liệu thay thế da cũng thuộc nhóm này, vì chúng được sản xuất bằng các phương pháp tương đương với các sản phẩm da được sản xuất (ví dụ túi xách) và thường được sản xuất trong cùng một đơn vị.

151: Thuộc, sơ chế da; sản xuất va li, túi xách, yên đệm; sơ chế và nhuộm da lông thú

Nhóm này gồm: Sản xuất da lông thú và các sản phẩm da lông thú.

1511 - 15110: Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú

Nhóm này gồm:

- Thuộc da, nhuộm da;

- Sản xuất da thuộc, giấy giả da, da bóng hoặc da phủ kim loại;

- Sản xuất da tổng hợp;

- Cạo lông, chải lông, thuộc, tẩy trắng, xén lông, nhỏ lông và nhuộm da lông thú.

Loại trừ:

- Sản xuất da sống và da như một phần việc của trại nuôi gia súc được phân vào nhóm 014 (Chăn nuôi);

- Sản xuất da sống và da là phần việc của hoạt động giết mổ được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất trang phục bằng da được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất da giả không phải từ da tự nhiên được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic).

1512 - 15120: Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm

Nhóm này gồm:

- Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, bằng da, da tổng hợp hoặc bất cứ nguyên liệu nào khác như nhựa, vải dệt, sợi hoặc bìa các tông được lưu hóa, với điều kiện các nguyên liệu này sử dụng cùng công nghệ dùng để xử lý da;

- Sản xuất yên đệm;

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (từ vải, da, nhựa);

- Sản xuất các đồ khác từ da hoặc da tổng hợp: Dây an toàn, túi...

- Sản xuất dây giày bằng da;

- Sản xuất roi da, roi nài ngựa;

- Sản xuất quần áo cho động vật bằng da.

Loại trừ:

- Sản xuất trang phục bằng da được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất găng tay và mũ da được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất giày, dép được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất yên xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo an toàn cho thợ điện và các dây đeo cho nghề nghiệp khác được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

152 - 1520 - 15200: Sản xuất giày, dép

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giày, dép cho mọi mục đích sử dụng, bằng mọi nguyên liệu, bằng mọi cách thức sản xuất bao gồm cả đồ khuôn;

- Sản xuất bộ phận của giày, dép: sản xuất mũi giày và bộ phận của mũi giày, đế trong và phần ngoài đế bằng bất cứ chất liệu nào (da, gỗ, nhựa, cao su,...);

- Sản xuất bao chân, xà cạp và các vật tương tự;

- Thêu, in gia công trên giày;

- Sản xuất guốc gỗ thành phẩm;

- Gia công đế giày bằng nguyên phụ liệu khác (xốp eva, giả da...).

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất bộ phận của giày, dép bằng gỗ, nhựa, cao su.

Loại trừ:

- Sản xuất giày, dép đan hoặc móc không có đế được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục đan móc);

- Sản xuất giày trượt tuyết, giày trượt băng được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất giày chỉnh hình được phân vào nhóm 3250 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng).

16: CHẾ BIẾN GỖ VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ GỖ, TRE, NÚA (TRỪ GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ); SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ RƠM, RẠ VÀ VẬT LIỆU TẾT BÈN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ như: gỗ xẻ, gỗ dán, lớp gỗ mặt (của gỗ dán), thùng đựng hàng bằng gỗ, gỗ làm sàn, gỗ làm dàn giáo và gỗ dựng nhà làm sẵn, sản xuất nhiên liệu rắn từ sinh khối thực vật và hoàn thiện các sản phẩm từ gỗ. Quá trình sản xuất bao gồm xẻ, bào, tạo khuôn, xẻ mỏng, lắp ráp sản phẩm gỗ bắt đầu từ gỗ tròn được cắt thành từng khúc hoặc tấm, sau đó được cắt nhỏ tiếp hoặc được định khuôn bằng tiện hoặc các dụng cụ tạo hình khác. Gỗ khúc hoặc gỗ đã định hình khác có thể được bào hoặc làm nhẵn và lắp ráp thành sản phẩm cuối cùng như thùng đựng hàng bằng gỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);

- Lắp đặt các thiết bị gỗ và đồ tương tự được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

161 - 1610: Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ

Nhóm này gồm: Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ.

Loại trừ:

- Xe gỗ và sản xuất gỗ thô được phân vào nhóm 02200 (Khai thác gỗ).

- Sản xuất lớp gỗ mỏng dùng trong gỗ dán, gỗ ván và tấm panen được phân vào nhóm 16210 (Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác).

- Sản xuất ván ộp, hạt gỗ, gỗ đúc được phân vào nhóm 16220 (Sản xuất đồ gỗ xây dựng).

16101: Cửa, xe và bảo gỗ

Nhóm này gồm:

- Cửa, xe, bảo, chế biến và hoàn thiện gỗ;

- Cửa, xe, bảo và gia công cắt gọt gỗ;

- Xe mỏng, bóc vỏ, đẽo bảo gỗ;

- Sản xuất tà vẹt bằng gỗ;

- Sản xuất sản gỗ chưa lắp ráp;

- Sản xuất sợi gỗ, mùn cưa, bột gỗ, vỏ bảo, hạt gỗ ở ngoài rừng.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động chung về chế biến và hoàn thiện gỗ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng như: khoan, tiện, phay, bào, chà nhám, mài nghiền, chuốt, làm phẳng, cưa, mài thô, mài sắc, đánh bóng, hàn, nối,...

16102: Bảo quản gỗ

Nhóm này gồm:

- Làm khô gỗ;

- Xử lý gỗ bằng cách đơn giản như sơn gỗ, nhuộm màu gỗ hoặc chất bảo quản khác.

- Tẩm hoặc xử lý hóa chất gỗ;

- Tẩm hoặc xử lý hóa chất gỗ với chất bảo quản hoặc nguyên liệu khác.

162: Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện bao gồm dạng cơ bản cũng như các sản phẩm lắp ráp.

1621 - 16210: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như:

+ Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau),

+ Làm dưới dạng rời,

- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự;

- Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ;

- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng sợi gỗ;

- Sản xuất ván dăm định hướng (OSB) và ván dăm khác;

- Sản xuất ván sợi mật độ trung bình (MDF) và ván sợi khác;

- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ ghép chéo, gỗ trang trí ván mỏng.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất ván sợi cách nhiệt bằng gỗ hoặc bằng vật liệu có chất gỗ khác, có hoặc không liên kết bằng keo hoặc bằng các chất kết dính hữu cơ khác.

1622 - 16220: Sản xuất đồ gỗ xây dựng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng, cụ thể:

+ Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng,

+ Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng,

+ Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có hay không các phụ kiện bằng kim loại như bản lề, khoá...

+ Cầu thang, hàng rào chắn,

+ Ván ốp, hạt gỗ, gỗ đục,

+ Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm.

- Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ;
- Sản xuất nhà gỗ di động;
- Sản xuất vách ngăn bằng gỗ (trừ loại độc lập).

Loại trừ:

- Sản xuất gỗ lắp sẵn chưa lắp ráp được phân vào nhóm 1610 (Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ);
- Sản xuất tủ nhà bếp, tủ sách, tủ quần áo,... được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);
- Sản xuất vách ngăn bằng gỗ loại độc lập được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);

1623 - 16230: Sản xuất bao bì bằng gỗ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng gỗ, hòm, thùng thưa (sọt), thùng hình ống và các đồ đựng bằng gỗ tương tự;
- Sản xuất tấm nâng hàng, thùng nâng hàng và tấm nâng hàng khác bằng gỗ;
- Sản xuất thùng tròn, bình, chum và các sản phẩm thùng bằng gỗ khác;
- Sản xuất trống cuộn cáp bằng gỗ;
- Sản xuất quan tài bằng gỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ đựng hành lý bằng gỗ được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);
- Sản xuất thùng bằng vật liệu tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện).

1629: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

Loại trừ:

- Sản xuất chiếu, thảm từ nguyên liệu dệt được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));
- Sản xuất hòm đựng hành lý được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giày, dép bằng gỗ được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);
- Sản xuất bộ phận của giày, dép bằng gỗ được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);
- Sản xuất diêm được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất hộp đựng đồng hồ được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);
- Sản xuất ống chỉ, ống suốt của máy dệt được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế được phân vào nhóm 31010 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);
- Sản xuất đồ chơi bằng gỗ được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất bàn chải và chổi được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất trap nhỏ được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

16291: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể:
 - + Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải,
 - + Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo,
 - + Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ,
 - + Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khám, trạm hoa văn bằng gỗ,
 - + Hộp, trap nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ,
 - + Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuộn chỉ, máy khâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ,
 - + Các vật phẩm khác bằng gỗ.
- Sản xuất nhiên liệu rắn từ sinh khối thực vật;
- Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành;
- Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ;

- Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ;
- Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày);
- Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự;
- Sản xuất khối gỗ dùng để sản xuất tàu thuốc lá;
- Tranh khắc bằng gỗ.

16292: Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), còi và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm:

- Chế biến bắc tự nhiên và các sản phẩm từ bắc ép;
- Sản xuất các sản phẩm từ bắc tự nhiên hoặc bắc ép, bao gồm tấm phủ sàn;
- Sản xuất dây bện, sản phẩm tết bện như thảm chùi chân, chiếu, thùng, hộp và tấm chắn;
- Sản xuất đồ gió bằng liễu gai và các đồ bằng bắc;
- Sản xuất đồ lưu niệm như tranh, gạt tàn thuốc, hoa... làm bằng tre.

17: SẢN XUẤT GIẤY VÀ SẢN PHẨM TỪ GIẤY

Ngành này gồm:

Sản xuất bột giấy, giấy, các sản phẩm từ giấy và sản xuất các sản phẩm tái chế từ gỗ, giấy, bìa... Hoạt động sản xuất các sản phẩm này được tạo thành một dãy các hoạt động sản xuất liên kết với nhau theo chiều dọc. Một đơn vị độc lập thường tiến hành nhiều hơn một hoạt động. Việc sản xuất bột giấy liên quan đến tách sợi xenlulo từ hợp chất gỗ hoặc hòa tan và khử mực từ giấy đã sử dụng rồi trộn với một lượng nhỏ chất phụ gia để tăng cường sự liên kết của các sợi. Sản xuất giấy bao gồm ép các sợi thành tấm, bản. Các sản phẩm được làm từ giấy và các nguyên liệu khác bằng các kỹ thuật khác nhau. Các sản phẩm giấy có thể được in (báo tường, giấy gói quà)...

Sản xuất bột giấy, giấy và giấy bìa được phân vào nhóm 17010 (Sản xuất bột giấy, giấy và bìa).

170: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

1701 - 17010: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột giấy được tẩy trắng, tẩy trắng một phần hoặc chưa được tẩy trắng bằng cơ học, hóa học (hoà tan hoặc không hoà tan) hoặc xử lý hóa chất một phần;

- Sản xuất bột giấy từ xơ bông;
- Loại bỏ mực và sản xuất bột giấy từ giấy bỏ;
- Sản xuất giấy và giấy bìa với quy trình công nghệ cao;
- Chế biến giấy và giấy bìa như:
 - + Sơn phủ, tẩm thấm giấy và giấy bìa,
 - + Sản xuất giấy kép,
 - + Sản xuất giấy cán mỏng thành tấm từ giấy và bìa giấy.
- Sản xuất giấy thủ công;
- Sản xuất giấy báo và giấy để in ấn khác hoặc giấy viết;
- Sản xuất giấy sợi để chèn lót và giấy sợi xenlulo cuộn;
- Sản xuất giấy than hoặc giấy nền cuộn hoặc bản rộng.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy nhãn và giấy bìa được phân vào nhóm 1702 (Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa);
- Sản xuất các sản phẩm chế biến kỹ hơn từ giấy, giấy bìa, bột giấy được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất giấy được tráng, phủ hoặc tẩm thấm, trong đó tẩm thấm và tráng phủ là thành phần chính, được phân vào nhóm sản xuất các sản phẩm tẩm thấm, tráng phủ;
- Sản xuất giấy ráp được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất áo cứu đuối được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

1702: Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa

17021: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa giấy lót làn sóng (có nếp gấp để bảo quản đồ dễ vỡ như thủy tinh...);
- Sản xuất bao bì bằng bìa cứng như hộp các tông, thùng các tông...;
- Sản xuất các bao bì khác bằng giấy và bìa;

- Sản xuất bao tải bằng giấy;
- Sản xuất hộp đựng tài liệu trong văn phòng và đồ tương tự.

Loại trừ: Sản xuất phong bì được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

17022: Sản xuất giấy nhân và bìa nhân

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giấy nhân và giấy bìa.
- Sản xuất bao bì bằng giấy nhân hoặc bìa nhân.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm từ bột giấy ép hoặc đúc được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

1709 - 17090: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như:

- + Giấy ăn, giấy lau chùi,
- + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh,
- + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy.

- Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh;

- Sản xuất giấy viết, giấy in;
- Sản xuất giấy in cho máy tính;
- Sản xuất giấy tự copy khác;
- Sản xuất giấy nến và giấy than;
- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;
- Sản xuất phong bì, bưu thiếp;

- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại;

- Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy;

- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt;
- Sản xuất nhãn hiệu;
- Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;
- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy;
- Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn;
- Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải;
- Sản xuất vàng mã các loại.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy hoặc bìa giấy với khổ lớn được phân vào nhóm 17010 (Sản xuất bột giấy, giấy và bìa);
- In trên sản phẩm giấy được phân vào nhóm 18110 (In ấn);
- Sản xuất quân bài được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất trò chơi và đồ chơi bằng giấy hoặc bìa giấy được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

18: IN, SAO CHÉP BẢN GHI CÁC LOẠI

Ngành này gồm:

In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, thiệp chúc mừng, các mẫu văn bản thương mại và in trên vật liệu in; thực hiện hoạt động hỗ trợ liên quan như đóng sách, dịch vụ làm khuôn in và hình ảnh hóa dữ liệu. Các hoạt động hỗ trợ đề cập ở đây là phần không thể thiếu của ngành in và một sản phẩm (khuôn in, sách đóng bìa hoặc đĩa máy tính hoặc tệp) là một phần không thể thiếu của ngành in hầu như luôn được cung cấp bởi các hoạt động này.

Các quy trình được sử dụng trong hoạt động in bao gồm nhiều phương pháp chuyển một hình ảnh từ bản in, màn hình hoặc tệp máy tính sang vật liệu in như giấy, nhựa, kim loại, vật liệu dệt hoặc gỗ. Trong đó, phương pháp nổi bật nhất là việc chuyển hình ảnh từ bản in hoặc màn hình máy tính sang vật liệu in thông qua in thạch bản, in lõm, in lưới, in nổi). Thông thường, tệp tin máy tính được sử dụng để trực tiếp “điều khiển” cơ chế in để tạo hình ảnh hoặc thiết bị tĩnh điện và các loại thiết bị khác (in kỹ thuật số hoặc in không tiếp xúc).

In ấn và xuất bản có thể được thực hiện bởi cùng một đơn vị (ví dụ như một tờ báo).

Ngành này cũng gồm: Việc sao chép các phương tiện lưu trữ thông tin đã được ghi lại, như đĩa CD, bản ghi video, phần mềm trên đĩa hoặc băng, bản ghi.

Loại trừ:

- Hoạt động xuất bản được phân vào ngành 58 (Hoạt động xuất bản);
- Sản xuất các sản phẩm bằng máy in 3D được phân loại theo sản phẩm và vật liệu được sử dụng.

181: In ấn và dịch vụ liên quan đến in

Nhóm này gồm: In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, các mẫu văn bản thương mại, thiệp chúc mừng và in trên phương tiện truyền thông, cùng các hoạt động hỗ trợ như đóng gáy sách, dịch vụ làm đĩa và hình ảnh. In có thể được thực hiện bằng các kỹ thuật khác nhau và trên các vật liệu khác nhau.

1811 - 18110: In ấn

Nhóm này gồm:

- In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác, tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác, nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in ốp-sét, in nổi, in thạch bản và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy tính, in chạm nổi;

- In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm;
- Khắc laser trên vải;
- Các ấn phẩm in ấn được cấp bản quyền.

Nhóm này cũng gồm:

- In nhãn hiệu hoặc thẻ (in thạch bản, in bản kẽm, in nổi và in khác);
- In biển hiệu, miếng để lót ly, ảnh;
- Hoạt động in quảng cáo.

Loại trừ:

- In trên vải dệt như một bước trung gian trong sản xuất vải dệt được phân vào nhóm 13130 (Hoàn thiện sản phẩm dệt);
- Sản xuất các sản phẩm bằng giấy như gáy sách được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);
- Xuất bản các ấn phẩm in được phân vào nhóm 581 (Xuất bản sách, báo, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác);
- Khắc trên kim loại, thủy tinh, gỗ,... được phân vào nhóm tương ứng theo vật liệu được sử dụng;

- Hoạt động thiết kế quảng cáo được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);
- Hoạt động của máy photocopy như một dịch vụ tự phục vụ được phân vào nhóm 82100 (Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng).

1812 - 18120: Dịch vụ liên quan đến in

Nhóm này gồm: Các dịch vụ trước in, tiền chế bản, đóng sách in và các dịch vụ liên quan.

Bao gồm:

- Xếp chữ, sắp chữ, sắp chữ bằng ảnh, nhập dữ liệu trước khi in thành dạng phù hợp để sử dụng trong các quy trình in khác nhau và trình bày trong các phương tiện trực quan khác bao gồm quét và nhận dạng ký tự quang học, tô màu điện tử;
- Chuẩn bị các tệp dữ liệu cho các ứng dụng đa phương tiện (in trên giấy, CD-ROM, Internet);
- Dịch vụ chế bản in bao gồm sắp hình ảnh và sắp bản in (để in ốp-sét và in sắp chữ);
- Khắc chạm, khắc axit trên trực lăn cho khắc kẽm;
- Xử lý bản in: từ máy tính đến bản in (cũng bao gồm bản in nhựa);
- Chuẩn bị bản in và nhuộm nhằm làm giảm công việc in ấn và dán tem;
- Chuẩn bị các sản phẩm nghệ thuật bao gồm in thạch bản và mộc bản (phiên gỗ để làm các bản khắc);
- Chuẩn bị phương tiện trình bày;
- Chuẩn bị bản phác thảo, bố cục, bản vẽ mẫu...;
- In thử;
- Dịch vụ đóng sách, lắp mẫu và các dịch vụ sau in để hỗ trợ hoạt động in ấn, ví dụ như đóng sách thành quyển và hoàn thiện sách, tờ rơi, tạp chí, danh mục... bằng cách gấp, xếp, khâu, dán hồ, kiểm tra thứ tự (trang sách) và sắp xếp, khâu lược, dán bìa, tía, cắt xén, lắp ráp, đóng gáy lò xo, đóng gáy nhựa;
- Đóng và hoàn thiện giấy in hoặc bìa cứng in bằng cách gấp, đập, khoan, đục, đập nổi, dán hồ, gắn keo để kết dính, cán màng...
- Dịch vụ hoàn thiện đĩa CD-ROM;
- Các dịch vụ hoàn thiện việc gửi thư, như: tùy chỉnh và chuẩn bị phong bì,...;
- Các hoạt động hoàn thiện in ấn khác như đập chìm hoặc đập nổi, sao chép chữ nổi...

Loại trừ: Thiết kế đồ họa nội dung trực quan để truyền đạt thông tin bằng cách in và các phương tiện khác được phân vào nhóm 74100 (Hoạt động thiết kế chuyên dụng).

182 - 1820 - 18200: Sao chép bản ghi các loại

Nhóm này gồm:

- Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc;
- Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc;
- Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.

Loại trừ:

- Sao chép các ấn phẩm in được phân vào nhóm 18110 (In ấn);
- Xuất bản phần mềm được phân vào nhóm 582 (Xuất bản phần mềm);
- Sản xuất, hoạt động hậu kỳ và phân phối phim điện ảnh, đĩa video và phim trên đĩa DVD hoặc các phương tiện tương tự được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình), 5912 (Hoạt động hậu kỳ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình), 5913 (Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình);
- Sản xuất các bản gốc ghi âm hoặc các nguyên liệu âm thanh khác được phân vào nhóm 59130 (Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình);
- Sao chép phim điện ảnh để phân phối cho các rạp được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc).

19: SẢN XUẤT THAN CỎ, SẢN PHẨM DẦU MỎ TÍNH CHẾ

Ngành này gồm: Việc chuyển dầu thô và than đá thành các sản phẩm có thể sử dụng được. Quá trình sản xuất chủ yếu là tinh luyện dầu, bao gồm tách dầu thô thành các sản phẩm thành phần thông qua các kỹ thuật như cracking và chưng cất.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm có tính chất tương tự (ví dụ than đá, butan, propan, dầu, xăng...) cũng như các dịch vụ sản xuất (ví dụ tinh luyện truyền thống). Sản xuất khí như etan, propan, butan là các sản phẩm dầu tinh luyện.

Loại trừ:

Sản xuất các khí này ở các đơn vị khác, sản xuất hóa chất cơ bản được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản); sản xuất khí công nghiệp, 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản); chiết xuất từ khí tự nhiên (metan, etan, butan hoặc propan), 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên) và sản xuất khí nhiên liệu, không phải loại khí dầu mỏ, để cung cấp nhiên liệu khí qua mạng lưới cung cấp cố định (ví dụ khí than, khí nước, khí sản xuất), 35201 (Sản xuất khí đốt). Các đơn vị sản xuất hóa

dầu từ dầu tinh luyện và sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng được phân vào ngành 20 (Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất).

191 - 1910 - 19100: Sản xuất than cốc

Nhóm này gồm:

- Điều hành các lò than cốc;
- Sản xuất than cốc và than nửa cốc;
- Sản xuất hắc ín và than cốc hắc ín;
- Sản xuất khí than cốc;
- Sản xuất than thô và nhựa than;
- Chung cất than cốc.

Loại trừ: Sản xuất than bánh được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch).

192 - 1920 - 19200: Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch

Nhóm này gồm:

Sản xuất nhiên liệu lỏng hoặc nhiên liệu khí hoặc các sản phẩm khác từ dầu thô, khoáng bitum hoặc các sản phẩm phân đoạn của chúng. Tinh luyện dầu gồm một hoặc nhiều các hoạt động sau: phân đoạn, chưng cất thẳng từ dầu thô, cracking.

Cụ thể:

- Sản xuất nhiên liệu ô tô, máy bay...: xăng, dầu lửa...;
- Sản xuất nhiên liệu: Dầu nhiên liệu nặng, nhẹ, trung bình, khí tinh chế như etan, propan, butan...;
- Sản xuất dầu mỡ bôi trơn từ dầu, kể cả từ dầu thải;
- Sản xuất các sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường;
- Sản xuất các sản phẩm khác: cồn trắng, vaseline, sáp paraffin, nhớt...;
- Sản xuất các sản phẩm từ chất thải dầu mỏ, ví dụ như nhớt thải;
- Sản xuất than bánh từ than bùn;
- Sản xuất than bánh từ than non, than cốc;
- Sản xuất than bánh từ dầu mỏ;

- Trộn nhiên liệu sinh học, tức là trộn cồn với dầu hỏa.

Loại trừ:

- Sản xuất nhiên liệu rắn từ sinh khối được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện);
- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Khai thác và sản xuất khí đốt tự nhiên được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên).

20: SẢN XUẤT HÓA CHẤT VÀ SẢN PHẨM HÓA CHẤT

Ngành này gồm:

Việc chuyển các nguyên liệu thô hữu cơ và vô cơ bằng quá trình hóa học để hình thành sản phẩm. Ở đây có phân biệt hoạt động sản xuất các hóa chất cơ bản tạo thành nhóm ngành đầu tiên từ sản xuất các sản phẩm trung gian và cuối cùng được sản xuất bằng quy trình chế biến sâu hơn tạo thành các nhóm ngành còn lại.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng.

201: Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản, phân bón và các hợp chất ni tơ cũng như nhựa, cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

2011: Sản xuất hóa chất cơ bản

Nhóm này gồm: Sản xuất hóa chất sử dụng các quy trình cơ bản, như: phản ứng chung cất và nhiệt cracking. Sản lượng của các quy trình này thường được tạo ra bởi các nguyên tố hóa học khác nhau hoặc bởi các hợp chất hóa học được xác định rõ tính chất hóa học riêng biệt.

20111: Sản xuất khí công nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí y học và công nghiệp vô cơ dạng lỏng hoặc nén:
 - + Khí cơ bản,
 - + Không khí nén hoặc lỏng,
 - + Khí làm lạnh,
 - + Khí công nghiệp hỗn hợp,
 - + Khí trơ như các bon đi ôxít,
 - + Khí phân lập.

20112: Sản xuất chất nhuộm và chất màu

Nhóm này bao gồm: Sản xuất thuốc nhuộm, chất nhuộm từ bất kì nguồn nào dưới dạng cơ bản hoặc cô đặc.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm cùng loại sử dụng như chất làm sáng huỳnh quang.

20113: Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Sản xuất các nguyên tố hóa học;
- Sản xuất axit vô cơ trừ axit nitric;
- Sản xuất chất kiềm, dung dịch kiềm và các chất bazơ vô cơ khác trừ amoniac;
- Sản xuất nước chung cất;
- Sản xuất các hợp chất vô cơ khác.

Nhóm này cũng gồm:

- Lâm giàu quặng Uranium và Thorium;
- Sản xuất liti hydroxit;

20114: Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Axylic hidrocarbon, bão hoà hoặc chưa bão hoà;
- Xylic hidrocarbon, bão hoà hoặc chưa bão hoà;
- Rượu axylic và xylic;
- Rượu etylic, trừ nhiên liệu sinh học ethanol;
- Axit cacbonxylic đơn hoặc đa phân tử, bao gồm axit axetic;
- Các hợp chất chứa oxy khác bao gồm andehyt, xeton, quặng quino và hợp chất ôxi đa chức hoặc lưỡng chức;
- Glyxerin tổng hợp;
- Hợp chất hữu cơ chứa ni tơ, bao gồm amin;
- Sự lên men đường, ngũ cốc hoặc những thứ tương tự để sản xuất ra rượu cồn và este;
- Các hợp chất hữu cơ khác.

20119: Sản xuất hóa chất cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Nung quặng pirit sắt;
- Lưu huỳnh các loại, trừ lưu huỳnh trắng hoa, lưu huỳnh kết tủa và lưu huỳnh dạng keo;
- Sản xuất khí metan không dùng để cung cấp nhiên liệu khí thông qua mạng lưới cung cấp cố định;
- Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng);
- Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao và các sản phẩm tương tự.
- Chưng cất nhựa than đá.

Loại trừ:

- Chiết xuất etan, metan, butan, propan được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);
- Khai thác khí tự nhiên, chủ yếu là khí metan được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);
- Sản xuất khí metan để cung cấp nhiên liệu khí thông qua mạng lưới cung cấp cố định được phân vào nhóm 3520 (Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống);
- Hóa lỏng và tái hóa khí tự nhiên nhằm mục đích vận chuyển, được thực hiện tại khu vực mỏ được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);
- Sản xuất ga nhiên liệu như etan, butan hoặc propan trong nhà máy lọc dầu mỏ được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);
- Sản xuất phân đạm và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);
- Sản xuất amoni được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);
- Sản xuất amoni clorua được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);
- Sản xuất ni tơ và kali nitorát được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni cacbonat được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);
- Sản xuất nhựa nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);
- Sản xuất thuốc nhuộm được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít);
- Sản xuất glyxerin thô được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);
- Sản xuất tinh dầu tự nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất nước chung cất được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng, ví dụ như nhiên liệu sinh học ethanol được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất ethanol từ sinh khối được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất salixilic và ô-axit axetyl salicilic được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu).

2012 - 20120: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất phân bón như:
 - + Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali,
 - + Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên.
- Sản xuất sản phẩm có chứa ni tơ như: Axit nitric và sunphua nitric, amoni, amoni clorua, amoni cacbonat, kali nitrat.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đất có than bùn làm thành phần chính;
- Sản xuất đất là hỗn hợp của đất tự nhiên, cát, cao lanh và khoáng;
- Sản xuất than tổ ong;

- Sản xuất than trấu, than thiêu kết;
- Sản xuất chất kích thích sinh trưởng;
- Sản xuất hóa chất kích thích tăng trưởng;
- Sản xuất chất cải tạo đất;
- Sản xuất phân bón khác bằng cách pha trộn hoặc xử lý hóa học các sản phẩm động vật hoặc thực vật.

Loại trừ:

- Khai thác phân chim được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón);
- Sản xuất sản phẩm hóa học nông nghiệp, như thuốc trừ sâu được phân vào nhóm 20210 (Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp);
- Sản xuất vật liệu bón vôi được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu).

2013: Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Sản xuất nhựa thông, nguyên liệu nhựa và chất đàn hồi nhựa dẻo không lưu hóa nhiệt, chất hỗn hợp và nhựa thông pha trộn theo phương pháp thông thường cũng như sản xuất nhựa thông tổng hợp không theo định dạng.

Loại trừ:

- Sản xuất tơ và sợi nhân tạo và tổng hợp được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);
- Xử lý việc rửa sạch, cắt nhỏ, nghiền, nung chảy rác thải nhựa được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);
- Ép viên nhựa để sản xuất nguyên vật liệu thứ cấp được sử dụng làm ống, chậu hoa, kệ kê hàng và các sản phẩm tương tự được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);
- Phân loại, làm sạch, băm, nghiền, ép viên rác thải cao su được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

20131: Sản xuất plastic nguyên sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất plastic dạng nguyên sinh:
 - + Polyme, bao gồm polyme tổng hợp từ etylen, propylen, xtiren, vinyl clorua, vinyl axetat và axit acrylic,

- + Polyamit,
- + Nhựa thông epoxit, phenolic và pôliurêtan,
- + Alkil, nhựa thông pôliexte và pôliexte,
- + Silicon,
- + Chất trao đổi ion trên polyme.
- Sản xuất bột, hạt hoặc mảnh nhựa bằng cách trộn hoặc tái chế nhựa tổng hợp từ rác thải nhựa được thu hồi;
- Sản xuất nhựa tái chế bằng cách tách hoặc ép thành viên rác thải nhựa được xử lý sơ bộ theo cơ sở thu hồi vật liệu;
- Nấu chảy lại nhựa để tái chế thành dạng hạt hoặc hợp chất.

20132: Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh:
- + Cao su tổng hợp,
- + Cao su nhân tạo.
- Sản xuất hỗn hợp cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên hoặc keo dính giống cao su (ví dụ nhựa lấy ở cây dùng làm chất cách điện).

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất xenlulo và các dẫn xuất hóa học của chúng.

202: Sản xuất sản phẩm hóa chất khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm hóa chất như: Sơn, mực, xà phòng, chất tẩy rửa, nước hoa và chế phẩm vệ sinh, các sản phẩm hóa học dùng cho ngành ảnh (bao gồm giấy ảnh và phim), các chế phẩm chẩn đoán tổng hợp.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng;
- Sản xuất chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử.

2021 - 20210: Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ,...;
- Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây;

- Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác);
- Sản xuất các sản phẩm hóa nông khác chưa phân vào đâu.

Loại trừ: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ).

2022: Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít

20221: Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít

Nhóm này gồm:

- Sản xuất sơn và vec ni, men, sơn mài;
- Sản xuất chất nhuộm và chất nhuộm chế sẵn, thuốc màu;
- Sản xuất men trắng trên sản phẩm thủy tinh và men sành, men đánh bóng và các chất tương tự;
- Sản xuất sơn ma tít;
- Sản xuất hợp chất dùng để bít, trét, hàn và các chất tương tự dùng để hàn các vật không chịu nhiệt hoặc các chất pha chế trang trí mặt ngoài;
- Sản xuất hợp chất dung môi hữu cơ dùng để pha chế sơn, vec ni;
- Sản xuất dung môi tẩy rửa sơn, vec ni.

20222: Sản xuất mực in

Nhóm này gồm: Sản xuất mực in.

Loại trừ:

- Sản xuất chất màu, thuốc nhuộm được phân vào nhóm 20112 (Sản xuất chất nhuộm và chất màu);
- Sản xuất mực viết và mực vẽ được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu).

2023: Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

20231: Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa

Nhóm này gồm:

- Nước hoa và nước vệ sinh;
- Chất mỹ phẩm và hóa trang;
- Chất chống nắng và chống rám nắng;

- Thuốc chăm sóc móng tay, móng chân;
- Dầu gội đầu, keo xịt tóc, thuốc làm sóng tóc và ép tóc;
- Kem đánh răng và chất vệ sinh răng miệng, bao gồm chế phẩm cố định răng giả;
- Thuốc cạo râu, bao gồm thuốc dùng trước và sau khi cạo râu;
- Chất khử mùi và muối tắm;
- Thuốc làm rụng lông.

20232: Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xà phòng dạng bánh;
- Sản xuất giấy, đồ bông, ni để chèn lót... được tráng hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy rửa;
- Sản xuất glixerin thô;
- Sản xuất chất hoạt động bề mặt như:
 - + Bột giặt dạng lỏng hoặc cứng và chất tẩy rửa,
 - + Nước rửa bát,
 - + Nước xả quần áo và chất làm mềm vải.
- Sản xuất sản phẩm tẩy rửa và đánh bóng:
 - + Chế phẩm để tạo mùi thơm hoặc khử mùi phòng,
 - + Chất tẩy nhân tạo, tẩy lông,
 - + Chất đánh bóng và xi cho sản phẩm da,
 - + Chất đánh bóng dùng cho gỗ,
 - + Chất đánh bóng cho thủy tinh, kim loại;
 - + Bột nhào hoặc bột khô để lau chùi các sản phẩm bao gồm: Giấy, đồ chèn lót, đồ ni, dạ, phớt, bông.

Loại trừ:

- Sản xuất hợp chất hóa học phân tách được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác);
- Sản xuất glyxerin, các sản phẩm tổng hợp từ dầu mỏ được phân vào nhóm 20114 (Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác);

- Chiết xuất và tinh luyện từ dầu thiên nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu).

2029 - 20290: Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại bột thuốc nổ;
- Sản xuất các sản phẩm pháo hoa, chất nổ, bao gồm ngòi nổ, pháo sáng...
- Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin;
- Sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su;
- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất chất giống nhựa;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;
- Sản xuất chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử;
- Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác;
- Sản xuất hóa chất dùng để làm ảnh;
- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác như:
 - + Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất protein khác và dẫn xuất của chúng,
 - + Tinh dầu,
 - + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hóa học,
 - + Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da,
 - + Bột và bột nhão sử dụng trong hàn,
 - + Sản xuất chất để tẩy kim loại,
 - + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng,
 - + Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp,
 - + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng,
 - + Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác;

- Sản xuất nhiên liệu sinh học lỏng;
- Sản xuất mực viết và mực vẽ;
- Sản xuất diêm;
- Sản xuất hương các loại, ví dụ: hương vòng, hương que...
- Sản xuất meo nấm.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất với khối lượng lớn được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản);
- Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác);
- Sản xuất các sản phẩm hương liệu tổng hợp được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản);
- Sản xuất mực in được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít);
- Sản xuất nước hoa và nước vệ sinh được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);
- Sản xuất chất kết dính từ nhựa đường được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

203 - 2030 - 20300: Sản xuất sợi nhân tạo

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tơ, lanh nhân tạo hoặc tổng hợp;
- Sản xuất sợi nhân tạo hoặc tổng hợp chưa được chải hoặc chế biến khác cho quá trình quay sợi;
- Sản xuất chỉ, tơ nhân tạo hoặc tổng hợp, bao gồm chỉ có độ dai cao;
- Sản xuất đa sợi tổng hợp hoặc nhân tạo;
- Sản xuất sợi tái chế.

Loại trừ:

- Quay sợi tổng hợp hoặc nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi);
- Sản xuất chỉ từ sợi nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi);
- Sản xuất sợi các-bon được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu) .

21: SẢN XUẤT THUỐC, HÓA DƯỢC VÀ DƯỢC LIỆU

210 - 2100: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm dược liệu cơ bản và các chế phẩm dược, sản xuất sản phẩm thuốc và hóa dược.

Loại trừ:

- Sản xuất chế men vi sinh (probiotic) được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất cỏ làm thuốc (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);
- Bán buôn dược phẩm được phân vào nhóm 4649 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình);
- Bán lẻ dược phẩm được phân vào nhóm 4772 (Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh);
- Đóng gói các sản phẩm dược được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói);
- Sản xuất chất hàn răng, sản xuất xi măng hàn răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);
- Nghiên cứu và phát triển ngành dược và công nghệ sinh học được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật).

21001: Sản xuất thuốc các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuốc như:
 - + Huyết thanh và các thành phần của máu,
 - + Vắc xin,
 - + Các loại thuốc khác, bao gồm thuốc vi lượng đồng căn.
- Sản xuất thuốc tránh thai uống và đặt;
- Sản xuất thuốc chẩn đoán, bao gồm thử thai;
- Sản xuất thuốc chẩn đoán hoạt phóng xạ;
- Sản xuất dược phẩm công nghệ sinh học.

21002: Sản xuất hóa dược và dược liệu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất chất hoạt động thuốc được sử dụng cho dược liệu trong sản xuất dược phẩm: Thuốc kháng sinh, vitamin cơ bản, salixilic và axit O-axetinsalixilic...

- Sản xuất hóa dược.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đường hóa học tinh luyện;

- Chế biến tuyến và sản xuất chiết xuất tuyến;

- Sản xuất băng gạc y tế, bông tẩm thuốc, chỉ sinh học, đồ băng bó...;

- Sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng làm thuốc (nghiên, tán...).

22: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ CAO SU VÀ PLASTIC

Ngành này gồm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và nhựa. Ngành này có đặc trưng là dùng nguyên liệu thô trong sản xuất. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tất cả các sản phẩm làm từ các nguyên liệu này được xếp vào hoạt động này.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu composite, trong đó chất dẻo là nguyên liệu chủ yếu.

221: Sản xuất sản phẩm từ cao su

2211 - 22110: Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su

Nhóm này gồm: Sản xuất lốp cao su cho xe thô sơ, thiết bị, máy di động, máy bay, đồ chơi, đồ đạc và các mục đích sử dụng khác như:

+ Lốp bơm hơi,

+ Lốp đặc hoặc có lót đệm.

- Sản xuất sẫm;

- Sản xuất ta lông lốp xe có thể thay được vành lốp xe, sản xuất các tấm cao su dùng để đắp lại lốp cũ;

- Đắp lại lốp cũ, thay các tấm cao su trên các lốp xe hơi.

Loại trừ:

- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa sẫm được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sửa chữa sẫm và lốp, và hoặc thay được phân vào nhóm 95310 (Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác).

2219 - 22190: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hóa hoặc đã lưu hóa hoặc đã làm cứng như:

- + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su,
- + Ống, vòi cao su,
- + Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su,
- + Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: Dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng,
- + Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu),
- + Tấm phủ sàn bằng cao su,
- + Cáp và sợi cao su,
- + Sợi cao su hòa,
- + Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su,
- + Trục cán bằng cao su,
- + Đệm hơi cao su,
- + Sản xuất bóng bay.
- Sản xuất chổi cao su;
- Sản xuất ống cao su cứng;
- Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự;
- Sản xuất khe co giãn cao su (hay còn gọi là khớp nối giãn nở) dùng trong ngành xây dựng;

- Sản xuất cao su xốp.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su;
- Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính;
- Đệm nước cao su;
- Túi tắm bằng cao su;
- Quần áo lặn bằng cao su;
- Các vật dùng trong sinh hoạt tình dục bằng cao su,
- Sản xuất thảm từ cao su;
- Sản xuất trang phục từ mù cao su.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm sợi dệt cho lốp xe được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất quần áo bằng sản phẩm dệt co giãn được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));
- Sản xuất giày, dép cao su được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);
- Sản xuất keo dán từ cao su được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất tấm trải lưng cho lặc đá được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);
- Sản xuất thuyền và máy bơm hơi được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi) và nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí);
- Sản xuất đồ dùng trong thể thao bằng cao su, trừ quần áo được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);
- Sản xuất các chương trình trò chơi và đồ chơi bằng cao su (bao gồm thuyền cao su bơm hơi cho trẻ em, con thú bơm hơi bằng cao su, bóng và các đồ tương tự) được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Tái chế cao su được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

222 - 2220: Sản xuất sản phẩm từ plastic*22201: Sản xuất bao bì từ plastic*

Nhóm này gồm:

Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa.

22209: Sản xuất sản phẩm khác từ plastic

Nhóm này gồm:

Chế biến chất dẻo mới hoặc nhựa đã dùng thành các sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm cuối cùng sử dụng các hoạt động như khuôn nén; đẩy nén, thổi nén, phun nén và cắt. Đối với tất cả các quá trình trên, quá trình sản xuất là quá trình tạo ra nhiều loại sản phẩm.

Cụ thể:

- Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không);
- Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như: Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa;
- Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm,

ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt.

- Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa;
- Sản xuất tấm hoặc bán bóng kính;
- Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum;
- Sản xuất đá nhân tạo;
- Sản xuất băng keo;
- Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hóa như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, hộp đựng xi gà và thuốc lá bằng nhựa, lược, lô cuốn tóc và các đồ khác.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động chung để xử lý và hoàn thiện các sản phẩm từ plastic thường được thực hiện trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

Loại trừ:

- Sản xuất túi nhựa được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);
- Sản xuất giày, dép nhựa được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);
- Sản xuất nhựa dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);
- Sản xuất đồ dùng bằng cao su tổng hợp hoặc thiên nhiên được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);
- Sản xuất nội thất nhựa được phân vào nhóm 31090 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);
- Sản xuất đệm nhựa dạng tổ ong không phủ được phân vào nhóm 31090 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);
- Sản xuất đồ dụng cụ thể thao nhựa được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);
- Sản xuất đồ chơi, chương trình trò chơi nhựa được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất thiết bị nha khoa và y khoa bằng nhựa được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);
- Sản xuất các thiết bị quang học bằng nhựa được phân vào nhóm 32501

(Sản xuất thiết bị và dụng cụ y tế, nha khoa);

- Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ an toàn cá nhân khác bằng nhựa được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

23: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KHOÁNG PHI KIM LOẠI KHÁC

Ngành này gồm: Các hoạt động sản xuất khác nhau liên quan đến đơn chất của khoáng. Hoạt động sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh (ví dụ tấm thủy tinh, thủy tinh rỗng, sợi thủy tinh...) và sản phẩm gốm, sản phẩm đất sét nung, xi măng, bê tông và thạch cao từ các nguyên liệu thô thành sản phẩm hoàn thiện. Tạo đá, hoàn thiện đá và các sản phẩm khoáng khác cũng được phân vào ngành này.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu composite, trong đó thủy tinh và khoáng phi kim loại như cát, sỏi, đá hoặc đất sét là vật liệu chủ yếu.

231 - 2310: Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh

Nhóm này gồm:

Hoạt động sản xuất thủy tinh ở mọi loại hình, mọi phương thức và tất cả các sản phẩm như:

23101: Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất kính phẳng, bao gồm kính phẳng có dây, kính phẳng màu;
- Tạo hình và gia công kính phẳng;
- Sản xuất kính phẳng cường lực hoặc kính phẳng nhiều lớp;
- Sản xuất gạch lát sàn thủy tinh;
- Sản xuất gương thủy tinh;
- Sản xuất các tấm kính cách nhiệt nhiều lớp.

23102: Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất chai và các vật dụng khác bằng thủy tinh;
- Sản xuất ly uống và các đồ thủy tinh khác hoặc các đồ pha lê;
- Sản xuất thủy tinh dạng ống và dạng que.

23103: Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh

Sản xuất sợi thủy tinh, bao gồm bông thủy tinh và các sản phẩm không dệt từ sợi thủy tinh.

23109: Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh

- Sản xuất đồ thủy tinh dùng trong phòng thí nghiệm, vệ sinh hoặc dược phẩm;
- Sản xuất đồ thủy tinh để làm đồng hồ đeo tay và để bàn, đồ thủy tinh để làm thiết bị quang học;
- Sản xuất đồ thủy tinh trong đồ trang sức;
- Sản xuất vật cách điện bằng thủy tinh và phụ kiện cách điện bằng thủy tinh;
- Sản xuất vỏ bọc thủy tinh cho bóng đèn;
- Sản xuất tượng bằng thủy tinh.

Loại trừ:

- Sản xuất vải được dệt từ sợi thủy tinh được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất các sản phẩm quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);
- Sản xuất sợi quang học và sợi cáp quang để truyền hình ảnh động được phân vào nhóm 27310 (Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học);
- Sản xuất đồ chơi thủy tinh được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);
- Sản xuất ống tiêm và các thiết bị phòng thí nghiệm y tế khác được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

239: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất các sản phẩm cuối cùng hoặc trung gian từ các khoáng phi kim được khai thác như cát, sỏi, cao lanh.

2391 - 23910: Sản xuất sản phẩm chịu lửa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vữa, bê tông, xi măng chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa như:
 - + Đồ gốm sứ cách nhiệt từ nguyên liệu hóa thạch silic,
 - + Gạch, ngói chịu lửa,
 - + Sản xuất bình, nồi, vôi, ống.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất sản phẩm chịu lửa có chứa magiê oxit, magiê oxit và canxi oxit, crômít.

2392 - 23920: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

Nhóm này gồm:

- Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm;
- Sản xuất đá phiến và đá lát thêm không chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm...;
- Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2393 - 23930: Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bộ đồ ăn bằng gốm sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;
- Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm sứ khác;
- Sản xuất các vật liệu cách điện và các đồ đặc cách điện bằng gốm sứ;
- Sản xuất nam châm gốm/ferit;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, hóa học và công nghiệp;
- Sản xuất chai, lọ, bình và các sản phẩm tương tự bằng gốm sứ được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa;
- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm sứ;
- Sản xuất thiết bị vệ sinh cố định bằng gốm sứ.
- Sản xuất các sản phẩm bằng gốm sứ chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Sản xuất hàng hóa bằng gốm chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm được phân vào nhóm 23920 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét);

- Sản xuất nam châm vĩnh cửu bằng kim loại được phân vào nhóm 25999 (Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất đồ nữ trang giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ chơi bằng gốm được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất răng giả được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2394: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xi và xi măng supe photphát;

- Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước;

- Sản xuất dolomit can xi;

- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phat can xi.

Loại trừ:

- Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất các sản phẩm từ thạch cao được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông hỗn hợp khô và vữa được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất xi măng dùng cho nghề chữa răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

23941: Sản xuất xi măng

Nhóm này gồm: Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xi và xi măng supe photphát.

23942: Sản xuất vôi

Nhóm này gồm: Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước.

23943: Sản xuất thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dolomit can xi;
- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phat can xi.

2395 - 23950: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống...
- Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo;
- Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: dạng tấm, bảng, thanh;
- Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác;
- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như: Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vôi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ;
- Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo;
- Sản xuất vữa bột;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.

Loại trừ: Sản xuất xi măng và vữa chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2396 - 23960: Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá

Nhóm này gồm:

- Cát, tạo dáng, hoàn thiện sản phẩm đá sử dụng trong xây dựng, trong nghĩa trang, đường xá và lợp mái;
- Sản xuất đồ gia dụng bằng đá;
- Làm mộ bia.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất mặt bàn bằng đá.

Loại trừ:

- Các hoạt động do các nhà điều hành mỏ đá thực hiện, ví dụ sản xuất cát đá thô được phân vào nhóm 0810 (Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét);

- Sản xuất đá nghiền, đá mài và các sản phẩm tương tự được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

2399 - 23990: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có khung, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay;

- Sản xuất bột mài, hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác;

- Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày, dép, giấy, dây bện, dây thùng...

- Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lổ;

- Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xi, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm;

- Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện);

- Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ: nhựa đường, xi than;

- Sản xuất sợi các bon và graphite và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện);

- Sản xuất corundum nhân tạo.

Nhóm này cũng gồm:

- Nung cao lanh;

- Sấy khô và nghiền đất sét thành bột đất sét.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm từ sợi thủy tinh dệt và không dệt được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh);

- Sản xuất miếng đệm các bon và graphite được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác).

24: SẢN XUẤT KIM LOẠI

Ngành này gồm:

Các hoạt động nung chảy, tinh luyện kim loại màu và kim loại đen từ quặng, các mảnh nhỏ, rác thải sử dụng quá trình xử lý điện kim và các kỹ thuật luyện kim khác. Các đơn vị trong nhóm này cũng sản xuất hợp kim kim loại và siêu hợp kim bằng cách cho thêm các chất hóa học vào kim loại nguyên chất. Đầu ra của hoạt động cán, nung chảy, tinh luyện thường ở dạng thỏi được dùng trong lăn, kéo, đẩy thành tấm, thanh, bản, dây và ở dạng nấu chảy để tạo thành khuôn và kim loại cơ bản khác.

241 - 2410 - 24100: Sản xuất sắt, thép, gang

Nhóm này gồm:

Các hoạt động như chiết xuất trực tiếp từ quặng sắt, sản xuất thép xi dạng nung chảy hoặc dạng cứng; chuyển xi thép thành thép; sản xuất hợp kim của sắt (hợp kim ferro), sản xuất thép, sản xuất tấm (ví dụ đĩa, tấm, bản, dây) và sản xuất thép dạng thỏi, ống như:

- Điều hành lò luyện kim, máy cán, kéo thép và hoàn thiện;
- Sản xuất xi thép, sản xuất gang thành xi, tấm và các dạng ban đầu khác;
- Sản xuất hợp kim sắt;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại đen bằng cách chiết giảm trực tiếp sắt và các sản phẩm bột kim loại đen khác, sản xuất thép từ tinh lọc bằng quá trình điện phân hoặc hóa học khác;
- Sản xuất sắt dạng hột và dạng bột;
- Sản xuất thép dạng thỏi hoặc các dạng nguyên sinh khác;
- Sản xuất sản phẩm thép bán hoàn thiện;
- Sản xuất các sản phẩm thép cuộn nóng, cuộn nguội và cuộn phẳng;
- Sản xuất thanh thép cuộn nóng;
- Sản xuất thép cán nóng tiết diện mở;
- Sản xuất thanh thép và các mặt cắt cứng từ thép bằng cách kéo nguội, nghiền hoặc quay;
- Sản xuất các mặt cắt mở bằng cách tạo khuôn nguội cuộn hoặc gấp nếp các sản phẩm thép cuộn phẳng;
- Sản xuất dây thép bằng cách kéo hoặc dẫn nguội;
- Sản xuất tấm thép và các mặt cắt mở thép hàn;

- Sản xuất các vật liệu đường ray tàu hỏa (đường sắt chưa lắp) bằng thép;
- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách cuộn nóng, kéo nóng hoặc cuộn nguội, kéo nguội;
- Sản xuất các ống thép hàn bằng cách đổ khuôn nóng hoặc nguội và hàn, hoặc có được bằng cách xử lý thêm bằng kéo nguội hoặc cuộn nguội hoặc bằng cách đổ khuôn nóng, hàn;
- Sản xuất các thiết bị nối ống thép như mép phẳng và mép có vòng đệm, các mối nối hàn.

Loại trừ:

- Sản xuất khuôn đổ ống thép và các đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt, thép);
- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách đúc li tâm được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt, thép);
- Sản xuất đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt, thép).

242 - 2420: Sản xuất kim loại quý và kim loại màu

24201: Sản xuất kim loại quý

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như: vàng, bạc, bạch kim... từ quặng hoặc kim loại vụn;
- Sản xuất hợp kim quý;
- Sản xuất sản phẩm sơ chế từ kim loại quý;
- Sản xuất bạc được cán vào kim loại cơ bản;
- Sản xuất vàng được cán vào kim loại cơ bản hoặc bạc;
- Sản xuất platinum và kim loại nhóm platinum được cán vào vàng, bạc và kim loại cơ bản;
- Sản xuất lá dát kim loại quý;
- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

24202: Sản xuất kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất nhôm từ alumin;

- Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn;
- Sản xuất hợp kim nhôm;
- Sơ chế nhôm;
- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ quặng;
- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ tinh chế điện phân chất thải chì, kẽm, thiếc và kim loại vụn;
- Sản xuất hợp kim chì, kẽm và thiếc;
- Sơ chế chì, kẽm và thiếc;
- Sản xuất đồng từ quặng;
- Sản xuất đồng từ tinh chế điện phân chất thải đồng và kim loại vụn;
- Sản xuất hợp kim đồng;
- Sản xuất dây cầu chì;
- Sơ chế đồng;
- Sản xuất crôm, măng gan, ni ken... từ tinh chế điện phân và nhôm của chất thải crôm, măng gan, ni ken... và kim loại vụn;
- Sản xuất hợp kim crôm, măng gan, ni ken...
- Sơ chế crôm, măng gan, ni ken...
- Sản xuất các chất từ ni ken...
- Xử lý nhiên liệu hạt nhân.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất dây của những kim loại trên bằng cách kéo;
- Sản xuất ôxit nhôm (Alumina);
- Sản xuất kim loại bọc nhôm;
- Sản xuất lá dát nhôm (thiếc) được làm từ lá nhôm (thiếc) là vật liệu chính.

Loại trừ: Đúc kim loại màu được phân vào nhóm 24320 (Đúc kim loại màu).

243: Đúc kim loại

Nhóm này gồm: Hoạt động của các xưởng đúc sử dụng các quy trình đúc khác nhau để sản xuất vật đúc bằng tất cả các hợp kim kim loại đen và kim loại màu. Ngành này bao gồm việc cắt tia hoặc loại bỏ cạnh sau khi đúc nhưng không bao gồm việc xử lý tiếp theo.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất vật đúc dùng trong các ngành công nghiệp khác nhau.

Loại trừ:

- Sản xuất các sản phẩm thu được từ các quá trình sản xuất mà không phải từ quá trình đúc, ví dụ: rèn, ép, kéo, dập các bộ phận, các vòng cán, các sản phẩm luyện kim bột,... được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)).

- Sản xuất sản phẩm khuôn đúc thành phẩm bằng cách xử lý thêm các sản phẩm đúc như:

- Nồi hơi và lò được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);

- Các chi tiết khuôn đúc gia dụng được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

2431 - 24310: Đúc sắt, thép

Nhóm này gồm:

Các hoạt động của các xưởng đúc sắt và thép như:

- Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm;
- Đúc khuôn sắt;
- Đúc khuôn sắt graphit hình cầu;
- Đúc khuôn sắt dẹt mỏng;
- Đúc khuôn thép bán thành phẩm;
- Đúc khuôn thép;
- Sản xuất ống, vòi và các đồ làm mối nối bằng sắt đúc;
- Sản xuất ống thép không mối nối và ống thép qua đúc li tâm;
- Sản xuất đồ làm mối nối ống, vòi bằng thép đúc.

2432 - 24320: Đúc kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Khuôn sản phẩm sơ chế từ nhôm, magiê, titan, kẽm...;
- Đúc khuôn kim loại nhẹ;
- Đúc khuôn kim loại nặng;

- Đúc khuôn kim loại quý;
- Đúc khuôn kim loại màu.

25: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KIM LOẠI ĐÚC SẴN (TRỪ MÁY MÓC, THIẾT BỊ)

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm kim loại nguyên chất (như một phần kim loại, thùng hòm và các công trình xây dựng) thường là với chức năng tĩnh, cố định, chứ không phải theo ngành 26 - 30, là toàn bộ hoạt động sản xuất phối kết hợp hoặc quá trình lắp ráp các sản phẩm kim loại đó (thỉnh thoảng với một số kim loại khác) thành các đơn vị phức tạp trừ khi chúng là các công trình xây dựng với việc di dời từng phần hoàn toàn bằng điện hoặc quang học. Hoạt động sản xuất vũ khí và đạn dược cũng được phân vào ngành này.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu composite, trong đó kim loại là vật liệu chủ yếu.

Loại trừ:

- Hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, sản phẩm kim loại đúc sẵn được phân vào nhóm 331 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn);

- Lắp đặt máy móc, thiết bị chuyên dụng được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

251: Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi

Nhóm này gồm: Sản xuất các cấu kiện kim loại (như khung kim loại hoặc các bộ phận của cấu trúc xây dựng), cũng như các đồ vật loại hòm, thùng bằng kim loại (như thùng, bể chứa,...) và lò hơi nước.

2511 - 25110: Sản xuất các cấu kiện kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);

- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);

- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...;

- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng;

- Vách ngăn phòng bằng kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận của tàu thủy hoặc tàu chạy bằng sức nước được phân vào nhóm 25130 (Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm));

- Sản xuất các bộ phận của đường ray tàu hỏa được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất các bộ phận của tàu thủy được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi).

2512 - 25120: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại, có lót hoặc không lót hoặc cách nhiệt;
- Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt.

Loại trừ:

- Sản xuất tôn, thùng hình trống, can, bình, bi đông, hộp... ở dạng thường được sử dụng để mang hoặc đóng gói hàng hóa, có dung tích không quá 300 lít được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất thùng chứa cho vận tải được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);
- Sản xuất xe tăng (xe bọc thép) được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

2513 - 25130: Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bộ tản nhiệt cho hệ thống sưởi trung tâm, không sử dụng điện;
- Sản xuất lò hơi nước;
- Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như: Bộ tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị quá nhiệt, bình góp hơi...;
- Sản xuất thiết bị ngưng tụ;
- Sản xuất lò phản ứng nguyên tử, trừ tách chất đồng vị;
- Sản xuất nồi hơi hàng hải, nồi hơi điện.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ tua bin hơi nước được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất lò nung điện và máy đun nước nóng được phân vào nhóm 2750 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất thiết bị sưởi ấm gia đình được phân vào nhóm 28150 (Sản xuất lò

nướng, lò luyện và lò nung);

- Sản xuất tách chất đồng vị được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

252 - 2520 - 25200: Sản xuất vũ khí và đạn dược

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vũ khí hạng nặng (trọng pháo, súng cơ động, tên lửa bazuka, ngư lôi, súng máy hạng nặng,...);

- Sản xuất vũ khí nhỏ (súng lục ổ quay, súng ngắn, súng máy hạng nhẹ,...);

- Sản xuất súng hơi;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất súng và đạn dùng trong săn bắn, thể thao và bảo vệ;

- Sản xuất dụng cụ gây nổ như bom, mìn và ngư lôi và các loại vũ khí chiến tranh tương tự.

Loại trừ:

- Sản xuất đầu đạn, ngòi nổ, kip nổ hay pháo sáng được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thiết bị ngắm súng quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất thanh đoản kiếm, gươm, kiếm, đao và lưỡi lê được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất đao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất xe bọc sắt để vận chuyển giấy bạc và những đồ quý giá được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất máy bay quân sự và tàu vũ trụ được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Sản xuất xe tăng, xe bọc thép và các loại xe cơ giới chiến đấu khác được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

- Đóng tàu thuyền quân sự được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi).

259: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động chung cho xử lý kim loại như rèn, ép, mạ, phủ, đánh bóng, hàn... được thực hiện chủ yếu qua phí hoặc hợp đồng. Nhóm này cũng gồm sản xuất các sản phẩm kim loại khác nhau như đao kéo, các dụng cụ kim loại cầm tay và các phần cứng nói chung; thùng đựng, chai; các đồ gia dụng

kim loại, các mối nối kim loại, mỏ neo tàu, thiết bị làm mối nối đường ray... cho nhiều mục đích sử dụng gia dụng và công nghiệp.

2591 - 25910: Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại

Nhóm này gồm:

- Rèn, dập, ép, cán kim loại;
- Luyện bột kim loại: Sản xuất các sản phẩm kim loại trực tiếp từ bột kim loại bằng phương pháp nhiệt hoặc bằng áp lực.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động tiếp sau để tu sửa thành phẩm như việc cắt sửa, làm sạch kim loại mà không có bất cứ xử lý nào khác.

Loại trừ: Sản xuất bột kim loại được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 2420 (Sản xuất kim loại màu và kim loại quý).

2592 - 25920: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Nhóm này gồm:

- Mạ, đánh bóng kim loại...
- Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt;
- Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- Nhuộm màu, chạm, in kim loại;
- Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài...;
- Mài, đánh bóng kim loại;
- Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối... các phần của khung kim loại;
- Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.

Loại trừ:

- Cán kim loại quý vào kim loại cơ bản hoặc kim loại khác được phân vào nhóm 24201 (Sản xuất kim loại quý);
- Dịch vụ đóng móng ngựa được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi).

2593 - 25930: Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, đĩa, thìa...;
- Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc;

- Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay như kim, tua vít;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay trong nông nghiệp không dùng năng lượng;
- Sản xuất cưa và lưỡi cưa, bao gồm lưỡi cưa tròn và cưa xích;
- Sản xuất dụng cụ có thể thay đổi được dùng cho các dụng cụ cầm tay, có hoặc không hoạt động bằng điện, hoặc dùng cho máy công cụ như: khoan, dùi, bản ren, cắt khóa;
- Sản xuất dụng cụ ép;
- Sản xuất dụng cụ rèn: rèn, đe...;
- Sản xuất hộp đúc (trừ đúc thổi);
- Sản xuất mô cạp, kẹp;
- Sản xuất khóa móc, khóa, chìa khóa, bản lề... phần cứng cho xây dựng, đồ đạc, xe đạp...;
- Sản xuất đoàn kiếm, kiếm, lưỡi lê...

Loại trừ:

- Sản xuất đồ để nấu ăn (nồi, ấm...), đồ ăn (bát, đĩa,...) hoặc đồ dẹt (đĩa nông lòng...) được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất dụng cụ cầm tay bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);
- Sản xuất thỏi đúc được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim);
- Sản xuất dụng cụ dao kéo bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

2599: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

25991: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gấp lại được;
- Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: đồ dẹt: đĩa nông lòng..., đồ nấu như: nồi, ấm..., đồ ăn như: bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại;
- Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự.

25999: Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc;
- Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...
- Sản xuất túi đựng nữ trang;
- Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp;
- Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được;
- Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít;
- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;
- Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;
- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;
- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải...
- Sản xuất đinh hoặc ghim;
- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;
- Sản xuất các sản phẩm đinh vít;
- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;
- Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;
- Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng;
- Sản xuất các chi tiết kim loại khác như:
 - + Sản xuất chân vịt tàu và cánh,
 - + Mô neo,
 - + Chuông,
 - + Đường ray tàu hỏa,
 - + Dụng cụ gài, uốn.
- Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại;
- Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;

- Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;
- Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.

Loại trừ:

- Sản xuất thùng và bể chứa được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);
- Sản xuất gươm, đao được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất lò xo đồng hồ đeo tay và treo tường được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);
- Sản xuất dây và cáp cho truyền điện được phân vào nhóm 27320 (Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác);
- Sản xuất xích truyền năng lượng được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động);
- Sản xuất xe chở đồ trong siêu thị được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất đồ đạc kim loại được phân vào nhóm 31090 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);
- Sản xuất dụng cụ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);
- Sản xuất đồ chơi và trò chơi được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

26: SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, MÁY TÍNH VÀ SẢN PHẨM QUANG HỌC

Ngành này gồm:

Sản xuất máy tính, linh kiện máy tính, thiết bị truyền thông và các sản phẩm điện tử cùng loại cũng như sản xuất các linh kiện cho các sản phẩm này.

Quá trình sản xuất của ngành này mang đặc tính riêng bởi kiểu dáng và việc sử dụng bo mạch và ứng dụng kỹ thuật với độ chuyên môn hóa cao.

Ngành này cũng gồm:

Sản xuất điện tử tiêu dùng, đo lường, kiểm nghiệm, thiết bị điều khiển, bức xạ, thiết bị điện y học và điện liệu pháp, thiết bị và dụng cụ quang học, sản xuất phương tiện truyền thông từ tính và quang học.

Loại trừ: Sản xuất thiết bị dây dẫn điện và cáp quang được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện).

261: Sản xuất linh kiện điện tử

Nghành này gồm: Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời, bộ biến tần quang điện và các linh kiện điện tử khác.

2611 - 26110: Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện

Nhóm này gồm: Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời, bộ biến tần quang điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất tế bào quang điện, mô - đun quang điện, tấm quang điện.

Loại trừ:

- Sản xuất đèn năng lượng mặt trời được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất hệ thống sưởi năng lượng mặt trời được phân vào nhóm 28150 (Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung);

- Lắp đặt hệ thống sưởi năng lượng mặt trời được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

2619 - 26190: Sản xuất linh kiện điện tử khác

Nhóm này gồm: Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác.

Cụ thể:

- Sản xuất tụ điện, điện tử;
- Sản xuất điện trở, điện tử;
- Sản xuất bộ mạch vi xử lý;
- Sản xuất bo mạch điện tử;
- Sản xuất ống điện tử;
- Sản xuất liên kết điện tử;
- Sản xuất mạch điện tích hợp;
- Sản xuất ống hai cực, bóng bán dẫn, bộ chia liên quan;
- Sản xuất phần cảm điện (cuộn cảm kháng, cuộn dây, bộ chuyển), loại linh kiện điện tử;
- Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể;
- Sản xuất solenoid, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử;

- Sản xuất chất bán dẫn, sản xuất chất tinh chế và bán tinh chế;
- Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới);
- Sản xuất cấu kiện hiển thị (plasma, polime, LCD);
- Sản xuất đi-ốt phát quang;
- Sản xuất cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB...

Loại trừ:

- Sản xuất thẻ thông minh, được phân vào nhóm 18110 (In ấn);
- Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện được phân vào nhóm 26110 (Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện);
- Sản xuất mô dem (thiết bị truyền tải) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất màn hình tinh và vô tuyến được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính), 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất ống tia X và phân chia bức xạ cùng loại được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);
- Sản xuất bộ chia tách cùng loại cho các ứng dụng điện tử được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện);
- Sản xuất đèn bóng được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất mô tơ, máy phát);
- Sản xuất rơ le điện được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất mô tơ, máy phát);
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);
- Sản xuất thiết bị hoàn chỉnh được phân chia dựa trên cơ sở phân loại thiết bị điện tử.

262 - 2620 - 26200: Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính

Nhóm này gồm:

Sản xuất hoặc lắp ráp các máy tính điện tử như màn hình, máy tính để bàn, máy chủ, máy xách tay; các thiết bị ngoại vi máy tính như thiết bị lưu trữ và thiết bị ra/vào (máy in, màn hình, bàn phím). Có thể là máy tính tỷ biến, máy tính kỹ thuật số hoặc lai. Máy tính kỹ thuật số, loại điển hình nhất là các thiết bị có thể

thực hiện các công việc sau: (1) lưu các chương trình xử lý hoặc các chương trình và số liệu cần ngay cho việc thực hiện một chương trình; (2) có thể được đặt chương trình phù hợp với các yêu cầu của người sử dụng; (3) thực hiện các tính toán do người sử dụng yêu cầu; và (4) thực hiện mà không cần có sự can thiệp của con người một chương trình xử lý yêu cầu máy tính thay đổi các thao tác của nó theo các quyết định logic trong khi chạy. Máy tính tỷ biến có thể có các mô hình toán và bao gồm ít nhất kiểm soát tỷ biến và các yếu tố chương trình.

Cụ thể:

- Sản xuất máy tính để bàn;
- Sản xuất máy tính xách tay;
- Sản xuất máy chủ;
- Sản xuất máy tính cầm tay (PDA);
- Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác;
- Sản xuất ổ đĩa quang học (ví dụ CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW);
- Sản xuất máy in;
- Sản xuất màn hình;
- Sản xuất bàn phím;
- Sản xuất các loại chuột, que điều khiển và các thiết bị kiểm tra;
- Sản xuất các giao diện máy tính;
- Sản xuất máy quét, bao gồm máy quét mã thanh;
- Sản xuất máy đọc thẻ thông minh;
- Sản xuất mũ ảo;
- Sản xuất máy chiếu.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất các công máy tính như máy rút tiền tự động (ATM), máy bán hàng (POS), không hoạt động theo cơ khí;
- Sản xuất thiết bị văn phòng đa chức năng, thực hiện hai hoặc nhiều chức năng như: in, sao chép, quét, fax.

Loại trừ:

- Sao bản ghi âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất các linh kiện điện tử và các thiết bị điện tử sử dụng trong máy tính và các thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);
- Sản xuất các giao diện, modul và thiết bị lắp được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);
- Sản xuất bảng mạch in chứa thành phần thụ động được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);
- Sản xuất modem, các thiết bị dẫn được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất các thiết bị truyền liên lạc kỹ thuật số, thiết bị truyền số liệu (ví dụ cầu, cổng) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị điện tử tiêu dùng, như máy chạy CD và DVD được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất màn hình vô tuyến và màn hình hiển thị được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất các chương trình trò chơi điện tử được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất phương tiện quang học hoặc từ tính sử dụng trong các thiết bị máy tính hoặc thiết bị khác được phân vào nhóm 26800 (Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học).

263 - 2630 - 26300: Sản xuất thiết bị truyền thông

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua mạng có dây hoặc không dây như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây;
- Sản xuất thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm;
- Sản xuất điện thoại không dây;
- Sản xuất thiết bị đổi nhánh riêng (PBX);
- Sản xuất điện thoại và máy fax, bao gồm máy trả lời điện thoại;
- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cổng, thiết bị truyền dẫn;
- Sản xuất ăng-ten thu phát;
- Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến;
- Sản xuất máy nhắn tin;

- Sản xuất điện thoại di động;
- Sản xuất thiết bị truyền thông di động;
- Sản xuất thiết bị trong phòng thu vô tuyến và truyền thanh, bao gồm cả các máy quay phim;
- Sản xuất môdem, thiết bị truyền tải;
- Sản xuất thiết bị chuyển đổi tivi và đài;
- Sản xuất thiết bị truyền thông sử dụng tín hiệu hồng ngoại (ví dụ như điều khiển từ xa);
- Sản xuất thiết bị phòng thu phát sóng như thiết bị sao chép, ăng-ten truyền và nhận, máy quay video thương mại.

Loại trừ:

- Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);
- Sản xuất thiết bị thu thanh và thu hình gia dụng được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất thiết bị linh kiện điện tử và cụm lắp ráp được sử dụng thiết bị truyền thông, bao gồm môdem máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);
- Sản xuất bảng mạch in chứa thành phần thụ động được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);
- Sản xuất hệ thống chuông chống trộm và đèn báo động, gửi dấu hiệu đến một trạm điều khiển được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);
- Sản xuất thiết bị GPS được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển).
- Sản xuất bảng ghi tỷ số điện tử được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất đèn giao thông được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

264 - 2640 - 26400: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị âm thanh và video điện tử cho giải trí gia đình, xe có động cơ, hệ thống truyền thanh và thiết bị khuếch đại âm thanh;

- Sản xuất đầu máy video và thiết bị sao chép;
- Sản xuất tivi;
- Sản xuất màn hình vô tuyến;
- Sản xuất thiết bị thu thanh và sao chép như đầu DVD, CD;
- Sản xuất máy chiếu;
- Sản xuất thiết bị âm thanh nổi;
- Sản xuất máy thu radio;
- Sản xuất hệ thống loa phóng thanh;
- Sản xuất loại video camera kiểu hộ gia đình;
- Sản xuất máy hát tự động;
- Sản xuất máy khuếch đại cho nhạc cụ và hệ thống truyền thanh;
- Sản xuất micrô;
- Sản xuất bộ chuyển đổi quang điện đa phương tiện có đầu đọc nhận dạng ký tự quang học;
- Sản xuất máy karaoke;
- Sản xuất tai nghe (ví dụ như dùng cho radio, máy radio âm thanh nổi, máy tính);
- Sản xuất bảng điều khiển của các chương trình trò chơi video;
- Sản xuất tai nghe, tai nghe kết hợp với micro, bao gồm cả tai nghe thực tế ảo;
- Sản xuất các thiết bị trong hệ thống rạp hát tại nhà.

Loại trừ:

- Tái sản xuất thiết bị ghi âm truyền thông (máy tính truyền thông, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);
- Sản xuất thiết bị máy tính ngoại vi và màn hình máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);
- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị nhắn tin được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị điều khiển từ xa (radio và hồng ngoại) được phân vào

nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất camera và thiết bị phát thanh khác được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị thu thanh như thiết bị tái sản xuất, ăng-ten thu phát, video thương mại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị phát sóng và thiết bị phòng thu được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất ăng-ten được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất máy ảnh kỹ thuật số được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất chương trình trò chơi điện tử với các phần mềm cố định được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

265: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm: Sản xuất các hệ thống và thiết bị cảm biến, đo lường, kiểm tra, định hướng, điều khiển dùng cho các mục đích chuyên ngành hay không chuyên ngành khác nhau; bao gồm các thiết bị đo thời gian như đồng hồ để bàn, treo tường và các thiết bị liên quan.

2651 - 26510: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển

Nhóm này gồm:

Sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động như: lò, điều hoà, tủ lạnh và các thiết bị khác; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát về nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, cấp độ, độ dính, mật độ, độ axit, độ tập trung, sự luân phiên; đo tổng số (như công tơ), dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện từ; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hóa học và vật lý hay độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó.

Cụ thể:

- Sản xuất động cơ máy bay;

- Sản xuất thiết bị kiểm tra mức khí thải tự động;

- Sản xuất thiết bị khí tượng;

- Sản xuất thiết bị kiểm tra đặc tính vật lý;
- Sản xuất máy đo điện tim;
- Sản xuất dụng cụ phát hiện phóng xạ và dụng cụ chỉ huy;
- Sản xuất thiết bị cho điều tra;
- Sản xuất nhiệt kế lỏng trong kính và loại lưỡng kim (trừ y tế);
- Sản xuất máy đo độ ẩm;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát giới hạn thủy lực;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát lửa và nhiệt;
- Sản xuất quang phổ kế;
- Sản xuất máy đo khí;
- Sản xuất công tơ đo lượng tiêu dùng (như nước, gas, điện);
- Sản xuất máy đo dòng chảy và thiết bị đếm;
- Sản xuất máy đếm;
- Sản xuất máy dò quặng, máy đo độ rung, máy dò tìm kim loại;
- Sản xuất thu thanh máy bay, kiểm tra, đo lường, định hướng, thiết bị hàng không, hàng hải, bao gồm phao âm;
- Sản xuất thiết bị GPS;
- Sản xuất thiết bị kiểm soát môi trường và điều khiển tự động;
- Sản xuất thiết bị đo lường và ghi (ví dụ đo ánh sáng);
- Sản xuất máy giám sát hành động;
- Sản xuất radar;
- Sản xuất dụng cụ phân tích thí nghiệm (ví dụ thiết bị phân tích mẫu máu);
- Sản xuất thiết bị chưng cất trong phòng thí nghiệm, máy li tâm, máy siêu âm;
- Sản xuất thiết bị cân, đo, lỏng áp dụng trong phòng thí nghiệm;
- Sản xuất các thiết bị đo lường khác như máy dò phóng xạ, máy dò tim, đo khí tượng...;
- Sản xuất cảm biến và thiết bị cảm biến.

Loại trừ:

- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết

bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị kiểm tra y tế được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất thiết bị định vị quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất máy ghi âm được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính));

- Sản xuất thiết bị đo lường cơ khí đơn giản (băng, compa...) phân theo các vật liệu chính được sử dụng;

- Lắp đặt thiết bị kiểm soát các quá trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 33200 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

2652 - 26520: Sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại đồng hồ đeo tay, treo tường, bao gồm đồng hồ dạng tấm;

- Sản xuất hộp đựng đồng hồ treo tường và đeo tay, bao gồm cả hộp bằng kim loại quý;

- Sản xuất thiết bị ghi thời gian và thiết bị đo lường, hoặc hiển thị khoảng cách thời gian có kim đồng hồ hoặc có mô tơ đồng bộ như:

- + Máy đo thời gian dừng nghỉ,

- + Đồng hồ,

- + Dấu đóng ngày/giờ,

- + Máy đo quá trình.

- Sản xuất máy chuyển đổi thời gian và các máy ngắt khác có gắn kim đồng hồ hoặc mô tơ đồng bộ như: khóa hẹn giờ...;

- Sản xuất các linh kiện cho đồng hồ treo tường và đeo tay như:

- + Kim đồng hồ các loại,

- + Lò xo, mặt đồng hồ, đĩa, cầu và các bộ phận khác của đồng hồ,

- + Vỏ bọc đồng hồ bằng mọi chất liệu.

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (bằng vải, da, nhựa) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất đồng hồ thông minh được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đồng hồ bằng kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

266 - 2660 - 26600: Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp

Nhóm này gồm:

Sản xuất máy móc cơ điện học, điện liệu pháp như thiết bị cộng hưởng từ tính, thiết bị siêu âm y tế, thiết bị trợ thính, máy ghi điện tim, thiết bị nội soi cơ điện học, sản xuất máy bức xạ và ống ứng dụng, như chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, đánh giá công nghiệp, nghiên cứu và khoa học. Bức xạ có thể dưới dạng tia beta, tia gama, tia X và các bức xạ ion khác.

Cụ thể:

- Sản xuất máy và ống bức xạ (ví dụ công nghiệp, chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, nghiên cứu, khoa học);

- Sản xuất thiết bị tia X;

- Sản xuất máy quét CT;

- Sản xuất máy quét PET;

- Sản xuất thiết bị MRI;

- Sản xuất thiết bị laser y tế;

- Sản xuất thiết bị nội soi y tế;

- Sản xuất máy tạo nhịp tim;

- Sản xuất máy trợ thính;

- Sản xuất máy hô hấp nhân tạo hoặc máy trị liệu hô hấp;

- Sản xuất máy thở chạy điện;

- Sản xuất máy điện rung mát xa y tế;

- Sản xuất thiết bị bức xạ kiểm tra, diệt khuẩn thức ăn và sữa.

Loại trừ: Sản xuất giường thuộc da, được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

267 - 2670 - 26700: Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ và thấu kính quang học, như ống nhòm, kính hiển vi (trừ electron, proton), kính thiên văn, kính lăng trụ, thấu kính; thấu kính phủ ngoài hoặc đánh bóng (trừ kính mắt); thấu kính khung (trừ kính mắt) và sản xuất thiết bị chụp ảnh như camera và máy đo ánh sáng.

Cụ thể:

- Sản xuất gương quang học;
- Sản xuất thiết bị súng ngắn quang học;
- Sản xuất thiết bị định vị quang học;
- Sản xuất dụng cụ phóng đại quang học;
- Sản xuất dụng cụ quang học chính xác;
- Sản xuất máy so mẫu quang học;
- Sản xuất camera (quang học, kỹ thuật số);
- Sản xuất máy chiếu hình ảnh động và slide;
- Sản xuất máy chiếu sử dụng đèn;
- Sản xuất dụng cụ đo lường quang học và kiểm tra (thiết bị điều khiển cháy, máy đo ánh sáng nhiếp ảnh, tìm tằm ngầm);
- Sản xuất thấu kính, siêu âm quang học, ống nhòm, kính thiên văn;
- Sản xuất thiết bị laser;
- Sản xuất vật kính cho máy ảnh, máy chiếu, phóng to hoặc thu nhỏ ảnh;
- Sản xuất băng video và băng âm thanh từ tính không ghi âm;
- Sản xuất đĩa quang không ghi.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chiếu dùng cho máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);
- Sản xuất tivi thương mại và video camera được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất video camera dùng cho gia đình được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất các thiết bị hoàn thiện sử dụng các cấu kiện laser được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất máy photocopy được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính);

- Sản xuất hàng hóa thiết bị chữa mắt được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

268 - 2680 - 26800: Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị truyền thông thu âm quang học và từ tính, như băng video và casset từ tính trắng, đĩa trắng, đĩa quang học trắng và thiết bị truyền thông tốc độ cao...

Loại trừ: Tái sản xuất thiết bị thu thanh (truyền thông kỹ thuật số, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại).

27: SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng điện. Ngành này cũng gồm sản xuất đèn điện, thiết bị phát tín hiệu và các thiết bị điện gia đình.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm điện tử được phân vào ngành 26 (Sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học).

271 - 2710: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy biến thế điện, phân phối và các máy biến thế chuyên dùng; máy phát điện, tập trung; bộ chuyển mạch và tổng đài; role và điều khiển công nghiệp. Thiết bị điện trong nhóm này phân theo mức độ điện trở.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chuyển và biến đổi loại điện được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);

- Sản xuất dụng cụ điều khiển môi trường và thiết bị kiểm soát các quy trình công nghiệp, được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất bộ chuyển mạch điện, như nút bấm, khóa chuyển được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất máy đổi điện, chuyển dòng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất bộ phát điện tua bin được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất máy khởi động và máy phát điện cho cơ khí cháy nội sinh được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

27101: Sản xuất mô tơ, máy phát

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy biến đổi phân phối điện;
- Sản xuất máy chuyển đổi hàn bằng một cung lửa điện;
- Sản xuất đá balat huỳnh quang (như máy biến thế);
- Sản xuất máy phát điện (trừ máy khởi động đốt cháy nội sinh);
- Sản xuất máy phát điện (trừ máy dao điện nạp pin cho máy đốt cháy nội sinh);
- Sản xuất bộ phát điện (trừ các bộ phát điện tua bin).

27102: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy chuyển đổi phụ, phân phối năng lượng điện;
- Sản xuất máy điều chỉnh truyền và phân phối điện;
- Sản xuất bảng kiểm soát phân phối điện;
- Sản xuất máy tách mạch điện, năng lượng;
- Sản xuất bảng điều khiển, phân phối năng lượng điện;
- Sản xuất ống dẫn cho máy tổng đài điện cơ;
- Sản xuất cầu chì, điện;
- Sản xuất thiết bị chuyển năng lượng;
- Sản xuất bộ chuyển, năng lượng điện (trừ nút bấm, khóa, sôlênoit (cuộn dây kim loại trở nên có từ tính khi có dòng điện đi qua cuộn dây đó), lẫy khóa);
- Sản xuất bộ phát điện chuyển căn bản;
- Cuộn lại lõi trong các nhà máy.

272 - 2720 - 27200: Sản xuất pin và ắc quy

Nhóm này gồm: Sản xuất pin sạc lại được và pin không sạc lại được.

Cụ thể:

- Sản xuất pin và ắc quy: Pin có dioxit mangan, dioxit thủy ngân, ôxit bạc...

- Sản xuất ắc quy điện, bao gồm các phần như: Tấm ngăn, bình ắc quy, vỏ bọc;
- Sản xuất ắc quy axit chì;
- Sản xuất ắc quy nitrat canxi;
- Sản xuất ắc quy NiMH;
- Sản xuất ắc quy Lithium;
- Sản xuất ắc quy khô;
- Sản xuất ắc quy nước;
- Sản xuất hệ thống lưu trữ năng lượng pin;
- Sản xuất pin cho xe đạp điện và pin cho xe ô tô điện.

Loại trừ:

- Sản xuất trạm sạc ô tô điện được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);
- Lắp đặt hệ thống lưu trữ điện cho các tòa nhà và cơ sở hạ tầng điện được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

273: Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện và thiết bị dây dẫn không mang điện cho mạch điện dẫn bằng mọi chất liệu.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất dây cách điện và sợi cáp quang học.

2731 - 27310: Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất sợi cáp quang truyền số liệu hoặc truyền hình ảnh động.

Loại trừ:

- Sản xuất sợi thủy tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh);
- Sản xuất đầu nối sợi quang, bó sợi quang và dây cáp quang được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);
- Lắp đặt cáp quang và các loại cáp khác được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

2732 - 27320: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm;

- Sản xuất cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB không kèm đầu nối.

Loại trừ:

- Sản xuất (kéo) dây thép và dây kim loại không cách điện được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 24202 (Sản xuất kim loại màu);
- Sản xuất bộ dây điện có dây cách điện và đầu nối được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất bộ dây cáp, vỏ bọc dây điện và các bộ dây cáp tương tự hoặc các linh kiện dùng trong các ứng dụng tự động được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

2733 - 27330: Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện bằng bất cứ vật liệu nào,

Cụ thể:

- Sản xuất thanh ray xe buýt, dây dẫn điện (trừ loại mạch chuyên);
- Sản xuất GFCI (ngắt mạch rò ngầm);
- Sản xuất kẹp đèn;
- Sản xuất cột và cuộn chống sét;
- Sản xuất bộ phận ngắt mạch cho dây dẫn điện (các công tắc ứng suất, nút bấm, lẫy khóa);
- Sản xuất phích cắm, đầu nối hoặc ổ cắm điện;
- Sản xuất hộp đựng dây điện (ví dụ mối nối, công tắc);
- Sản xuất cáp, máy móc, điện;
- Sản xuất thiết bị nối và dẫn;
- Sản xuất cực chuyển giao và mạch nối phần cứng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn không mang điện bằng nhựa bao gồm cáp điện nhựa, hộp đựng mối nối hai mạch điện bằng nhựa, bản rà, máy nối cực bằng nhựa và các thiết bị tương tự.

Loại trừ: Sản xuất cách điện bằng gốm được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác).

274 - 2740 - 27400: Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

Nhóm này gồm:

Sản xuất đèn tròn hoặc đèn ống, các bộ phận hoặc linh kiện (trừ những chỗ thủy tinh rỗng của đèn ống); các vật điện chiếu sáng (trừ xe điện); thiết bị chiếu sáng không dùng điện; chụp đèn (trừ loại bằng thủy tinh và nhựa); linh kiện các vật chiếu sáng (trừ dây dẫn mang điện). Sản xuất thiết bị chiếu sáng không dùng điện cũng thuộc nhóm này.

Cụ thể:

- Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn LED... đèn, thiết bị phụ và bóng đèn;
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng treo cố định trên trần nhà hoặc trên tường;
- Sản xuất đèn treo nhiều ngọn;
- Sản xuất đèn bàn hoặc đèn đứng (đồ chiếu sáng cố định);
- Sản xuất đèn trang trí;
- Sản xuất lò sưởi điện;
- Sản xuất đèn flash;
- Sản xuất đèn điện diệt côn trùng;
- Sản xuất đèn lồng (cacbua, điện, gas, dầu lửa);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho các phương tiện giao thông (trừ xe cộ);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cố định trên đường phố (trừ đèn giao thông);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe cộ (ví dụ cho xe máy, máy bay, tàu thủy);
- Đèn năng lượng mặt trời.

Loại trừ:

- Sản xuất đồ thủy tinh và bộ phận bằng thủy tinh dùng cho đồ chiếu sáng được phân vào nhóm 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh);
- Sản xuất đi-ốt phát quang được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);
- Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện hoặc không mang điện dùng cho đồ chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);
- Sản xuất quạt trần hoặc quạt phòng tắm có gắn thiết bị chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị dấu hiệu bằng điện như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu cho người đi trên đường được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất biển báo điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

275 - 2750 - 27500: Sản xuất đồ điện dân dụng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện nhỏ và đồ gia dụng bằng điện, máy hút bụi dùng trong gia đình, quạt gia dụng, máy giặt gia dụng, máy lau sàn điện gia dụng, thiết bị là, thiết bị nấu ăn gia dụng, tủ lạnh gia dụng, tủ ướp lạnh, các thiết bị gia dụng chính bằng điện hoặc không bằng điện, như máy rửa bát, bình đun nước, máy nghiền rác. Nhóm này bao gồm các thiết bị có điện, gas hoặc các nguồn năng lượng khác.

Cụ thể:

- Sản xuất các thiết bị điện gia dụng như: tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió.

- Sản xuất các thiết bị gia dụng nhiệt điện như: máy đun nước bằng điện, chân điện, máy sấy, lược, bàn chải, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở,...

- Sản xuất thiết bị nấu và làm nóng gia dụng không dùng điện như: Máy sưởi không dùng điện, vỉ nướng, lò, ấm đun nước, thiết bị nấu ăn, sấy bát.

Loại trừ:

- Sản xuất tủ lạnh và máy ướp lạnh dùng cho thương mại và công nghiệp, điều hoà nhiệt độ phòng, quạt treo, lò sưởi vĩnh cửu, quạt thông hơi, hút gió, đồ đun nấu, máy giặt thương mại, giặt khô, máy hút bụi thương mại công nghiệp và trong công sở được phân vào ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy khâu gia dụng được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Lắp đặt hệ thống máy hút bụi trung tâm được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

279 - 2790 - 27900: Sản xuất thiết bị điện khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay

máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.

Cụ thể:

- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;
- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;
- Sản xuất chuông điện;
- Sản xuất dây nối dài được làm từ dây cách điện;
- Sản xuất máy làm sạch bằng sóng siêu âm (trừ phòng thí nghiệm và nha khoa);
- Sản xuất pin nhiên liệu, thiết bị cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh;
- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);
- Sản xuất thiết bị chống sét;
- Sản xuất dây điện dân dụng, dây nối dài và các bộ dây điện khác với dây cách điện và đầu nối;
- Sản xuất điện cực các-bon và graphit, kết nối, các sản phẩm các-bon và graphit điện khác;
- Sản xuất máy gia tốc hạt;
- Sản xuất tụ điện, điện trở và các thiết bị tương tự;
- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;
- Sản xuất nam châm điện;
- Sản xuất còi báo động;
- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện từ;
- Sản xuất biển báo điện;
- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị tín hiệu cho người đi bộ;
- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;
- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;
- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay;
- Sản xuất bộ biến tần cho hệ thống quang điện;
- Sản xuất máy mạ điện;

- Sản xuất bộ sạc trên xe cho xe có động cơ;
- Sản xuất cụm cáp có đầu nối;
- Sản xuất trạm sạc ô tô.

Loại trừ:

- Sản xuất vật cách điện bằng thủy tinh được phân vào nhóm 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh);
- Sản xuất vật cách điện bằng sứ được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);
- Sản xuất sợi và các sản phẩm các-bon hoặc graphit được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất máy chỉnh lưu loại linh kiện điện, mạch điện chỉnh điện áp, mạch điện đổi năng lượng, tụ điện, điện trở và các thiết bị khác được phân vào nhóm 26190 (Sản xuất linh kiện điện tử khác);
- Sản xuất máy biến thế, mô-tơ, máy phát điện, thiết bị đóng cắt, role, điều khiển công nghiệp được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện);
- Sản xuất ắc quy được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);
- Sản xuất dây truyền thông và truyền tải năng lượng, thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện được phân vào nhóm 273 (Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);
- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);
- Sản xuất miếng đệm các bon và graphit được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);
- Sản xuất thiết bị điện dùng cho mô tô như máy phát điện, máy biến thế, ổ cắm, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào bằng điện, máy điều chỉnh điện thế,... được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất mô-đun biến tần và pin nhiên liệu cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ).

28: SẢN XUẤT MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐẦU

Ngành này gồm: Sản xuất máy móc và thiết bị hoạt động độc lập với nguyên liệu về mặt cơ khí hoặc nhiệt hoặc thực hiện các tác động lên nguyên liệu (như cán và đóng gói), bao gồm các linh kiện cơ khí mà sản sinh và ứng dụng lực và bất kỳ linh kiện ban đầu nào được sản xuất, các thiết bị cố định, di động hoặc cầm tay, không kể chúng được thiết kế cho công nghiệp, xây dựng, kỹ thuật dân dụng, nông nghiệp hoặc gia dụng. Sản xuất các thiết bị đặc biệt cho vận tải hành khách và hàng hóa trong phạm vi liên quan cũng thuộc ngành này.

Ngành này cũng gồm:

- Sản xuất các máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu trong hệ thống ngành cho dù có được dùng trong các quá trình sản xuất hay không, như thiết bị gây cười trong các hội chợ, thiết bị dành cho trò chơi bowling...

- Sản xuất các sản phẩm kim loại sử dụng chung (Ngành 25), thiết bị liên quan đến điều khiển, thiết bị máy tính, thiết bị đo lường và kiểm tra, phân phối điện và máy móc điều khiển (Ngành 26 và 27) và xe có động cơ dùng cho mục đích chung (Ngành 29).

281: Sản xuất máy thông dụng

Nhóm này gồm: Sản xuất máy dùng cho mục đích chung, tức là máy được sử dụng trong nhiều ngành của VSIC. Nó có thể bao gồm sản xuất các cấu kiện sử dụng trong sản xuất nhiều máy khác hoặc sản xuất các máy móc hỗ trợ cho hoạt động của các ngành khác.

2811 - 28110: Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy pít tông đốt trong và các bộ phận tương tự, trừ mô tô, máy bay và máy đẩy như:

- + Động cơ thủy lực,

- + Động cơ đường sắt.

- Sản xuất các bộ phận chi sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho động cơ đốt trong như: pít tông, vòng pít tông, bộ chế hoà khí và chế hoà khí dùng cho các loại động cơ đốt trong, động cơ diesel,... (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);

- Sản xuất van đóng mở của động cơ đốt trong;

- Sản xuất tua bin và các bộ phận của:

- + Tua bin hơi nước và tua bin hơi khác,
- + Tua bin hydro, bánh xe nước, máy điều chỉnh,
- + Tua bin gió,
- + Tua bin gas, trừ động cơ phản lực và động cơ chân vịt cho động cơ đẩy của máy bay,
- Sản xuất bộ tua bin nồi hơi;
- Sản xuất bộ máy phát tua bin, bao gồm một tua bin gắn liền với một máy phát điện;
- Sản xuất động cơ ứng dụng trong công nghiệp;
- Đại tu động cơ tàu thuyền trong nhà máy.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ máy phát điện (trừ bộ phát điện tua bin) được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);
- Sản xuất bộ máy phát chuyển động chính (trừ bộ phát điện tua bin) được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);
- Sản xuất các bộ phận của động cơ đốt trong của phương tiện được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất thiết bị điện và linh kiện động cơ đốt trong được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất piston, vòng piston, bộ chế hòa khí và các thiết bị tương tự cho động cơ đốt trong, động cơ diesel cho xe cơ giới được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất động cơ đẩy tuần hoàn của máy bay được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);
- Sản xuất động cơ đẩy xe máy được phân vào nhóm 30910 (Sản xuất mô tô, xe máy);
- Sản xuất động cơ máy bay, động cơ phản lực và động cơ chân vịt được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan).

2812 - 28120: Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất động cơ thủy lực, động cơ khí nén, xi lanh thủy lực và van thủy lực.

- Sản xuất thiết bị chuẩn bị không khí cho việc sử dụng hệ thống khí nén;
- Sản xuất hệ thống năng lượng chất lỏng (thủy lực);
- Sản xuất thiết bị truyền động thủy lực;
- Sản xuất thiết bị truyền động tuyến tính điện;
- Sản xuất xy lanh lò xo khí.

Loại trừ:

- Sản xuất ống thủy lực, ống dẫn hơi khí nén bằng cao su được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);
- Sản xuất ống thủy lực, ống dẫn hơi khí nén bằng nhựa được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Sản xuất máy nén được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);
- Sản xuất máy bơm, trừ máy bơm thủy lực được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);
- Sản xuất van cho các ứng dụng không phải thủy lực được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);
- Sản xuất thiết bị truyền động cơ khí được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động).

2813 - 28130: Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và khí gas khác;
- Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo;
- Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi nạp;
- Sản xuất vòi và van vệ sinh;
- Sản xuất vòi và van tưới;
- Sản xuất máy bơm tay.

Loại trừ:

- Sản xuất van cao su lưu hóa, thủy tinh hoặc thiết bị gồm được phân vào

nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh) hoặc 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);

- Sản xuất thiết bị truyền động thủy lực được phân vào nhóm 28120 (Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu);

- Sản xuất van nạp và van xả cho động cơ đốt trong được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

2814 - 28140: Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bi ròi, ổ bi, vòng bi tròn và các chi tiết khác;
- Sản xuất thiết bị truyền tải năng lượng cơ khí như:
 - + Trục truyền động, bao gồm: trục cam, trục khuỷu và tay biên,
 - + Thân ổ và gối đỡ trục dùng ổ trượt.
- Sản xuất bánh răng, hệ thống bánh răng và hộp số, các hộp thay đổi tốc độ khác;
- Sản xuất ly hợp và khớp nối trục;
- Sản xuất bánh đà và ròng rọc;
- Sản xuất dây xích có khớp nối;
- Sản xuất dây xích chuyển động bằng năng lượng.

Loại trừ:

- Sản xuất các dây xích khác được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất thiết bị truyền động thủy lực được phân vào nhóm 28120 (Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu);
- Sản xuất thiết bị truyền động thủy tinh được phân vào nhóm 28120 (Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu);
- Sản xuất khớp ly hợp cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất bánh răng, hộp số và các bộ phận của xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất dây chuyền phụ trợ cho thiết bị chuyển động năng lượng như các bộ phận của động cơ hoặc máy bay được phân vào ngành 29 (Sản xuất ô tô và xe

có động cơ khác) và ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác).

2815 - 28150: Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung

Nhóm này gồm:

- Sản xuất lò hấp, lò luyện điện, công nghiệp và thí nghiệm, bao gồm lò đốt, lò thiêu;
- Sản xuất lò nấu;
- Sản xuất nồi hơi trung tâm, máy nước nóng năng lượng mặt trời và các thiết bị tương tự;
- Sản xuất thiết bị làm mát và thông gió gia dụng.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất thiết bị lò đốt cơ khí, lò sưởi, máy phóng điện...

Loại trừ:

- Sản xuất lò nung điện gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất quạt bàn, quạt sàn, quạt treo tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt thông gió được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất máy sấy cho sản phẩm nông nghiệp được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất lò nung bánh mỳ, bánh quy được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và bìa cứng được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);
- Sản xuất thiết bị y tế, mổ hoặc khử trùng và thí nghiệm được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);
- Lò thí nghiệm (nha khoa) được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2816 - 28160: Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy móc nâng, bốc dỡ, vận chuyển hoạt động bằng tay hoặc bằng năng lượng như:
 - + Puli ròng rọc, cần trục, tời,
 - + Cần trục, cần trục to, khung nâng di động...
 - + Xe đẩy, có hoặc không có máy nâng hoặc thiết bị cầm tay, có hoặc không

có bộ phận tự hành, loại được sử dụng trong các nhà máy,

+ Tay máy và người máy công nghiệp được thiết kế đặc biệt cho việc nâng, bốc dỡ;

+ Xe nâng không người lái, robot bốc, dỡ hàng hóa, xếp hàng lên pallet.

- Sản xuất băng tải...

- Sản xuất máy nâng, cầu thang tự động và chuyển bằng cầu thang bộ;

- Sản xuất các bộ phận đặc biệt cho các thiết bị nâng và vận chuyển.

Nhóm này cũng gồm: Thiết bị nâng hạ hàng hóa tự động trong kho bãi.

Loại trừ:

- Sản xuất máy nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất thang máy hoạt động liên tục và băng tải cho hàng hóa và vật liệu sử dụng ở tầng ngầm được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất xéng máy, máy đào được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất người máy công nghiệp cho nhiều mục đích được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất cần trục nổi, cần trục tàu hỏa, xe cầu... được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cầu kiện nổi), 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray);

- Lắp đặt máy nâng và thang máy được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

2817 - 28170: Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy tính cơ;

- Sản xuất máy thu ngân;

- Sản xuất máy tính;

- Sản xuất dụng cụ cân bưu phí, máy phục vụ bưu điện (dán phong bì, máy dán và in địa chỉ; mở, phân loại);

- Sản xuất máy dán nhãn;

- Sản xuất máy chữ;

- Sản xuất máy tốc ký;
- Sản xuất thiết bị đóng sách (như đóng nhựa hoặc đóng băng);
- Sản xuất máy viết séc;
- Sản xuất máy phân loại, đếm xu và đóng gói xu;
- Sản xuất gọt bút chì;
- Sản xuất dập ghim và nhỏ ghim dập;
- Sản xuất máy bỏ phiếu bầu cử;
- Sản xuất dụng cụ cắt bằng keo;
- Sản xuất dụng cụ bấm lỗ giấy;
- Sản xuất hộp mực máy in;
- Sản xuất máy đếm tiền;
- Sản xuất máy photocopy;
- Sản xuất đầu máy quay đĩa;
- Sản xuất bảng đen, bảng trắng và bảng ghi;
- Sản xuất máy ghi âm.

Loại trừ: Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính).

2818 - 28180: Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ cầm tay có mô tơ điện hoặc không dùng điện hoặc chạy bằng thủy lực, khí nén như:

- Máy cưa tròn hoặc cưa thẳng;
- Máy cưa xích;
- Máy khoan hoặc khoan búa;
- Máy đánh bóng dùng điện cầm tay;
- Máy đóng đinh bằng khí nén;
- Tầng đệm;
- Thiết bị định tuyến;
- Máy bảo ngang;

- Máy mài;
- Máy đập;
- Súng tán đinh bằng khí nén;
- Máy bảo dưỡng;
- Máy cắt xén;
- Máy vận;
- Máy đóng đinh dùng điện.

2819 - 28190: Sản xuất máy thông dụng khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu;
- Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô;
- Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;
- Sản xuất cân (trừ các loại cân sử dụng trong phòng thí nghiệm): cân dùng trong gia đình, cửa hàng, cân sàn, cân băng tải liên tục, cầu cân, cân hành lý và các loại cân khác...
- Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hóa lỏng;
- Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hỏa, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi...;
- Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn...
- Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống;
- Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hóa chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống...;
- Sản xuất máy chuyển nhiệt;
- Sản xuất máy hóa lỏng khí và gas;
- Sản xuất máy cung cấp gas;
- Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thủy tinh);
- Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo);
- Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó;

- Sản xuất máy bán hàng tự động;
- Sản xuất các bộ phận cho máy thông dụng;
- Sản xuất quạt thông gió gác mái (quạt hút mái);
- Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học);
- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.

Loại trừ:

- Sản xuất cân dùng trong phòng thí nghiệm được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);
- Sản xuất tủ lạnh hoặc tủ đá gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất quạt gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất máy phun nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);
- Sản xuất máy cuộn thủy tinh hoặc kim loại và các thiết bị của chúng được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim), 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);
- Sản xuất máy làm khô trong nông nghiệp, máy tinh luyện thực phẩm được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy tách kem được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy làm khô quần áo thương mại được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);
- Sản xuất máy in dệt được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da).

282: Sản xuất máy chuyên dụng

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy móc chuyên dụng, tức là máy chuyên dùng trong các ngành lớn hoặc một nhóm nhỏ trong các ngành của hệ thống ngành kinh tế. Mặc dù hầu hết các máy này được sử dụng trong các quá trình sản xuất khác như chế biến thực phẩm hay sản xuất hàng dệt, nhóm này cũng bao gồm sản xuất máy chuyên biệt cho các ngành khác (không phải là ngành chế biến, chế tạo).

như sản xuất thiết bị hộp số hạ cánh cho máy bay, hay sản xuất thiết bị gây cườ ở các công viên.

2821 - 28210: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy kéo dùng cho nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất máy trục đơn (điều khiển bộ);
- Sản xuất máy gặt, máy xén cỏ;
- Sản xuất xe moóc nông nghiệp tự bốc dỡ hoặc bán moóc;
- Sản xuất máy nông nghiệp dùng để phục vụ gieo trồng như máy cấy, máy rắc phân, hạt, bừa...;
- Sản xuất máy gặt hoặc máy đập như: Máy gặt, máy đập, máy sàng...;
- Sản xuất máy vắt sữa;
- Sản xuất máy phun cho nông nghiệp;
- Sản xuất máy đa năng trong nông nghiệp như: Máy giữ gia cầm, máy giữ ong, thiết bị cho chuẩn bị có khô... Sản xuất máy cho việc làm sạch, phân loại trứng, hoa quả...;
- Sản xuất máy móc cho nông nghiệp thẳng đứng.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ cầm tay nông nghiệp không vận hành bằng điện được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất xe tải cho trang trại được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);
- Sản xuất dụng cụ cầm tay vận hành bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);
- Sản xuất thiết bị di chuyển đất được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);
- Sản xuất máy tách kem được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất máy làm sạch, phân loại hạt, thóc hoặc phơi rau đậu được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);
- Sản xuất xe tải đường bộ cho xe bán moóc cho các mục đích khác ngoài nông nghiệp được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe moóc đường bộ hoặc sơ mi moóc được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc).

2822 - 28220: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị, máy móc chế biến kim loại và vật liệu khác (gỗ, xương, đá, cao su cứng, nhựa cứng, thủy tinh lạnh...), bao gồm các máy sử dụng một con lắc lazer, sóng siêu âm, thể plasma, xung điện nam châm...;

- Sản xuất máy quay, cán, khoan, định dạng, nghiền...;

- Sản xuất dụng cụ dán tem hoặc máy nén;

- Sản xuất máy dùi, máy ép bằng sức nước, máy ngăn nước, búa, máy lâm nghiệp...

- Sản xuất ống cuộn chỉ hoặc máy móc cho làm dây;

- Sản xuất máy cho việc đóng, dập, dán hoặc cho những lắp ráp khác của gỗ, tre, xương, cao su cứng hoặc nhựa...

- Sản xuất búa đập quay, cưa xích, mặt giũa, máy tán đinh, máy cắt kim loại...;

- Máy đóng tấm ván ghép từng mảnh con và tương tự;

- Sản xuất máy mạ điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất bộ phận và linh kiện cho công cụ máy móc được đề cập đến ở trên như: Lưỡi vòng kẹp, đầu chỉ và các phụ tùng đặc biệt khác cho dụng cụ máy.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ hoán đổi cho dụng cụ cầm tay hoặc dụng cụ máy móc (khoan, máy dùi, cắt, xay, dụng cụ quay, lưỡi cưa, dao cắt...) được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất máy cầm tay hàn sắt điện hoặc súng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất dụng cụ cầm tay vận hành bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);

- Sản xuất máy sử dụng trong cán kim loại được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim);

- Sản xuất máy khai thác quặng được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng).

2823 - 28230: Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy và thiết bị vận chuyển kim loại nóng;
- Lò chuyển, đúc thổi;
- Sản xuất máy nghiền cuộn kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất máy kéo (kim loại) được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);
- Sản xuất hộp khuôn và khuôn (trừ khuôn đúc thổi) được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);
- Sản xuất máy cho đúc tạo hình được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

2824 - 28240: Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thang máy và băng tải cho hàng hóa và vật liệu sử dụng dưới lòng đất;
- Sản xuất máy khoan, cắt, đục, đào, máy khai thác khoáng sản hoặc quặng, máy cắt than hoặc đá, máy đào hầm;
- Sản xuất máy xử lý khoáng chất bằng việc soi, phân loại, rửa, nghiền...;
- Sản xuất máy trộn bê tông và vữa;
- Sản xuất máy địa chất như: máy ủi đất, ủi đất góc, san đất, cào, xúc,...
- Sản xuất máy đóng, máy ép cọc, máy trải vữa, trải nhựa đường, máy rải bê tông...;
- Sản xuất máy trộn khoáng chất với nhựa đường;
- Sản xuất máy kéo đặt đường ray và máy kéo được sử dụng trong xây dựng hoặc khai thác;
- Sản xuất lưỡi máy ủi hoặc lưỡi máy ủi đất góc;
- Sản xuất xe đẩy.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị nâng và thiết bị điều khiển được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);
- Sản xuất máy kéo khác được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp), 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất dụng cụ máy cho làm đá, bao gồm máy cho chẻ đá hoặc làm sạch đá được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);

- Sản xuất xe tải trộn bê tông được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác).

2825 - 28250: Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy sấy khô trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy cho công nghiệp sản xuất bơ sữa như:
 - + Máy tách kem,
 - + Máy chế biến sữa (làm tinh khiết),
 - + Máy biến đổi sữa (trộn bơ, làm bơ và đóng khuôn),
 - + Máy làm phomat (làm thuần khiết, đúc khuôn, đóng)....
- Sản xuất máy dùng trong công nghiệp nghiền hạt như:
 - + Máy làm sạch, phân loại hạt, hoặc rau đậu khô (máy quạt, dầm, tách,...),
 - + Máy sản xuất bột và bột xay thô... (xay hạt, rây, làm sạch cám, tách vỏ).
- Sản xuất máy nghiền... được sử dụng để làm rượu, nước hoa quả...;
- Sản xuất máy cho công nghiệp làm bánh hoặc làm mì ống hoặc các sản phẩm tương tự:
 - Lò bánh, trộn bột nhào, máy chia bột, máy thái, máy làm bánh...;
 - Sản xuất máy móc và thiết bị cho chế biến thức ăn khác nhau như:
 - + Máy làm bánh, kẹo, coca hoặc sôcôla; máy dùng để sản xuất đường, bia, chế biến thịt và gia cầm, máy dùng để chuẩn bị rau, lạc hoặc quả; chuẩn bị cá, cua hoặc thủy sản khác,
 - + Máy cho việc lọc và tinh chế,
 - + Máy khác cho công nghiệp sơ chế và sản xuất thức ăn và đồ uống.
 - Sản xuất máy cho việc sơ chế hoặc chiết xuất mỡ động vật hoặc dầu thực vật;
 - Sản xuất máy cho sơ chế thuốc lá và làm xì gà hoặc thuốc lá, thuốc ống hoặc thuốc nhai;
 - Sản xuất máy, thiết bị và dụng cụ để nấu hoặc làm nóng thức ăn trong khách sạn, nhà hàng.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị tiết trùng thức ăn và sữa được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất máy đóng gói, bọc và cân được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất

máy thông dụng khác);

- Sản xuất máy làm sạch, phân loại hoặc nghiền trấu, quả hoặc các nông sản khác (trừ hạt, thóc, rau đậu khô) được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp).

2826 - 28260: Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy dệt như:
 - + Máy cho sợi chế, sản xuất, vẽ, dệt hoặc cắt vải nhân tạo, nguyên liệu hoặc sợi,
 - + Sản xuất máy cho việc sợi chế sợi dệt: Quay tơ, quần chỉ và các máy có liên quan...,
 - + Máy dệt, bao gồm cả dệt tay,
 - + Máy đan len,
 - + Máy cho làm lưới, vải tuyền, ren, dải viền...
- Sản xuất máy phụ trợ hoặc thiết bị của máy dệt như: Máy dệt vải hoa, máy ngừng tự động, máy thay đổi con suốt, trục quay và bánh đà trục quay...;
- Sản xuất máy dệt in;
- Sản xuất máy để chế biến sợi như: Tẩy trắng, nhuộm, hồ, hoàn thiện, ngâm sợi dệt; máy cuộn tơ, tháo, gấp, cắt hoặc trang trí sợi dệt;
- Sản xuất máy giặt, là như: Bàn là..., máy giặt và máy sấy, máy giặt khô;
- Sản xuất máy khâu, đầu máy khâu và kim máy khâu (cho gia dụng hoặc không cho gia dụng);
- Sản xuất máy sản xuất hoặc hoàn thiện vải ni hoặc không pha len;
- Sản xuất máy thuộc da như: Máy sợi chế, thuộc hoặc làm da, máy làm giấy hoặc sửa giấy hoặc các chi tiết khác của da, da thuộc hoặc da lông thú.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy hoặc giấy bìa sử dụng cho máy dệt vải hoa được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất máy giặt và máy sấy gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất bàn là loại cán láng được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);
- Sản xuất máy sử dụng đóng sách được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

2829: Sản xuất máy chuyên dụng khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy sử dụng đặc biệt chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);
- Sản xuất máy phôi thô được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính));
- Sản xuất máy móc và thiết bị làm cao su cứng, nhựa cứng và thủy tinh lạnh được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);
- Sản xuất khuôn thổi được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim).

28291: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng

Nhóm này gồm: Sản xuất máy làm ngói, gạch lát nền hoặc tường, bột làm đồ gốm, sứ; chất tổng hợp, ống dẫn, điện cực than chì,...

28299: Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy làm bột giấy;
- Sản xuất máy làm hoặc hoàn thiện giấy và giấy bìa;
- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa;
- Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa;
- Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy đắp lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt;
- Sản xuất máy in, máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác;
- Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn;
- Sản xuất máy in 3D;
- Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau;
- Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như:
 - + Sản xuất máy để lắp đèn điện, ống (van) hoặc bóng đèn,
 - + Sản xuất máy cho sản xuất hoặc các công việc làm nóng thủy tinh, sợi thủy tinh,

- + Sản xuất máy móc cho việc tách chất đồng vị.
- Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe, thiết bị cân bằng khác;
- Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm;
- Sản xuất thiết bị hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay vận tải và thiết bị liên quan;
- Sản xuất giường thuộc da;
- Sản xuất thiết bị phát bóng tự động (Ví dụ: thiết bị đặt pin);
- Sản xuất thiết bị tập bắn, bơi lội và các thiết bị giải trí khác.

29: SẢN XUẤT Ô TÔ VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất xe có động cơ dùng để vận chuyển người và hàng hóa. Sản xuất các thiết bị và phụ tùng khác nhau, cũng như sản xuất xe moóc và bán rơ moóc; các hoạt động làm thay đổi lớn cho xe có động cơ.

Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ trong nhóm này được phân vào nhóm 95310 (Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác).

291 - 2910 - 29100: Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Sản xuất xe điện, xe động cơ đốt trong, xe hybrid (xe lai điện), ô tô không người lái.

Cụ thể:

- Sản xuất ô tô chở khách;
- Sản xuất xe động cơ thương mại như: Xe tải, xe kéo trên đường cho xe bán rơ moóc...
- Sản xuất xe buýt, xe buýt điện và xe buýt đường dài;
- Sản xuất động cơ xe, bao gồm động cơ điện;
- Sản xuất xe có động cơ khác như:
 - + Xe chạy bằng máy trên tuyết và băng, xe trong sân golf, thủy phi cơ,
 - + Xe quét đường,
 - + Xe tải có lắp đặt cần cẩu,
 - Xe địa hình (ATV), xe đua nhô và các xe kéo tương tự bao gồm xe đua.

Nhóm này cũng gồm: Tái sản xuất xe có động cơ.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho mô tô, xe thô sơ được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất xe kéo nông nghiệp và lâm nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất máy xúc chuyên dụng cho ngành đường sắt được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất máy kéo sử dụng trong xây dựng và khai khoáng được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất xe tải gom rác được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất thân xe có động cơ, ví dụ như xe chữa cháy, thư viện lưu động, xe trộn bê tông,... được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);

- Sản xuất xe bọc thép để vận chuyển hàng hóa được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);

- Sản xuất các thiết bị điện cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất thiết bị và linh kiện cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe tăng và xe quân sự được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội);

- Bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng cho xe có động cơ được phân vào nhóm 95310 (Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác).

- Sản xuất xe công xưởng có lắp cần cầu được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp).

292 - 2920 - 29200: Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thân xe, gồm cabin cho xe có động cơ, ví dụ như xe chữa cháy, thư viện lưu động, xe bọc thép, xe trộn bê tông;

- Trang bị bên ngoài các loại xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;

- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc như xe bồn chở xăng dầu, rơ moóc có

thân kín hoặc thân mở, rơ moóc có mũi...;

- Tân trang và cải tạo xe cơ giới;
- Sản xuất contenơ (bao gồm cả contenơ để vận chuyển chất lỏng) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải;
- Sản xuất khung gầm cho xe rơ moóc.

Loại trừ:

- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc đặc biệt sử dụng cho nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);
- Sản xuất bộ phận và các thiết bị đi kèm thân xe cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất xe thô sơ dùng cho động vật kéo được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất xe tăng và các phương tiện chiến đấu quân sự khác được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

293 - 2930 - 29300: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các bộ phận và thiết bị thay đổi cho xe có động cơ như: Phanh, hộp số, trục xe, bánh xe, hệ thống giám sát, bộ tản nhiệt, giảm thanh, ống xả, xúc tác, khớp ly hợp, bánh lái, cột và hộp lái;
- Sản xuất thiết bị và phụ tùng cho thân xe có động cơ như: Dây an toàn, túi không khí, cửa sổ, hãm xung;
- Sản xuất ghế ngồi trong xe;
- Sản xuất thiết bị điện cho xe có động cơ như máy phát điện, máy dao điện, phích cắm sáng, hệ thống dây đánh lửa, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào điện, lắp đặt các thiết bị đo lường vào động cơ, điều chỉnh nguồn điện, đèn...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất khung gầm (không có động cơ) cho xe có động cơ;
- Sản xuất mô-đun biến tần và pin nhiên liệu cho xe có động cơ.

Loại trừ:

- Sản xuất các loại sẫm được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);

- Sản xuất vôi và dây đeo bằng cao su và các sản phẩm từ cao su khác được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);
- Sản xuất pin cho động cơ được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe có động cơ được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);
- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất máy bơm cho xe có động cơ và động cơ được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vôi và van khác);
- Bảo dưỡng, sửa chữa và thay đổi nhỏ cho xe có động cơ được phân vào nhóm 95310 (Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác).

30: SẢN XUẤT PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất thiết bị vận tải để đóng tàu và sản xuất thuyền, sản xuất đầu máy xe lửa và lăn đường ray, sản xuất tàu vũ trụ, máy bay, xe máy, xe đạp và sản xuất các phụ tùng của chúng, không thuộc các mã ngành khác.

301: Đóng tàu và thuyền

Nhóm này gồm: Đóng tàu, thuyền, du thuyền và các cấu kiện nổi dùng cho vận tải và các mục đích thương mại khác cũng như cho mục đích thể thao, giải trí và quân sự.

3011 - 30110: Đóng tàu và cấu kiện nổi

Nhóm này gồm: Đóng tàu dân sự và quân sự (trừ tàu cho thể thao hoặc giải trí) và xây dựng cấu kiện nổi.

Cụ thể:

- Đóng tàu thương mại: Tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu dật...;
- Đóng tàu chiến, tàu quân sự;
- Đóng tàu đánh cá, tàu chế biến cá và các loại tàu khác dùng để chế biến hoặc bảo quản sản phẩm thủy sản;
- Sản xuất máy bay không người lái có thể lặn.

Nhóm này cũng gồm:

- Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí);
- Xây dựng dàn khoan nổi hoặc chìm;
- Thiết lập cấu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu

đầm, xả lan nổi, xả lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, màng hơi không thể tái tạo...;

- Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cấu kiện nổi.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận cho tàu không phải bộ phận thân tàu chính như:

+ Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)),

+ Sản xuất chân vịt tàu được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),

+ Sản xuất mỏ neo thép hoặc sắt được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),

+ Sản xuất động cơ tàu thủy được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

- Sản xuất thiết bị định vị cho tàu được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho tàu được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất động cơ cho thủy phi cơ, xe lưỡng cư được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xuống hơi hoặc bè mảng cho giải trí được phân vào nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí);

- Sửa chữa đặc biệt và bảo dưỡng cho tàu và hệ thống nổi được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Lắp đặt nội thất bên trong cho tàu thuyền được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

3012 - 30120: Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xuống hơi và bè mảng để thể thao và giải trí;

- Đóng thuyền buồm có hoặc không có trợ lực;

- Đóng xuống máy;

- Đóng tàu đệm không khí dùng cho giải trí;

- Đóng du thuyền;
 - Đóng thuyền phi cơ cá nhân;
 - Đóng tàu du lịch và thuyền thể thao khác như: Thuyền bơi, ca nô, xuồng.
- Nhóm này cũng gồm: Chuyển đổi thuyền giải trí và thể thao tại nhà máy.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ phận của tàu giải trí và tàu thể thao như:
 - + Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)),
 - + Sản xuất mỏ neo sắt hoặc thép được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),
 - + Sản xuất động cơ tàu thủy được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).
- Đại tu động cơ tàu, thuyền giải trí và thể thao tại nhà máy được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất ván thuyền buồm và ván lướt sóng được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu giải trí được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));
- Cho thuê thuyền giải trí và thuyền buồm có kèm thuyền trưởng được phân vào nhóm 5011 (Vận tải hành khách ven biển và viễn dương), 5012 (Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương);
- Cho thuê thuyền giải trí và du thuyền không kèm thuyền trưởng được phân vào nhóm 77210 (Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí).

302 - 3020 - 30200: Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đầu máy điện, đầu diesel, hơi nước và đầu máy xe lửa khác;
- Sản xuất toa khách xe lửa hoặc xe điện tự động, xe tải và toa trần;
- Bảo dưỡng hoặc dịch vụ xe lửa và xe điện;
- Sản xuất toa xe điện hoặc xe lửa nói chung, không tự động như toa hành khách, toa chở hàng hóa, toa thùng, toa tải hàng tự phóng điện, vòi lấy nước, toa nước...;

- Sản xuất những bộ phận đặc biệt của đầu máy và toa xe lửa như: Giá chuyển hướng, trục xe và bánh xe, phanh và các bộ phận của phanh; moóc và các bộ phận nối, giảm xóc và các bộ phận giảm xóc; thùng và khung toa; thân, nối hành lang, thiết bị chiếu sáng...;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đầu máy và toa xe lửa khai thác mỏ;
- Sản xuất hiệu lệnh cơ khí và điện tử, thiết bị điều khiển giao thông và an toàn cho tàu hỏa, tàu điện, đường bộ, đường thủy, các phương tiện đỗ và sân bay;
- Sản xuất đầu máy trong khai thác mỏ và các xe chạy đường ray dùng trong khai thác mỏ;
- Sản xuất ghế ngồi tàu hỏa;
- Sản xuất thiết bị mô phỏng vận chuyển đường sắt.

Loại trừ:

- Sản xuất đường ray chưa lắp ráp được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang);
- Sản xuất thiết bị cố định đường ray được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).
- Sản xuất động cơ điện không dùng cho xe cơ giới được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);
- Sản xuất hiệu lệnh điện tử, thiết bị điều khiển giao thông và an toàn cho đường sắt được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất động cơ và tua bin (trừ động cơ xe cơ giới, máy bay và động cơ xe đạp) được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất động cơ tàu thủy được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

303 - 3030 - 30300: Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy bay vận tải hàng hóa và hành khách, cho mục đích quốc phòng, cho thể thao và các mục đích khác;
- Sản xuất máy bay trực thăng;
- Sản xuất tàu lượn, khung điều khiển tàu lượn;
- Sản xuất khí cầu điều khiển được và khí cầu đốt nóng không khí;

- Sản xuất các bộ phận và phụ tùng của máy bay như:
 - + Linh kiện chính như thân máy bay, cánh, cửa, bề mặt điều khiển, thiết bị hạ cánh, thùng nhiên liệu, vô động cơ máy bay, thiết bị chiếu sáng...
 - + Cánh quạt máy bay, khối quay máy bay lên thẳng và khối động cơ đẩy,
 - + Máy và động cơ trên máy bay,
 - + Các bộ phận của máy bay phản lực và tua bin phản lực cánh quạt cho máy bay.
- Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, bộ phận hãm...
- Sản xuất máy bay đào tạo phi công dưới đất;
- Sản xuất máy bay không người lái dân sự, không phải để giải trí;
- Sản xuất máy bay không người lái quân sự;
- Sản xuất tàu vũ trụ và động cơ hạ cánh tàu vũ trụ, vệ tinh nhân tạo, tàu thăm dò vũ trụ không người lái, trạm quỹ đạo, tàu con thoi.

Nhóm này cũng gồm:

- Đại tu và thay đổi máy bay hoặc động cơ máy bay;
- Sản xuất ghế ngồi cho máy bay.

Loại trừ:

- Sản xuất dù được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));
- Sản xuất vũ khí và đạn quân sự được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn được);
- Sản xuất thiết bị viễn thông cho vệ tinh nhân tạo được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất thiết bị máy bay và thiết bị hàng không được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);
- Sản xuất hệ thống điều khiển không quân được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho máy bay được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);
- Sản xuất các bộ phận đánh lửa và các bộ phận điện khác cho động cơ đốt trong được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);
- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));
- Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay và thiết bị liên quan được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất máy bay không người lái cho mục đích giải trí (đồ chơi máy bay không người lái) được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

304 - 3040 - 30400: Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội

Nhóm này gồm: Sản xuất phương tiện chiến đấu quân sự, có hoặc không trang bị vũ khí và các bộ phận của các phương tiện đó.

Cụ thể:

- Sản xuất xe tăng;
- Sản xuất xe chiến đấu bọc thép để chở người;
- Sản xuất xe bọc thép tiếp tế hoặc xe cứu hộ bọc thép có cần cẩu;
- Sản xuất thiết bị quân sự dùng cả cho địa hình dưới nước và trên cạn có trang bị;
- Sản xuất xe tăng điều khiển từ xa;
- Sản xuất thân xe chiến đấu bọc thép và các bộ phận của chúng, như: tháp pháo bọc thép, cửa và vỏ bọc thép;
- Sản xuất các tấm bọc thép dùng làm bộ phận của xe chiến đấu quân sự;
- Sản xuất đai xích và bánh xe đặc biệt, bánh xe dẫn động cho xe chiến đấu bọc thép.

Nhóm này cũng gồm: Đại tu, cải tiến và nâng cấp xe chiến đấu quân sự tại nhà máy.

Loại trừ:

- Sản xuất vũ khí và đạn dược được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược);
- Sản xuất xe khách và xe tải có giáp nhẹ hoặc có giáp có thể tháo rời được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);
- Sản xuất tàu quân sự được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cầu kiện nổi);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện chiến đấu được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sản xuất máy bay không người lái cho mục đích quân sự được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan).

309: Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị vận tải ngoài xe có động cơ, thiết bị vận tải

đường sắt, đường thủy, đường không hoặc vũ trụ và thiết bị quân sự.

3091 - 30910: Sản xuất mô tô, xe máy

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mô tô, xe máy có bản đạp;
- Sản xuất động cơ cho xe mô tô;
- Sản xuất mô tô ba bánh;
- Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, ví dụ như phanh, hộp số, ly hợp, bánh xe, bộ giảm thanh và ống xả và các bộ phận của chúng.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất phương tiện vận chuyển cá nhân, ví dụ như ván trượt điện, xe trượt scooter.

Loại trừ:

- Sản xuất lốp xe cao su dùng cho xe mô tô được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);
- Sản xuất xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);
- Sản xuất xe đạp có động cơ điện phụ trợ được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);
- Sản xuất xe cho người khuyết tật được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật).

3092 - 30920: Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe đạp không có động cơ và các xe đạp khác, bao gồm xe đạp ba bánh (chuyên chở), xe nhiều người ngồi, xe đạp hai bánh và xe ba bánh cho trẻ em;
- Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp, ví dụ như khung, phuộc, vành và nan hoa bánh xe, trục, phanh, yên xe, bản đạp, bánh răng và bộ truyền động.
- Sản xuất xe đạp có động cơ điện phụ trợ;
- Sản xuất xe cho người khuyết tật có hoặc không có động cơ;
- Sản xuất bộ phận và phụ tùng xe cho người khuyết tật;
- Sản xuất xe nôi cho trẻ sơ sinh và các bộ phận của chúng.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất xe đạp điện (tức là xe đạp có động cơ không cần đạp để di chuyển).

Loại trừ:

- Sản xuất lốp và sảm cao su dùng cho xe đạp được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất sảm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);

- Sản xuất đồ chơi có tay lái, bao gồm xe đạp và xe ba bánh bằng nhựa được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

3099 - 30990: Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe kéo bằng động vật: Xe lừa kéo, xe trâu bò kéo...;

- Xe cút kit, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị và các loại tương tự.

Loại trừ:

- Xe tải sử dụng trong các nhà máy có được lắp đặt với thiết bị nâng nhấc hay không, hay được kéo bằng tay (bao gồm xe tải kéo tay) được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);

- Xe kéo trang trí trong nhà hàng, như xe chở thức ăn được phân vào nhóm 310 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế).

31: SẢN XUẤT GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ

Ngành này gồm:

Sản xuất đồ đạc và các thiết bị có liên quan và các bộ phận của chúng, trừ các tấm và phiến kính, đá, bê tông, gốm hoặc vật liệu tương tự làm bộ phận của chúng. Quá trình này được sử dụng trong sản xuất thiết bị nội thất bằng phương pháp tiêu chuẩn lắp đặt vật liệu và linh kiện, bao gồm cắt, đục, dát. Thiết kế các chi tiết, về cả thẩm mỹ và chức năng, là một nội dung quan trọng trong quá trình sản xuất.

Một số công đoạn trong sản xuất thiết bị nội thất cũng tương tự như quá trình sản xuất trong các công đoạn sản xuất khác. Ví dụ, quá trình cắt và lắp đặt trong sản xuất gỗ được phân ở ngành 16 (Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện). Tuy nhiên, nhiều quá trình sản xuất phân biệt sản xuất thiết bị nội thất gỗ với sản xuất các sản phẩm gỗ. Tương tự, sản xuất thiết bị nội thất kim loại sử dụng kỹ thuật sản xuất sản phẩm hình cuộn được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)). Quá trình đúc thiết bị nội thất bằng nhựa cũng tương tự như đúc các sản phẩm nhựa khác. Tuy nhiên, sản xuất thiết bị nội thất bằng nhựa có xu hướng là một hoạt động chuyên biệt.

310: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

3101 - 31010: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ

Nhóm này gồm: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau. Đồ đạc được coi là làm bằng gỗ nếu khung của nó được làm bằng gỗ hoặc nếu không có khung thì thành phần vật là gỗ liệu chính. Thuật ngữ "gỗ" trong nhóm này cũng được áp dụng cho tre và các vật liệu khác có tính chất gỗ.

Cụ thể:

- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho văn phòng, phòng làm việc, khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng và gia dụng;
- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho nhà hát, rạp chiếu phim;
- Sản xuất ghế và chỗ ngồi cho thiết bị vận tải bằng gỗ;
- Sản xuất ghế sofa, giường sofa và bộ sofa;
- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ trong vườn;
- Sản xuất đồ nội thất bằng gỗ đặc biệt cho cửa hàng: quầy thu tiền, giá trưng bày, kệ, ngăn, giá...;
- Sản xuất đồ đạc văn phòng bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc nhà bếp bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc gỗ cho phòng ngủ, phòng khách, vườn...
- Sản xuất tủ gỗ cho máy khâu, tivi...;
- Sản xuất ghế dài, ghế đầu cho phòng thí nghiệm, chỗ ngồi khác cho phòng thí nghiệm, đồ đạc cho phòng thí nghiệm (như tủ và bàn);
- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y;
- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoàn thiện việc bọc ghế và chỗ ngồi bằng gỗ bằng vật liệu dùng để bọc đồ đạc;
- Hoàn thiện đồ gỗ nội thất như phun, vẽ, đánh xi và nhồi đệm;
- Sản xuất đồ đỡ đệm bằng gỗ;
- Gia công một số chi tiết cho sản phẩm tủ thờ;
- Sản xuất các bộ phận và phụ kiện của đồ đạc bằng gỗ.

3102 - 31020: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại

Nhóm này gồm:

Sản xuất các đồ đạc như trên bằng kim loại ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.

3109 - 31090: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các đồ đạc như trên bằng các loại chất liệu (trừ gỗ, đá, bê tông và gốm) ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.

Loại trừ:

- Sản xuất gối, nệm, chăn, chăn lông vịt được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất đệm cao su hơi được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất đồ đạc bằng gốm, bê tông và đá được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác), 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao), 23960 (Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng hoặc đèn được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất ghế ô tô, ghế tàu hỏa, ghế máy bay được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác), 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray), 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Bảng đen được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính));

- Lắp đặt, bộ phận lắp đặt và phụ tùng lắp đặt, lắp đặt thiết bị đồ đạc thư viện được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

32: CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất các loại sản phẩm khác nhau không nằm ở các phần khác trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân. Vì đây là một nhóm dư ra, nên các quá trình sản xuất, các nguyên liệu đầu vào và sử dụng các sản phẩm sản xuất có thể thay đổi rất rộng và các tiêu chí thông thường để phân các nhóm không được áp dụng.

321: Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan

Nhóm này gồm: Sản xuất đồ trang sức và trang sức mỹ ký.

3211 - 32110: Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ngọc trai nhân tạo;
- Sản xuất đá quý và đá bán quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi hoặc nhân tạo;
- Làm kim cương;
- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác;
- Sản xuất các chi tiết vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: Đồ ăn như dao, đĩa, thìa bát đĩa..., ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo...;
- Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại...;
- Đồng hồ bằng kim loại (quý); cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá;
- Sản xuất đồng xu, bao gồm đồng xu dùng trong các phiên đấu thầu pháp lý, bằng hoặc không bằng kim loại quý.

Nhóm này cũng gồm: Chạm khắc sản phẩm kim loại quý hoặc không quý của cá nhân.

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim loại (bằng da, nhựa...) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);
- Sản xuất các chi tiết bằng kim loại cơ sở mạ kim loại quý được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị));
- Sản xuất hộp đồng hồ được phân vào nhóm 2652 (Sản xuất đồng hồ);
- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);
- Sản xuất đồ trang sức giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

3212 - 32120: Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất y phục hoặc đồ trang sức giả như:
- + Nhẫn, vòng tay, vòng cổ, trâm cài, hoa tai và các chi tiết trang sức tương

tự được làm từ tấm kim loại thường mạ kim loại quý,

+ Đồ trang sức giả bao gồm đá giả như đá ngọc giả, kim cương giả,...

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại (trừ kim loại quý).

Loại trừ:

- Sản xuất đồ trang sức từ kim loại quý hoặc mạ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ trang sức bao gồm đá ngọc thật được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

322 - 3220 - 32200: Sản xuất nhạc cụ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đàn dây;

- Sản xuất dụng cụ bàn phím có dây, bao gồm cả piano tự động;

- Sản xuất đàn hộp có bàn phím, bao gồm đàn hơi và các đàn có bàn phím tương tự;

- Sản xuất đàn accoóc và dụng cụ tương tự, bao gồm đàn thổi bằng miệng;

- Sản xuất đàn gió;

- Sản xuất nhạc khí gỗ, ví dụ như trống, xylophone, cumbal, castanet, maraca;

- Sản xuất nhạc cụ âm thanh mà âm thanh được tạo ra hoặc phải được khuếch đại bằng điện, như: đàn piano kỹ thuật số; đàn synthesizer;

- Sản xuất đàn hộp;

- Sản xuất các phụ tùng nhạc cụ như: Máy nhịp, âm thoa, ống sáo điều chỉnh âm điệu, thè, đĩa nhạc và các cuộn cho dụng cụ cơ khí tự động...

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất sáo, còi và các dụng cụ thổi khác.

Loại trừ:

- Tái sản xuất đĩa, băng video và thu âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất microphone, âmly, loa phóng thanh, tai nghe và các bộ phận tương tự, được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất thiết bị ghi, thu thanh và tương tự được phân vào nhóm 26400

(Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất đồ chơi dạng nhạc cụ được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất đàn oóc và các dụng cụ âm nhạc lịch sử khác được phân vào nhóm 33190 (Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác);

- Xuất bản đĩa, băng video và thu âm thanh được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc);

- Sản xuất điều chỉnh âm thanh piano được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

323 - 3230 - 32300: Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao

Nhóm này gồm: Sản xuất dụng cụ thể thao và điền kinh (trừ trang phục và giày, dép).

Cụ thể:

- Sản xuất các sản phẩm và thiết bị cho thể thao, cho các cuộc thi đấu trong nhà và ngoài trời, bằng mọi loại chất liệu như:

- + Bóng cứng, mềm và bóng cao su,
- + Vợt, gậy đánh gôn,
- + Ván trượt tuyết, sào, cọc chèo thuyền,
- + Thuyền buồm, thuyền lướt sóng,
- + Dụng cụ cần thiết cho câu cá, bao gồm cả lưới,
- + Dụng cụ cần thiết cho săn bắn, leo núi...
- + Găng tay da thể thao làm bằng da hoặc da tổng hợp,
- + Giày trượt băng, giày trượt tuyết...
- + Bồn bơi, bể bơi phao cho trẻ nhỏ,...;
- + Cung, nỏ,
- + Phòng tập thể dục, thể hình hoặc thiết bị điền kinh.

Loại trừ:

- Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo thể thao được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục

(trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất yên cương và bộ yên cương được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất roi và tay cầm của roi đua được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giày thể thao được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất vũ khí và đạn được cho thể thao, săn bắn hoặc bắn mục tiêu được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn được);

- Sản xuất cân kim loại được sử dụng cho môn cử tạ được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất xe thể thao không phải xe trượt băng và các loại xe tương tự được phân vào ngành 29 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác) và 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác);

- Sản xuất thuyền thể thao và giải trí được phân vào nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí);

- Sản xuất bàn bi-a và dụng cụ ném bóng được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất nút tai và nút tránh tiếng ồn (ví dụ cho bơi lội hoặc bảo vệ khỏi tiếng ồn) được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất các loại mũ bảo hiểm an toàn được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sửa chữa đồ thể thao được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

324 - 3240 - 32400: Sản xuất đồ chơi, trò chơi

Nhóm này gồm:

Sản xuất búp bê, đồ chơi, như búp bê hoàn chỉnh, các bộ phận của búp bê, quần áo búp bê, phần chuyển động, đồ chơi, trò chơi (gồm cả điện), xe đạp trẻ con (trừ xe đạp bằng kim loại và xe ba bánh).

Cụ thể:

- Sản xuất búp bê và quần áo, phụ kiện cho búp bê;

- Sản xuất đồ chơi động vật;

- Sản xuất đồ chơi có bánh xe được thiết kế để cưỡi, bao gồm xe đạp và xe ba bánh;

- Sản xuất dụng cụ đồ chơi âm nhạc;
- Sản xuất các chi tiết cho hội chợ vui chơi, trên bàn hoặc trong phòng;
- Sản xuất bài tây;
- Sản xuất trò chơi và đồ chơi bằng giấy hoặc bìa;
- Sản xuất bàn để chơi trò bắn đạn, chơi xu, bi-a, bàn đặc biệt cho casino...;
- Sản xuất máy chơi game và đánh bạc;
- Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí, cờ...;
- Sản xuất kiểu thu nhỏ và kiểu tái tạo tương tự, tàu điện điện tử, bộ xây dựng...;
- Sản xuất trò chơi câu đố...;
- Sản xuất máy bay không người lái cho mục đích giải trí (đồ chơi máy bay không người lái)...

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất đồ chơi bằng vải.

Loại trừ:

- Sản xuất các chương trình trò chơi video được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất máy bay không người lái cho mục đích phi giải trí được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);
- Sản xuất xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);
- Sản xuất các sản phẩm mang tính hài hước và mới lạ được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);
- Viết và xuất bản phần mềm cho trò chơi video giải trí được phân vào nhóm 5821 (Xuất bản trò chơi điện tử), 6211 (Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử).

325 - 3250: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các dụng cụ và đồ đặc thí nghiệm, dụng cụ y tế và phẫu thuật, các thiết bị và dụng cụ phẫu thuật, thiết bị nha khoa, răng giả và các dụng cụ chỉnh răng, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Loại trừ:

- Sản xuất giày đặc biệt được sản xuất hàng loạt hỗ trợ vòm bàn chân được

phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất bột và keo dán răng giả được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);

- Sản xuất bông gòn, gạc, băng và các sản phẩm tương tự như: băng dán, thạch cao kết dính, thuốc đắp được ngâm tẩm bằng được chất được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hóa được và được liệu);

- Sản xuất thiết bị điện trị liệu và thiết bị điện y tế được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất máy trợ thính được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất xe lăn được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật).

32501: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khăn trải phẫu thuật, chỉ và khăn y tế vô trùng;

- Sản xuất mặt nạ bảo vệ cá nhân, như: FFP2, FFP3, khẩu trang y tế;

- Sản xuất chất hàn răng và bột xi măng hàn răng (trừ chất dính răng giả hoặc bột hàn răng giả), sáp nha khoa và điều chế bột thạch cao nha khoa khác;

- Sản xuất lò thí nghiệm nha khoa;

- Sản xuất máy làm sạch siêu âm trong phòng thí nghiệm;

- Sản xuất máy khử trùng trong phòng thí nghiệm, máy li tâm phòng thí nghiệm;

- Sản xuất dụng cụ y tế, nha khoa, phẫu thuật hoặc thú y, như:

- + Bàn mổ,

- + Bàn khám nghiệm,

- + Giường bệnh với các thiết bị kèm theo,

- + Ghế chữa răng.

- Sản xuất các sản phẩm được thiết kế đặc biệt để sử dụng riêng cho cấy ghép trong y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, như: các tấm kim loại để lại vĩnh viễn trong cơ thể để thay thế một phần hoặc toàn bộ xương;

- Sản xuất ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò...

- Sản xuất dụng cụ và thiết bị nha khoa;

- Sản xuất răng giả và các phụ kiện;

- Sản xuất mắt thủy tinh;
- Sản xuất nhiệt kế y tế;
- Sản xuất sản phẩm nhãn khoa, kính mắt, kính râm, kính áp tròng theo toa, kính áp tròng, kính bảo vệ mắt,...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất thiết bị cơ điện để điều trị da;
- Sản xuất ghế massage chuyên nghiệp.

32502: Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dụng cụ chỉnh hình như: Nạng, thắt lưng và băng giữ ngoại khoa, giày và corset chỉnh hình, nẹp và những thiết bị bó xương khác,...;
- Sản xuất giày chỉnh hình được sản xuất để đo giày chỉnh hình và đế lót đặc biệt để chỉnh tình trạng chỉnh hình;
- Sản xuất thiết bị giúp ích cho người bệnh như: Máy giúp cho người khuyết tật đi lại,...;
- Sản xuất chân tay giả và các bộ phận giả khác của cơ thể...

329 - 3290 - 32900: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như:
 - + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn,
 - + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác,
 - + Sản xuất phao cứu sinh,
 - + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ: mũ thể thao),
 - + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy),
 - + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác,
 - + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn),
 - + Sản xuất mặt nạ phòng độc.
- Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn

chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...;

- Sản xuất bàn chải giày, quần áo;
- Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không;
- Sản xuất lõi bút chì;
- Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính;
- Sản xuất găng tay;
- Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ;
- Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt;
- Sản xuất thuốc lá điện tử;
- Sản xuất bật lửa thuốc lá và các loại bật lửa khác;
- Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày;
- Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự, hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh...;
- Hoạt động nhồi bông thú;
- Làm con dấu.

Loại trừ:

- Sản xuất bắc đèn được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất quần áo lao động và phục vụ (ví dụ: quần áo bảo hộ lao động, đồng phục, áo khoác trong phòng thí nghiệm) được phân vào nhóm 14100 (Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));
- Sản xuất hình nộm, đồ trang trí bằng giấy được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);
- Sản xuất đồ trang trí bằng nhựa được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Sản xuất khẩu trang bảo hộ cá nhân riêng lẻ được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

33: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG VÀ LẮP ĐẶT MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Ngành này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp nhằm khôi phục lại máy móc thiết bị và các sản phẩm khác. Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này bảo đảm chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết;

- Các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng chuyên dụng. Một khối lượng khá lớn công việc sửa chữa cũng được các nhà sản xuất các sản phẩm máy móc thiết bị thực hiện, trong các trường hợp này việc xếp đơn vị tham gia vào các hoạt động sửa chữa và sản xuất này sẽ dựa vào nguyên tắc giá trị gia tăng mà theo thói thường các hoạt động kết hợp này thường được xếp vào sản xuất hàng hóa. Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng với hoạt động thương mại và sửa chữa kết hợp;

- Tái tạo và tái sản xuất máy móc thiết bị cũng được coi là hoạt động sản xuất;

Ngành này cũng gồm: Lắp đặt chuyên biệt máy móc.

Loại trừ:

- Làm sạch máy công nghiệp được phân vào nhóm 81290 (Dịch vụ vệ sinh khác);

- Lắp đặt thiết bị là một phần không thể tách rời của nhà cửa hoặc công trình tương tự, ví dụ: lắp đặt hệ thống đường dây điện, thang cuốn, lắp đặt hệ thống điều hoà không khí được phân vào phần xây dựng;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 951 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);

- Sửa chữa và bảo dưỡng hàng hóa là tài sản cố định cũng như đồ tiêu dùng được phân vào sửa chữa và bảo dưỡng đồ gia dụng (ví dụ sửa chữa thiết bị văn phòng hay đồ nội thất được phân vào nhóm 95240 (Sửa chữa, bảo dưỡng giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự);

- Sửa chữa và bảo dưỡng đồ dùng gia đình được phân vào nhóm 952 (Sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng cá nhân và gia đình).

331: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn

Nhóm này gồm: Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc và thiết bị gồm sửa chữa chuyên môn các sản phẩm sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo với mục đích khôi phục lại các sản phẩm kim loại, máy móc, thiết bị này và các sản phẩm khác đi vào hoạt động.

Nhóm này cũng gồm: Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này bảo đảm chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết.

Loại trừ:

- Tái sản xuất hoặc tái chế tạo máy móc, thiết bị được phân vào mã tương ứng trong các ngành từ 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)) đến 31 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế);

- Làm sạch máy công nghiệp được phân vào nhóm 81290 (Dịch vụ vệ sinh khác);

- Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính và thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 951 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);

- Sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng gia đình được phân vào nhóm 952 (Sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng cá nhân và gia đình).

3311 - 33110: Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn của ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)) như:

+ Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại,

+ Sửa chữa, bảo dưỡng đường ống,

+ Sửa chữa hàn cơ động,

+ Sửa chữa các thùng hàng hóa bằng thép của tàu thủy,

+ Sửa chữa, bảo dưỡng các máy phát chạy hơi nước và khí khác.

- Sửa chữa, bảo dưỡng các bộ phận phụ cho việc sử dụng máy phát chạy hơi nước như: Tụ điện, bộ phận tiết kiệm (xăng...), nồi đun sôi, bộ thu nhiệt, ắc quy;

- Sửa chữa, bảo dưỡng lò phản ứng hạt nhân, loại trừ máy tách chất đồng vị;

- Sửa chữa, bảo dưỡng nồi hơi điện hoặc dùng cho ngành hàng hải;

- Sửa chữa phần tấm/bộ phận tấm của nồi hơi trung tâm và bộ tản nhiệt;

- Sửa chữa, bảo dưỡng vũ khí và quân nhu (bao gồm sửa chữa súng thể thao và giải trí).

Loại trừ:

- Mài dao và cưa được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị);

- Sửa chữa, bảo dưỡng xe đẩy hàng được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

- Sửa chữa hệ thống lò sưởi trung tâm được phân vào nhóm 4322 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí);

- Dịch vụ sửa khóa được phân vào nhóm 80190 (Dịch vụ bảo đảm an toàn khác).

3312 - 33120: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị

Nhóm này gồm:

Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp hoặc thương mại như mài hoặc lắp đặt lưỡi và răng cưa máy móc hoặc cung cấp dịch vụ hàn sửa chữa (ví dụ như động cơ); sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp và các máy móc nặng khác (ví dụ thiết bị bốc dỡ vật liệu và xe nâng, các công cụ máy, thiết bị làm lạnh thương mại, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ), bao gồm cả máy móc thiết bị của ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu).

Cụ thể:

- Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ, trục động cơ cho xe cơ giới, tàu thủy, thuyền và máy bay;

- Sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy xe lửa;

- Sửa chữa, bảo dưỡng máy bơm, máy nén khí và thiết bị có liên quan;

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị sử dụng điện năng từ thủy lực;

- Sửa chữa van;

- Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe;

- Sửa chữa, bảo dưỡng các lò luyện trong công nghiệp;

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nâng hạ và thiết bị vận chuyển bốc dỡ vật liệu;

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị làm lạnh công nghiệp và thiết bị lọc không khí;

- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thông dụng cho mục đích thương mại;

- Sửa chữa các dụng cụ cầm tay dùng điện;

- Sửa chữa, bảo dưỡng các dụng cụ và phụ tùng máy móc cắt kim loại và tạo hình kim loại cùng phụ kiện;

- Sửa chữa, bảo dưỡng các dụng cụ máy móc khác;

- Bảo dưỡng, sửa chữa máy kéo nông nghiệp;

- Sửa chữa máy nông nghiệp, máy lâm nghiệp và lấy gỗ;

- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị cho luyện kim;

- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và

khí đốt;

- Sửa chữa máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy sản xuất hàng dệt, quần áo và da;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy làm giấy;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy sản xuất nhựa và cao su;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc dùng cho mục đích chuyên dụng khác của ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cần;
- Sửa chữa máy bán hàng tự động;
- Sửa chữa máy tính tiền;
- Sửa chữa máy tính điện tử hoặc không;
- Sửa chữa máy chữ;
- Sửa chữa máy photocopy.

Loại trừ:

- Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ tàu thủy và thuyền dân dụng được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));
- Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ máy bay dân dụng được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));
- Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ cho các phương tiện chiến đấu quân sự, tàu thuyền, máy bay và tàu vũ trụ được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)).
- Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các lò luyện trong công nghiệp và thiết bị đốt nóng khác được phân vào nhóm 4322 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí);
- Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thang máy và thang cuốn được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác);
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);
- Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ xe cơ giới được phân vào nhóm 95310 (Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác).

3313 - 33130: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị của nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển), 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp) và 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học), trừ những thiết bị được coi là đồ gia dụng;

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển của nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển), cụ thể:

- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị động cơ máy bay,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị kiểm tra bộ phận thoát khí tự động,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị kiểm tra và giám sát các tính chất hóa học, vật lý và điện,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng các công cụ dùng để điều tra,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị kiểm tra và phát hiện bức xạ.

Nhóm này cũng gồm:

- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị chiếu chụp X quang, điện liệu pháp, điện y của nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp), cụ thể:

- + Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị hình ảnh cộng hưởng từ,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị siêu âm y tế,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hoà nhịp tim,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng máy trợ thính,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng máy đo nhịp tim bằng điện,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nội soi,
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chiếu chụp.

- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị quang học, tức là các thiết bị của nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học), nếu việc sử dụng chủ yếu trong thương mại như: kính lúp, ống nhòm, kính hiển vi (loại trừ loại dùng nghiên cứu electron và proton), kính thiên văn, lăng kính và thấu kính (loại trừ kính mắt), thiết bị chụp ảnh.

Loại trừ:

- Sửa chữa máy photocopy được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị);
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);
- Sửa chữa máy chiếu của máy tính được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);
- Sửa chữa tivi và máy quay video thương mại được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);
- Sửa chữa máy quay video loại dùng cho gia đình được phân vào nhóm 95210 (Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng);
- Sửa chữa các loại đồng hồ được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

3314 - 33140: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện

Nhóm này gồm:

Sửa chữa, bảo dưỡng các hàng hóa của ngành 27, cụ thể:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt;
- Sửa chữa, bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện và bộ mô tơ máy phát điện;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các rơle và bộ điều khiển công nghiệp;
- Sửa chữa, bảo dưỡng pin và ắc quy;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện.

Nhóm này cũng gồm: Sửa chữa, bảo dưỡng trạm sạc xe điện.

Loại trừ:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 95220 (Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình);
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị viễn thông được phân vào nhóm 95100 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông);

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử tiêu dùng được phân vào nhóm 95210 (Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng);

- Sửa chữa các loại đồng hồ được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

3315 - 33150: Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị vận tải của ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác), trừ mô tô và xe đạp. Tuy nhiên, việc đóng lại hoặc đại tu tại nhà máy tàu thủy, đầu máy, ô tô và máy bay được phân vào ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác);

- Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tàu thuyền;

- Sửa chữa, bảo dưỡng thuyền giải trí;

- Sửa các đầu máy xe lửa và toa xe (loại trừ việc làm mới hoặc chuyển đổi);

- Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay (loại trừ việc chuyển đổi, khảo sát và đại tu, làm mới);

- Sửa chữa, bảo dưỡng các động cơ máy bay;

- Sửa chữa xe ngựa và xe kéo bằng súc vật;

- Sửa chữa ghe xuồng.

Loại trừ:

- Tái tạo tàu thuyền tại nhà máy được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cầu kiện nổi);

- Tái tạo đầu máy và xe chạy đường sắt được phân vào nhóm 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray);

- Sửa chữa máy bay tại nhà máy được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Sửa chữa động cơ tàu thủy hoặc đường sắt được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị);

- Việc cạo gỉ và tháo dỡ tàu thủy được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô và xe máy được phân vào nhóm 95320 (Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy);

- Sửa xe đạp và xe lăn được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

3319 - 33190: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác

Nhóm này gồm: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị không nằm trong các mã khác của nhóm này.

Cụ thể:

- Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;
- Sửa chữa dây, đòn bẫy, buồm, mái che;
- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hóa chất;
- Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự;
- Sửa chữa máy chơi game và máy đánh bạc;
- Phục chế đàn organ và nhạc cụ tương tự;
- Sửa chữa giường bệnh.

Loại trừ:

- Sửa chữa các loại đồ dùng gia đình và văn phòng, tân trang các đồ đạc được phân vào nhóm 95240 (Sửa chữa, bảo dưỡng giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự);
- Sửa xe đạp được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu);
- Sửa quần áo được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu).

332 - 3320 - 33200: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Nhóm này gồm:

Lắp đặt máy móc chuyên dụng. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là bộ phận không thể thiếu của các toà nhà hoặc các cấu trúc tương tự, như lắp đặt dây dẫn điện, hệ thống chuông báo trộm hay lắp đặt hệ thống điều hòa, thang máy được xếp vào xây dựng.

Cụ thể:

- Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp;
- Lắp đặt, lắp ráp thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp;
- Lắp đặt các thiết bị công nghiệp khác, ví dụ: thiết bị liên lạc, máy tính lớn

và máy tương tự, thiết bị chiếu xạ và điện y học...

- Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn;
- Hoạt động của thợ lắp máy;
- Lắp đặt thiết bị máy;
- Lắp đặt các thiết bị chơi bowling...;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị kho bãi.

Nhóm này cũng gồm:

- Lắp đặt kệ, nhà kho quy mô lớn (không phải là một phần không thể thiếu của tòa nhà);
- Lắp đặt các trạm sạc độc lập.

Loại trừ:

- Lắp đặt trạm sạc trong hộp treo tường được phân vào ngành F (Xây dựng);
- Xây dựng kho hàng hoàn chỉnh được phân vào nhóm 410 (Xây dựng nhà các loại);
- Lắp đặt thang máy, thang cuốn, cửa tự động, hệ thống hút bụi,... được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác);
- Lắp đặt cửa, cầu thang, phụ kiện cửa hàng, đồ nội thất,... được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng);
- Lắp dựng kết cấu thép cho kệ chứa hàng trong kho được phân vào nhóm 43900 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác);
- Lắp đặt (cài đặt) máy tính cá nhân được phân vào nhóm 62900 (Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác).

D: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Ngành này gồm:

- Hoạt động sản xuất, lưu trữ, giám sát, phân phối, mua bán và môi giới năng lượng điện, khí tự nhiên để cung cấp thông qua một hệ thống ống dẫn, đường dây ổn định lâu dài (mạng lưới). Ở đây, cũng bao gồm cả việc cung cấp điện, khí đốt, hơi nước, nước nóng và các loại tương tự trong khu công nghiệp hoặc khu nhà ở cao tầng;
- Hoạt động cung cấp điện và ga, bao gồm thu thập, giám sát và phân phối điện, ga. Nó cũng bao gồm cung cấp hơi nước và điều hoà không khí.

Loại trừ:

- Khai thác khí tự nhiên được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);
- Hoạt động cung cấp nước và xử lý nước thải được phân vào ngành 36 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước), ngành 37 (Thoát nước và xử lý nước thải);
- Vận chuyển gas qua đường ống, tức là không qua mạng lưới phân phối được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

35: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**351: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện**

Ngành này gồm: Việc sản xuất điện năng, việc chuyển điện từ nơi sản xuất đến các trung tâm phân phối và phân phối đến người sử dụng cuối cùng.

Ngành này cũng gồm: Bán và lưu trữ điện năng.

Loại trừ:

- Sản xuất, phân phối hơi nước và nước nóng được phân vào nhóm 353 (Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá);
- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác được phân vào nhóm 354 (Hoạt động trung gian hoặc đại lý điện, khí đốt).

3511: Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo

Nhóm này gồm: Sản xuất điện từ các nguồn không tái tạo, ví dụ như khí tự nhiên, than đá, các sản phẩm dầu mỏ, than bùn và các nhiên liệu hóa thạch khác và các nguồn không tái tạo không phát thải như hạt nhân.

Loại trừ:

- Sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo được phân vào nhóm 3512 (Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo);
- Sản xuất điện từ việc đốt rác thải được phân vào nhóm 38211 (Sản xuất điện từ rác thải).

35111: Nhiệt điện than

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ than đá.

35112: Nhiệt điện khí

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ khí thiên nhiên.

35113: Điện hạt nhân

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng hạt nhân.

35119: Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo khác

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ các nguồn năng lượng không tái tạo khác như: dầu diesel, hydro sản xuất từ nguồn năng lượng không tái tạo, tua bin khí....

3512: Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo

Nhóm này gồm: Sản xuất điện từ các nguồn tái tạo, ví dụ như khí sinh học, thủy điện, gió, năng lượng mặt trời, địa nhiệt, thủy triều, sóng biển...

Loại trừ:

- Sản xuất điện từ các nguồn năng lượng không tái tạo được phân vào nhóm 3511 (Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo);

- Sản xuất điện từ việc đốt rác thải được phân vào nhóm 38211 (Sản xuất điện từ rác thải).

35121: Thủy điện

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng nước.

35122: Điện gió

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng gió.

35123: Điện mặt trời

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

35124: Điện sinh khối

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng sinh khối.

35125: Sản xuất điện hydro từ nguồn năng lượng tái tạo

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện hydro từ các nguồn năng lượng tái tạo.

35129: Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác

Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo khác như: sóng biển, thủy triều, địa nhiệt....

3513: Truyền tải và phân phối điện

Nhóm này gồm: Việc chuyển điện từ nơi sản xuất đến các trung tâm phân phối và phân phối đến người sử dụng cuối cùng.

35131: Truyền tải điện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các hệ thống truyền tải, vận chuyển điện từ nơi sản xuất đến hệ thống phân phối;

- Hoạt động trao đổi điện và khả năng truyền tải điện, trừ thông qua các trung gian.

35132: Phân phối điện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của hệ thống phân phối (tức là gồm có các tuyến dây, cột, đồng hồ đo và dây dẫn) vận chuyển điện từ nơi sản xuất hoặc hệ thống truyền tải đến người tiêu dùng cuối cùng;

- Thuê và cho thuê mạng lưới phân phối điện;

- Phân phối điện vào lưới điện chính;

- Bán điện cho người sử dụng;

- Chuyển đổi năng lượng điện thành dạng năng lượng có thể lưu trữ, lưu trữ năng lượng đó và sau đó chuyển đổi lại thành năng lượng điện, ví dụ như: hoạt động của các hệ thống lưu trữ thủy điện, hệ thống lưu trữ khí nén, hệ thống lưu pin,...

- Phân phối điện lưu trữ vào lưới điện chính.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của các trạm sạc cho xe điện, ví dụ như: trạm sạc ô tô điện; xe máy, xe tay ga và xe đạp điện,...

- Hoạt động của các trạm sạc cho các thiết bị điện tử, ví dụ như: điện thoại di động, máy tính xách tay,...

352 - 3520: Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí đốt, lưu trữ và phân phối khí tự nhiên hoặc tổng hợp tới người tiêu dùng cuối cùng thông qua một hệ thống đường ống chính;

- Các hoạt động cung cấp gas riêng biệt bằng đường ống dẫn khí, chủ yếu là khoảng cách dài, nối người sản xuất với nhà phân phối khí hoặc giữa thành thị với nông thôn được phân vào nhóm hoạt động vận tải đường ống.

Loại trừ:

- Khai thác khí tự nhiên được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý khí đốt mà sắp xếp việc mua bán khí đốt thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác được phân vào

nhóm 35400 (Hoạt động trung gian hoặc đại lý điện, khí đốt).

- Hoạt động của các lò than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);
- Sản xuất các sản phẩm dầu tinh chế được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);
- Sản xuất khí đốt công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);
- Bán buôn nhiên liệu khí đốt được phân vào nhóm 4671 (Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan);
- Bán lẻ gas đựng trong chai được phân vào nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ));
- Bán thẳng nhiên liệu được phân vào nhóm 47300 (Bán lẻ nhiên liệu động cơ) và nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ));
- Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài), tức là không qua mạng lưới phân phối được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).
- Các hoạt động cung cấp gas riêng biệt bằng đường ống dẫn khí, chủ yếu là khoảng cách dài, nối người sản xuất với nhà phân phối khí hoặc giữa thành thị với nông thôn được phân vào nhóm hoạt động vận tải đường ống.

35201: Sản xuất khí đốt

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí đốt cho mục đích cung cấp khí đốt từ than đá, phế phẩm của nông nghiệp hoặc rác thải;
- Sản xuất nhiên liệu khí với giá trị toả nhiệt đặc biệt từ quá trình lọc, pha trộn và các quá trình sản xuất khác các loại khí bao gồm cả khí tự nhiên.

Loại trừ:

- Sản xuất khí hữu cơ cơ bản, không sử dụng cho cung cấp năng lượng qua mạng lưới được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản);
- Sản xuất khí lò cao được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang);
- Sản xuất khí phụ phẩm sinh ra từ các bãi chôn lấp được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu hủy rác thải).

35202: Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

Nhóm này gồm:

- Vận chuyển, phân phối và cung cấp nhiên liệu khí các loại thông qua hệ thống ống dẫn chính;

- Lưu trữ và dịch vụ lưu trữ khí, ví dụ như bán khả năng lưu trữ khí đốt tự nhiên,...

- Bán khí đến người sử dụng thông qua ống dẫn chính;

- Trao đổi nhiên liệu khí và khả năng vận chuyển nhiên liệu khí, trừ thông qua các trung gian.

Loại trừ:

- Hoạt động của các lò than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);

- Sản xuất các sản phẩm dầu tinh chế và khí đốt hóa lỏng (LPG) được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch);

- Sản xuất khí đốt công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);

- Bán buôn nhiên liệu khí đóng chai được phân vào nhóm 4671 (Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan);

- Bán lẻ nhiên liệu khí cho xe cơ giới và xe máy được phân vào nhóm 47300 (Bán lẻ nhiên liệu động cơ);

- Bán lẻ nhiên liệu sưởi ấm hộ gia đình và nhiên liệu khí đóng chai được phân vào nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ));

- Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài), tức là không qua mạng lưới phân phối được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

353 - 3530: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá

35301: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí

Nhóm này gồm:

- Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác;

- Sản xuất và phân phối không khí lạnh, ví dụ như cung cấp điều hòa không khí,...

- Sản xuất và phân phối nước lạnh cho mục đích làm mát.

Nhóm này cũng gồm: Lưu trữ năng lượng nhiệt.

Loại trừ:

- Sản xuất đá từ nước tự nhiên cho mục đích làm mát được phân vào nhóm

35302 (Sản xuất nước đá);

- Sản xuất hơi nước, nước nóng thông qua đốt rác thải được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu hủy rác thải).

35302: Sản xuất nước đá

Nhóm này gồm: Sản xuất đá từ nước tự nhiên cho mục đích làm mát.

Loại trừ: Sản xuất đá ăn được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

354 - 3540 - 35400: Hoạt động trung gian hoặc đại lý điện, khí đốt

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác;

- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý khí đốt mà sắp xếp việc mua bán khí đốt thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác;

- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý cho trao đổi hàng hóa và khả năng phân phối nhiên liệu khí.

- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý cho sản xuất, khả năng phân phối và truyền tải điện, trao đổi năng lượng điện.

Loại trừ:

- Lưu trữ và phân phối hoặc cung cấp điện cho người dùng thông qua hệ thống đường ống chính bởi nhà sản xuất được phân vào nhóm 351 (Sản xuất, truyền tải và phân phối điện);

- Lưu trữ và phân phối hoặc cung cấp khí tự nhiên cho người dùng qua hệ thống ống dẫn chính bởi nhà sản xuất được phân vào nhóm 352 (Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống);

- Dịch vụ trung gian vận chuyển nhiên liệu khí được phân vào nhóm 52310 (Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa).

E: CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI

Ngành này gồm: Các hoạt động liên quan đến quản lý (bao gồm thu gom, xử lý sơ bộ, tái chế và loại bỏ) các loại rác như rác thải công nghiệp, rác thải gia đình thể rắn hoặc không phải rắn cũng như các khu vực bị nhiễm bẩn. Đầu ra của quá trình xử lý rác hoặc nước thải có thể bị loại bỏ hoặc trở thành đầu vào của quá trình sản xuất khác. Nguyên liệu thô thứ cấp là các vật liệu và sản phẩm có thể được sử dụng làm nguyên liệu thô bằng cách tái sử dụng hoặc thông qua tái chế hoặc phục hồi chất thải. Các hoạt động cung cấp nước cũng được phân nhóm vào

ngành này vì chúng thường được thực hiện liên quan với các đơn vị tham gia vào hoạt động xử lý nước thải. Các hoạt động khắc phục các tòa nhà, địa điểm, đất, nước mặt và nước ngầm bị ô nhiễm (ví dụ: rừng ngập mặn, biển),... Các đơn vị thường đảm nhận hoạt động xử lý chất thải của khách hàng và trở thành khách hàng của bên vận chuyển chất thải, sau đó tính phí khách hàng của họ cho dịch vụ xử lý chất thải và được phân vào nhóm ngành 38 (Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu) mặc dù các đơn vị này không tự cung cấp các dịch vụ đó nhưng họ phải chịu trách nhiệm thực hiện chúng. Hoạt động này được coi là việc thuê ngoài hoàn toàn một dịch vụ.

Ngành này cũng gồm: Thu giữ và lưu trữ các-bon.

Loại trừ:

- Hoạt động của các đại lý chất thải được phân vào nhóm 46101 (Đại lý bán hàng hóa);

- Bán buôn chất thải được phân vào nhóm 4679 (Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu).

36: KHAI THÁC, XỬ LÝ VÀ CUNG CẤP NƯỚC

Ngành này gồm: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho người sử dụng. Khai thác nước ở các nguồn khác nhau cũng như phân phối nước bằng các cách khác nhau.

360 - 3600 - 36000: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Ngành này gồm:

- Khai thác nước từ sông, hồ, ao, nước ngầm...;
- Thu nước mưa;
- Xử lý nước để cung cấp;
- Xử lý nước cho mục đích công nghiệp và các mục đích khác;
- Xử lý nước lợ, nước mặn để cung cấp nước như là sản phẩm chính;
- Cung cấp nước thông qua mạng lưới đường ống, bằng xe bồn chuyên chở hoặc các phương tiện khác;

Ngành này cũng gồm:

- Hoạt động của các kênh tưới nước;
- Cho thuê hệ thống cung cấp nước.

Loại trừ:

- Hoạt động của hệ thống tưới tiêu và thiết bị tưới tiêu cho mục đích nông nghiệp được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt);

- Xử lý nước thải để tránh ô nhiễm được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải);
- Vận chuyển nước qua ống dẫn (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống);
- Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và các loại nước đóng chai khác được phân vào nhóm 11051 (Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai);
- Lắp đặt đồng hồ nước được phân vào nhóm 43221 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Đọc đồng hồ nước bởi bên thứ ba được phân vào nhóm 82990 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu).

37: THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngành này gồm: Hoạt động của hệ thống thoát nước hoặc cơ sở xử lý nước thải để thu dọn, xử lý và tiêu hủy nước thải.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động của các cơ sở xử lý nước thải để tái sử dụng, ví dụ như xử lý nước thải nông nghiệp, công nghiệp, nước rửa đường, nước mưa,...

370 - 3700: Thoát nước và xử lý nước thải

37001: Thoát nước

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải;

- Thu gom và vận chuyển nước thải từ người sử dụng, ví dụ như tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn tập trung thông qua hệ thống thoát nước.

- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước, bao gồm thông cống.

Nhóm này cũng gồm:

- Hút và làm sạch hố xí, bể tự hoại, bồn rửa, bể chứa nước thải,...;

- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

Loại trừ:

- Xây dựng hoặc sửa chữa hệ thống thoát nước được phân vào nhóm 42220 (Xây dựng công trình cấp, thoát nước);

- Vệ sinh và thông tắc đường ống thoát nước trong các tòa nhà được phân vào nhóm 43221 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);

- Cho thuê nhà vệ sinh di động cấp nước trực tiếp được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

37002: Xử lý nước thải

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các công trình xử lý nước thải, bùn thải để tái sử dụng, ví dụ như: nước thải nông nghiệp, công nghiệp, nước rửa đường, nước mưa... hoặc để bổ sung nhân tạo nước dưới đất, nước ngầm;

- Xử lý nước thải, bùn thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải khác) bằng các công trình xử lý nước thải, bùn thải, ví dụ: sấy khô bùn thải trong quá trình xử lý nước thải...;

- Duy tu và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

Loại trừ:

- Xử lý bùn thải được tạo ra từ quá trình xử lý nước thải bằng các công nghệ xử lý như phương pháp ủ hoặc phân hủy sinh học như ủ hiếu khí, ủ kỵ khí, đốt... có hoặc không thu hồi năng lượng được phân vào nhóm 38302 (Tái chế phế liệu phi kim loại);

- Xử lý nước mặt và nước ngầm bị ô nhiễm được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

38: HOẠT ĐỘNG THU GOM, XỬ LÝ VÀ TIÊU HỦY RÁC THẢI; TÁI CHẾ PHÉ LIỆU

Ngành này gồm: Thu gom, xử lý sơ bộ để tái chế hoặc tiêu hủy, tái chế và tiêu hủy chất thải và hoạt động của các cơ sở này. Việc thu gom chất thải chỉ nhằm mục đích hỗ trợ việc tái chế hoặc tiêu hủy do cùng một cơ sở thực hiện được coi là hoạt động tái chế chất thải hoặc xử lý chất thải.

Ngành này cũng gồm:

- Việc chuyển chở rác thải và hoạt động của các cơ sở tái chế phế liệu, tức là việc phân loại sắp xếp các nguyên, vật liệu có thể giữ lại từ vật thải thành nguyên liệu thô thứ cấp;

- Hoạt động của các đơn vị thực hiện việc quản lý chất thải của cơ sở sản xuất thay mặt cho cơ sở sản xuất chất thải. Các đơn vị này thường chịu trách nhiệm xử lý chất thải từ nhà sản xuất giao cho họ. Các hoạt động bao gồm: hoạt động trả, thu gom và thu lại bao bì đã qua sử dụng hoặc chất thải bao bì hoặc để tái chế và xử lý các sản phẩm được trả lại hoặc sản phẩm đã sử dụng.

Loại trừ: Bán buôn rác thải được phân vào nhóm 46797 (Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại).

381: Thu gom rác thải

Nhóm này gồm: Việc thu gom rác thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng túi, xe rác và thùng chứa,... Nó bao gồm việc thu gom rác thải độc hại và không độc hại, ví dụ như rác thải từ hộ gia đình, ốc quy đã qua sử dụng, dầu và mỡ nấu đã qua sử dụng, dầu thải ra từ tàu thuyền và dầu đã dùng của các gara ô tô, rác thải từ công trình xây dựng và bị phá hủy.

3811 - 38110: Thu gom rác thải không độc hại

Nhóm này gồm:

- Thu gom các chất thải rắn không độc hại (rác nhà bếp) trong khu vực địa phương, như là việc thu gom các rác thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng các túi rác, xe rác, thùng chứa,... có thể lẫn lộn cả các nguyên liệu có thể giữ lại để sử dụng;
- Thu gom các nguyên liệu có thể tái chế (đã phân loại hoặc chưa phân loại);
- Thu gom chất thải không độc hại có nguồn gốc từ động vật hoặc thực vật;
- Thu gom dầu và mỡ ăn đã qua sử dụng;
- Thu gom rác thải ở nơi công cộng;
- Thu gom rác thải sân vườn;
- Thu gom rác thải từ công trình xây dựng và bị phá hủy;
- Thu gom và dọn dẹp các mảnh vụn như cành cây và gạch vỡ;
- Thu gom rác thải dầu ra của các nhà máy công nghiệp;
- Hoạt động của các trạm gom rác không độc hại.

Loại trừ:

- Thu gom nước thải được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải);
- Thu gom rác độc hại được phân vào nhóm 3812 (Thu gom rác thải độc hại);
- Hoạt động của bãi chôn lấp rác thải không độc hại và lưu trữ vĩnh viễn rác thải không độc hại được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại);
- Hoạt động của cơ sở phân loại chất thải có thể tái chế được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);
- Hoạt động của các cơ sở tái chế chất thải.

3812: Thu gom rác thải độc hại

- Nhóm này gồm: Việc thu gom rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gi sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá hủy dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khỏe con người và môi trường. Nó có thể được phân loại, xử lý, đóng gói và dán nhãn chất thải cho mục đích vận chuyển.

- Nhóm này cũng gồm:

- + Thu gom chất thải nguy hiểm có nguồn gốc từ động vật;
- + Thu gom chất thải hạt nhân;
- + Thu gom được phẩm hết hạn sử dụng,...

Loại trừ:

- Thu gom rác thải không độc hại được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại);

- Hoạt động của bãi chôn lấp rác thải độc hại và lưu trữ vĩnh viễn rác thải độc hại được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại);

- Khôi phục và dọn sạch các toà nhà hư hỏng, các khu mỏ, các vùng đất, nước mặt bị ô nhiễm như việc loại bỏ các amiăng được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

38121: Thu gom rác thải y tế

Nhóm này gồm: Thu gom rác thải từ các cơ sở y tế.

38129: Thu gom rác thải độc hại khác

Nhóm này gồm:

- Thu gom các loại rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gi sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá hủy dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khỏe con người và môi trường;

- Thu gom dầu đã qua sử dụng từ tàu thuyền hoặc gara ô tô;
- Thu gom rác thải độc hại sinh học;
- Ấc quy đã qua sử dụng;
- Hoạt động của các trạm chu chuyển các chất thải độc hại.

382: Xử lý và tiêu hủy rác thải

Nhóm này gồm: Việc xử lý trước khi bỏ đi các loại rác thải theo các cách thức đa dạng bằng các phương tiện khác nhau, cũng như xử lý rác thải hữu cơ với

mục đích tiêu hủy; xử lý và tiêu hủy các động vật sống hoặc chết bị nhiễm độc và các chất thải do hư hỏng khác; xử lý và tiêu hủy các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái của các bệnh viện, vứt bỏ rác thải trên mặt đất hoặc dưới nước; chôn lấp rác thải; tiêu hủy các hàng hóa đã qua sử dụng như tủ lạnh nhằm mục đích loại bỏ các chất thải gây hại; tiêu hủy các chất thải bằng cách đốt cháy. Nhóm này còn bao gồm cả việc phát điện kết quả từ xử lý đốt chất thải.

Loại trừ:

- Xử lý và tiêu hủy nước thải được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải);

- Tái chế chất thải được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

3821: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại

Nhóm này gồm:

Việc xử lý trước khi tiêu hủy và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như:

- Hoạt động của các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại;

- Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro, tro bay hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác;

- Xử lý rác thải hữu cơ để tiêu hủy;

- Xử lý rác thải hữu cơ để chôn lấp hoặc lưu trữ vĩnh viễn;

- Sản xuất phân com pốt từ chất thải hữu cơ.

Nhóm này cũng gồm:

- Lưu trữ ngầm vĩnh viễn chất thải trong khoang địa chất sâu như mỏ muối hoặc mỏ kali;

- Lưu trữ khí CO₂ đã thu giữ.

Loại trừ:

- Hoạt động của các trạm chu chuyển chất thải được phân vào nhóm 381 (Thu gom rác thải);

- Lưu giữ chất thải trước khi đi tái chế được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Đốt, thiêu hủy rác thải nguy hiểm được phân vào nhóm 38229 (Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác);

- Hoạt động của các cơ sở mà nguyên, vật liệu có thể tái sử dụng đang ở dạng hỗn hợp như giấy, nhựa, lon đựng đồ uống đã dùng và kim loại, cần được phân loại riêng được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Hoạt động thu giữ các-bon; khử độc và làm sạch đất, nước; tiêu hủy các vật liệu nhiễm độc được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

38211: Sản xuất điện từ rác thải

Nhóm này gồm: Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có dẫn đến sản xuất điện.

38212: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại khác (trừ sản xuất điện từ rác thải)

Nhóm này gồm:

Việc xử lý trước khi tiêu hủy và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như:

- Hoạt động của các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại;

- Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác không dẫn đến sản xuất điện; có hoặc không có dẫn đến sản xuất hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro, tro bay hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác;

- Xử lý rác thải hữu cơ để tiêu hủy;

- Xử lý rác thải hữu cơ để chôn lấp hoặc lưu trữ vĩnh viễn;

- Sản xuất phân com pôt từ chất thải hữu cơ.

Nhóm này cũng gồm:

- Lưu trữ ngầm vĩnh viễn chất thải trong khoang địa chất sâu như mỏ muối hoặc mỏ kali;

- Lưu trữ khí CO₂ đã thu giữ.

3822: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

Nhóm này gồm: Việc lọc bỏ xử lý trước khi đưa vào tiêu hủy các chất thải độc hại dạng rắn và không rắn, gồm các chất thải như chất gây nổ, chất gi sét, dễ cháy, chất độc, kích thích, chất gây ung thư, chất phá hủy dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khỏe con người và môi trường.

Loại trừ:

- Đốt chất thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại);

- Khử độc và làm sạch đất, mặt nước; tiêu hủy các nguyên vật liệu độc được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác);

- Tái xử lý nhiên liệu hạt nhân được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản).

38221: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế

Nhóm này gồm: Hoạt động của các phương tiện xử lý và tiêu hủy rác thải từ các cơ sở y tế.

38229: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các cơ sở xử lý rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy các động vật sống và chết bị nhiễm độc và các chất thải gây bệnh khác;
- Tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tiêu hủy các hàng hóa đã qua sử dụng như tủ lạnh để loại trừ các chất thải gây hại;
- Xử lý, tiêu hủy và cất giữ các chất thải hạt nhân phóng xạ như:
 - + Xử lý và tiêu hủy các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái tức là những chất đang phân hủy trong quá trình vận chuyển từ bệnh viện,
 - + Đóng gói, chuẩn bị các điều kiện và các hoạt động xử lý khác đối với chất thải hạt nhân để cất giữ.

383 - 3830: Tái chế phế liệu

Nhóm này gồm: Quá trình chế biến các loại phế liệu, phế thải từ kim loại và phi kim loại thành dạng nguyên liệu thô thứ cấp để sử dụng vào các mục đích khác nhau. Quá trình chế biến được sử dụng kỹ thuật cơ học hoặc hóa học. Gồm việc tái chế các nguyên liệu từ các chất thải theo dạng là lọc và phân loại những nguyên liệu có thể tái chế từ các chất thải không độc hại (như là rác nhà bếp) hoặc lọc và phân loại các nguyên liệu có thể tái chế ở dạng hỗn hợp, ví dụ như giấy, nhựa, hộp đựng đồ uống đã qua sử dụng và kim loại thành các nhóm riêng.

Loại trừ:

- Sản xuất các sản phẩm hoàn chỉnh mới từ nguyên liệu thô thứ cấp (tự hoặc không tự sản xuất) như sản xuất sợi từ bông phế liệu, làm bột giấy từ giấy, giấy loại, đắp lại lốp xe hoặc sản xuất kim loại từ các mảnh vụn kim loại được phân vào các nhóm ngành tương ứng trong ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo);
- Xử lý lại nhiên liệu hạt nhân được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản);

- Nấu chảy lại sắt phế liệu và mảnh vụn sắt được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang);

- Nấu chảy lại nhựa để sản xuất hạt hoặc hợp chất được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Xử lý và tiêu hủy rác thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại);

- Xử lý các rác thải hữu cơ để tiêu hủy được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại);

- Tái chế năng lượng từ việc xử lý đốt các chất thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại);

- Tiêu hủy hàng hóa đã qua sử dụng như tủ lạnh để tránh rác thải gây hại được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại);

- Xử lý và tiêu hủy các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái từ các bệnh viện được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại);

- Xử lý và tiêu hủy chất thải độc, chất thải gây ô nhiễm được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại);

- Tháo dỡ ô tô, máy tính, tivi và các thiết bị khác để thu và bán lại các bộ phận có thể dùng được được phân vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ);

- Bán buôn các nguyên liệu có thể tái chế được phân vào nhóm 4679 (Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu).

38301: Tái chế phế liệu kim loại

Nhóm này gồm:

- Nghiền cơ học đối với chất thải kim loại như ô tô đã bỏ đi, máy giặt, xe đạp, ... với việc lọc và phân loại được thực hiện tiếp theo;

- Tháo dỡ ô tô, máy tính, tivi và các thiết bị khác để tái chế nguyên liệu;

- Thu nhỏ các tấm kim loại lớn như các toa xe đường sắt;

- Nghiền nhỏ các rác thải kim loại, như các phương tiện xe không còn dùng được nữa;

- Các phương pháp xử lý cơ học khác như cắt, nén để giảm khối lượng;

- Phá hủy tàu.

38302: Tái chế phế liệu phi kim loại

Nhóm này gồm:

- Tái chế phi kim loại không phải rác thải trong nhiếp ảnh, ví dụ như dung dịch tráng hoặc phim và giấy ảnh;

- Tái chế cao su như các lốp xe đã qua sử dụng để sản xuất các nguyên liệu thô thứ cấp;

- Phân loại và tổng hợp nhựa để sản xuất các nguyên liệu thô thứ cấp như làm ống, lọ hoa, băng màu và những thứ tương tự;

- Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ;

- Xử lý tro đáy lò đốt thành nguyên liệu thô thứ cấp (kim loại, cốt liệu);

- Đập nhỏ, làm sạch và phân loại thủy tinh;

- Đập nhỏ, làm sạch và phân loại các rác thải khác như rác thải từ đồng đồ nát để sản xuất các nguyên liệu thô thứ cấp;

- Xử lý dầu và mỡ ăn qua sử dụng thành nguyên liệu thô thứ cấp;

- Xử lý chất thải từ thực phẩm, đồ uống, thuốc lá và chất còn dư thành nguyên liệu thô thứ cấp.

39: XỬ LÝ Ô NHIỄM VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI KHÁC

Ngành này gồm: Việc cung cấp dịch vụ khắc phục hậu quả, như việc dọn sạch các khu vực và các tòa nhà hư hỏng, khu mỏ, đất, mặt nước và nước ngầm bị ô nhiễm.

390 - 3900 - 39000: Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

Nhóm này gồm:

- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hóa học hoặc sinh học;

- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;

- Khử độc và làm sạch nước mặt tại các nơi sau khi bị ô nhiễm ngẫu nhiên, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng hóa chất;

- Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng ven biển;

- Loại bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;

- Rà phá bom mìn, bao gồm cả kích nổ tại chỗ;

- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác;

- Hoạt động thu giữ và lưu trữ các-bon;

- Phục hồi tại các khu mỏ.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động phục hồi, kiểm soát và giám sát ô nhiễm tại chỗ.

Loại trừ:

- Kiểm soát dịch hại trong nông nghiệp được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt);
- Làm sạch nước phục vụ mục đích cung cấp nước được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);
- Xử lý chất thải để tái chế được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);
- Xử lý chất thải để tiêu hủy được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu hủy rác thải);
- Quét dọn và phun nước trên đường phố được phân vào nhóm 81290 (Dịch vụ vệ sinh khác);
- Cải tạo dự án kỹ thuật dân dụng tại các địa điểm khai thác mỏ được phân vào ngành F (Xây dựng).

F: XÂY DỰNG

Ngành này gồm:

Tất cả các hoạt động xây dựng công trình chung và xây dựng chuyên dụng cho các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Bao gồm: xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các cấu trúc hoặc cấu kiện đúc sẵn trên mặt bằng xây dựng và xây dựng các công trình tạm.

Hoạt động xây dựng chung bao gồm: Xây dựng nhà ở, nhà làm việc, nhà kho, các công trình công ích và công cộng khác, các công trình nông nghiệp... Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng bao gồm: đường xe ô tô, đường phố, cầu, cống, đường sắt, sân bay, cảng và các công trình thủy khác, hệ thống thủy lợi, hệ thống cấp, thoát nước, công trình công nghiệp, đường ống và đường dây điện, công trình thể thao... Các công việc này có thể tự thực hiện hay thuê ngoài trên cơ sở phí hoặc hợp đồng, bao gồm các hoạt động trung gian cho xây dựng.

Một phần hoặc toàn bộ công việc có thể được thực hiện dưới dạng ký hợp đồng phụ với các nhà thầu khoán. Một đơn vị thực hiện xây dựng toàn bộ một dự án cũng nằm trong ngành này. Sửa chữa nhà ở và các công trình xây dựng dân dụng cũng nằm ở ngành này. Bảo trì, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị tạo thành một phần không thể tách rời của tòa nhà, ví dụ: thang cuốn, hệ thống điều hòa không khí được xếp ở ngành F nếu được thực hiện tại công trường xây dựng.

Ngành này gồm: Xây dựng hoàn chỉnh công trình nhà ở (ngành 41), xây dựng hoàn chỉnh công trình dân dụng (ngành 42) và hoạt động xây dựng chuyên dụng nếu như các hoạt động này được thực hiện như là một phần của quá trình xây dựng (ngành 43).

Việc cho thuê thiết bị xây dựng có kèm người điều khiển được phân vào hoạt động xây dựng cụ thể được thực hiện với thiết bị.

Ngành này cũng gồm: Nâng cấp và trùng tu các di tích lịch sử và công trình kiến trúc là một phần của di sản văn hóa.

Loại trừ:

- Bảo tồn các di tích lịch sử và công trình kiến trúc được phân vào nhóm 91300 (Bảo tồn, phục hồi và các hoạt động hỗ trợ khác cho di sản văn hóa);

- Khai quật khảo cổ được phân vào nhóm 722 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn);

- Lắp dựng các công trình xây dựng đúc sẵn hoàn chỉnh từ các bộ phận tự sản xuất nhưng không phải bằng bê tông được phân vào ngành 16 (Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện) và ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);

- Các hoạt động gia công không được thực hiện tại công trình xây dựng được phân vào ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo).

41 - 410: XÂY DỰNG NHÀ CÁC LOẠI

Ngành này gồm:

Hoạt động xây dựng hoàn chỉnh các khu nhà để ở hoặc không phải để ở, cũng như các công trình cải tạo và sửa chữa. Có thể tự thực hiện hay trên cơ sở hợp đồng hoặc phi. Công việc này có thể thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ. Các đơn vị chỉ thực hiện một số công đoạn của quy trình xây dựng được xếp vào ngành 43 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng).

4101 - 41010: Xây dựng nhà để ở

Nhóm này gồm:

- Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như:

- + Nhà cho một hộ gia đình,

- + Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.

- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.

Loại trừ:

- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4102 - 41020: Xây dựng nhà không để ở

Nhóm này gồm:

- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như:
 - + Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp không bao gồm dây chuyền máy móc, thiết bị được lắp đặt trong quá trình xây dựng;
 - + Bệnh viện, trường học, nhà làm việc,
 - + Khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê, nhà kinh doanh, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại,
 - + Nhà ga hàng không,
 - + Khu thể thao trong nhà,
 - + Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm,
 - + Kho chứa hàng,
 - + Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng.
- Xây dựng tại hiện trường xây dựng các công trình lắp ghép do một đơn vị khác sản xuất.

Nhóm này cũng gồm:

- Toàn bộ việc tu sửa và cải tạo các loại nhà không để ở;
- Xây dựng các công trình được hỗ trợ bằng không khí, ví dụ: mái vòm không khí,...

Loại trừ:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, loại trừ công trình nhà được phân vào nhóm 42930 (Xây dựng công trình chế biến, chế tạo);
- Lắp đặt các công trình nhà lắp ghép được phân vào nhóm 43900 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác);
- Xây dựng công trình thể thao ngoài trời được phân vào nhóm 42990 (Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác);
- Phát triển các dự án xây dựng để bán sau này được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);
- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động

kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

42: XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG

Ngành này gồm:

Xây dựng các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng, bao gồm xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các công trình đúc sẵn trên công trường và xây dựng các công trình tạm;

Xây dựng các công trình lớn như đường ô tô, đường phố, nhà máy điện, cầu, cống, đường sắt, sân bay, cảng và công trình thủy khác, hệ thống thủy lợi, hệ thống thoát nước thải, công trình công nghiệp, đường ống và đường điện, khu thể thao ngoài trời... cũng nằm trong phần này. Các công việc này có thể tự thực hiện hay trên cơ sở phí hoặc hợp đồng, bao gồm cả các hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng. Một phần công việc và đôi khi là toàn bộ công việc có thể được thực hiện dưới dạng ký hợp đồng phụ với các nhà thầu khoán.

421: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;

- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:

+ Rải nhựa đường;

+ Sơn đường và các loại tương tự;

+ Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự.

- Xây dựng cầu, bao gồm cầu trên đường cao tốc;

- Xây dựng đường hầm;

- Xây dựng đường sắt và đường cho tàu điện ngầm;

- Xây dựng đường băng sân bay;

- Xây dựng đường dây điện trên không và ray dẫn điện dùng cho đường sắt.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);

- Hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc);
- Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4211 - 42110: Xây dựng công trình đường sắt

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường sắt (bao gồm cả cầu đường sắt);
- Xây dựng hầm đường sắt;
- Xây dựng đường tàu điện ngầm;
- Xây dựng ray dẫn điện dùng cho đường sắt;
- Sơn đường sắt;
- Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt và các loại tương tự.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);
- Hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc);
- Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4212 - 42120: Xây dựng công trình đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;
- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:
 - + Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...;
 - + Sơn đường và các hoạt động sơn khác,
 - + Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự.
- Xây dựng cầu, bao gồm cả cầu (không tính cầu đường sắt);
- Xây dựng hầm đường bộ;

- Xây dựng đường băng sân bay, sân đỗ máy bay;
- Xây dựng đường dây điện trên không.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);
- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);
- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

422: Xây dựng công trình công ích

Nhóm này gồm:

- Xây dựng các mạng lưới đường ống vận chuyển, phân phối và các công trình, cấu trúc có liên quan:

+ Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông,

+ Các đường ống, mạng lưới truyền năng lượng, viễn thông và các công trình phụ trợ ở thành phố.

- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như:

+ Hệ thống thủy lợi (kênh), ví dụ: công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch...;

+ Hồ chứa.

- Xây dựng các công trình của:

+ Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa,

+ Nhà máy xử lý nước thải,

+ Trạm bơm,

+ Nhà máy năng lượng.

- Khoan nguồn nước, khoan giếng.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4221 - 42210: Xây dựng công trình điện

Nhóm này gồm:

- Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như:

- + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài,
- + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố,
- + Trạm biến áp.
- Xây dựng nhà máy điện;
- Xây dựng trạm xạc điện.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4222 - 42220: Xây dựng công trình cấp, thoát nước

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như:
 - + Hệ thống thủy lợi (kênh), ví dụ: công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch...;
 - + Hồ chứa.
- Xây dựng các công trình của:
 - + Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa,
 - + Nhà máy xử lý nước thải,
 - + Trạm bơm.
- Khoan nguồn nước, khoan giếng.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4223 - 42230: Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Nhóm này gồm:

- Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan:
 - + Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông,
 - + Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ.

- Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4229 - 42290: Xây dựng công trình công ích khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình xử lý bùn;
- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

429: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp không phải nhà như:
 - + Công trình khai thác mỏ, ví dụ: giếng, tầng và đường hầm,
 - + Nhà máy lọc dầu,
 - + Nhà máy hóa chất,
 - + Cơ sở lưu trữ ngũ cốc.
- Xây dựng công trình thủy như:
 - + Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...
 - + Đập và đê.
- Hoạt động nạo vét đường thủy;
- Xây dựng đường hầm;
- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời, công trình chợ;
- Xây dựng sân chơi.

Nhóm này cũng gồm: Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp mở rộng đường, cơ sở hạ tầng tiện ích).

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được